BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG KHOA KINH TẾ

BỘ MÔN KẾ TOÁN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG

Giảng viên hướng dẫn : Th.S Nguyễn Thị Thanh Phương

Sinh viên thực hiện : Bùi Thị Thu Hương

Mã số sinh viên : 2254010022

Khóa học: 2022-2026 Lớp: 22KH1

Đà Nẵng, tháng 6 năm 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ

BỘ MÔN KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phú

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

Họ và tên sinh viên : Bùi Thị Thu Hương

Chuyên ngành : Kế toán

Trình độ : Đại học

Khóa học : 2022 – 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần nguyên liệu gỗ miền Trung.

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp: Số liệu thực tế từ Công ty Cổ phần nguyên liệu gỗ miền Trung.

4. Các bảng biểu: Hệ thống các bảng biểu

5. Cán bộ hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Thanh Phương.

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 01/06/2026

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT7

DANH MỤC HÌNH ẢNH8

DANH MỤC BẢNG10

DANH MỤC SƠ ĐỒ11

LỜI CẢM ƠN12

LỜI MỞ ĐẦU13

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....1

1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....1

1.1.1. Các khái niệm về doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu. 1

1.1.2. Khái niệm về chi phí 1

1.1.3. Khái niệm về kết quả hoạt động kinh doanh.....1

1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh 2

1.3. Ý nghĩa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh 3

1.4. Kế toán doanh thu – thu nhập tại DN 3

1.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 3

1.4.1.1. Điều kiện ghi nhận doanh thu 3

1.4.1.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng 4

1.4.1.3. Kết cấu tài khoản. 5

1.4.1.4. Phương pháp hạch toán.....5

1.4.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....7

1.4.2.1. Chứng từ, tài khoản sử dụng 7

1.4.2.2. Phương pháp kế toán.....7

1.4.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....8

1.4.3.1 Nội dung doanh thu hoạt động tài chính.....8

1.4.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng 8

1.4.3.3 Kết cấu tài khoản 8

1.4.3.4. Phương pháp hạch toán 9

1.4.4. Kế toán thu nhập khác.....10

1.4.4.1.Nội dung thu nhập khác 10

1.4.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng 10

1.4.4.3. Kết cấu tài khoản **10**
1.4.4.4. Phương pháp hạch toán **11**
1.5. Kế toán chi phí tại doanh nghiệp **11**
1.5.1. Kế toán giá vốn hàng bán **11**
1.5.1.1 Nội dung giá vốn hàng bán **11**
1.5.1.2. Các phương pháp xác định giá vốn **12**
1.5.1.3. Chứng từ và tài khoản sử dụng **12**
1.5.1.4. Kết cấu tài khoản. **13**
1.5.1.5. Phương pháp hạch toán **13**
1.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính **14**
1.5.2.1. Nội dung chi phí hoạt động tài chính **14**
1.5.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng **14**
1.5.2.3. Kết cấu tài khoản **14**
1.5.2.4. Phương pháp hạch toán **15**
1.5.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh **15**
1.5.3.1. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh **15**
1.5.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng **16**
1.5.3.3. Kết cấu tài khoản **16**
1.5.3.4. Phương pháp hạch toán **17**
1.5.4. Kế toán chi phí khác **17**
1.5.4.1. Nội dung chi phí khác **17**
1.5.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng **18**
1.5.4.3. Kết cấu tài khoản **18**
1.5.4.4. Phương pháp hạch toán **18**
1.5.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. **19**
1.5.5.1. Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp **19**
1.5.5.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng **20**
1.5.5.3. Kết cấu tài khoản. **20**
1.5.5.4. Phương pháp hạch toán **21**
1.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp **21**
1.6.1.. Nội dung xác định kết quả hoạt động kinh doanh **21**
1.6.2. Phương pháp xác định kết quả hoạt động kinh doanh **21**
1.6.3. Tài khoản sử dụng **22**

1.6.4. Kết cấu tài khoản 22
1.6.5. Phương pháp hạch toán 23
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG 24
2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ Miền Trung 24
2.1.1. Thông tin khái quát về công ty 24
2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển tại đơn vị 24
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lí tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ Miền Trung. 25
2.1.3.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty 25
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ Miền Trung 26
2.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu gỗ miền Trung 30
2.2.1. Kế toán doanh thu tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu gỗ miền Trung 30
2.2.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu gỗ miền Trung 43
2.2.1.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính 43
2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác. 47
2.2.2. Kế toán chi phí tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu gỗ miền Trung. 47
2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán 47
2.2.2.2 Kế toán chi phí tài chính 54
2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh 56
2.2.2.4. Kế toán chi phí khác 70
2.2.2.5. Kế toán chi phí thuế TNDN 73
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu gỗ miền Trung 77
2.2.4. Quy trình đối chiếu doanh thu , chi phí, lợi nhuận vào cuối kì tại Công ty Cổ phần nguyên liệu Gỗ miền Trung. 81
CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU 87
GỖ MIỀN TRUNG 87
3.1. Nhận xét về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ Miền Trung 87

3.1.1. Ưu điểm của công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ Miền Trung **.....87**

3.1.2. Hạn chế của công tác đào tạo tại Công ty......**88**

3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ Miền Trung....89

KẾT LUẬN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Ý nghĩa của từ viết tắt
TSCĐ	Tài sản cố định
GTGT	Giá trị giá tăng
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
XK	Xuất khẩu
BVMT	Bảo vệ môi trường
CCDV	Cung cấp dịch vụ
TH	Trường hợp
CKTM	Chiết khấu thương mại
GGHB	Giảm giá hàng bán
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
CCDC	Công cụ dụng cụ
KC	Kết chuyển
TK	Tài khoản
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
VAT	Thuế GTGT
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
NVL	Nguyên vật liệu
QLKD	Quản lý kinh doanh
BPBH	Bộ phận bán hàng
BPQLDN	Bộ phận quản lý doanh nghiệp

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1. Logo Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ Miền Trung 24
Hình 2.2. Giao diện ghi nhận bán hàng ở phần mềm Misa Amis 35
Hình 2.3. Phiếu xuất kho kiêm hóa đơn bán hàng ngày 28/02/2025 35
Hình 2.4. Hoá đơn GTGT số 12 ngày 28/02/2025.....36
Hình 2.5. Giao diện hạch toán HĐBR theo HĐ số 12 trên phần mềm Smart Pro. ...37
Hình 2.6. Giao diện lấy phiếu thu số 12 tại phần mềm Smart Pro.....37
Hình 2.7. Phiếu thu theo HĐ 12 38
Hình 2.8. Hoá đơn GTGT số 48 ngày 06/06/2025.....39
Hình 2.9. Giao diện truy cập sổ chi tiết tài khoản trên phần mềm Smart Pro 41
Hình 2.10. Sao kê ngân hàng Mbbank 44
Hình 2.11. Giao diện hạch toán lãi tiền gửi trên phần mềm Smart Pro 45
Hình 2.12. Giao diện xử lí giá vốn trên phần mềm Smart Pro 48
Hình 2.13. Giao diện lấy phiếu xuất kho 12 từ phần mềm Smart Pro 49
Hình 2.14. Phiếu xuất kho theo HĐ số 12 49
Hình 2.15. Phiếu xuất kho theo HĐ số 48. 51
Hình 2.16. Sao kê ngân hàng Mbbank 54
Hình 2.17. Giao diện hạch toán trả lãi vay trên phần mềm Smart Pro 55
Hình 2.18. Bảng thanh toán lương tháng 03/2025 58
Hình 2.19. Giao diện hạch toán tính lương tháng 03 trên phần mềm Smart Pro.....59
Hình 2.20. Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước 61
Hình 2.21. Sao kê ngân hàng 61
Hình 2.22. Giao diện hạch toán trong phần mềm Smart Pro 62
Hình 2.23. Hóa đơn GTGT 25 ngày 03/07/2025 63
Hình 2.24. Giao diện hạch toán vào phần mềm 64
Hình 2.25. Phiếu chi cho hóa đơn số 25 ở phần mềm 65
Hình 2.26. Sao kê ngân hàng năm 2025 của Sacombank 66
Hình 2.27. Giao diện phiếu phân bổ khấu hao tài sản, công cụ trên phần mềm.....67
Hình 2.28. Giao diện trích chi phí chờ phân bổ 68
Hình 2.29. Bảng trích chi phí chờ phân bổ 68
Hình 2.30. Thông báo từ Cục thuế về khoản tiền nộp chậm 71
Hình 2.31. Giao diện hạch toán tiền chậm nộp trên phần mềm Smart Pro.....72
Hình 2.32. Trích phần đầu của tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 74
Hình 2.33 Trích phần cuối của tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 75
Hình 2.32. Giao diện kết chuyển trên chứng từ gốc ở phần mềm Smart pro 78

Hình 2.33. Giao diện lấy bảng kê chứng từ trên phần mềm Smart Pro 82
Hình 2.34. Giao diện tạo hóa đơn thay thế trên phần mềm Cyberbill 83
Hình 2.35. Giao diện truy cập sổ chứng từ gốc trên phần mềm Smart Pro 83
Hình 2.36. Sổ chứng từ gốc trên phần mềm Smart Pro 84
Hình 3.1. Chỉ tiêu ở sổ chi tiết được thêm theo góp ý cá nhân.....89
Hình 3.2. Bảng lương đề xuất tháng 03/2025 93

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Danh sách tên hàng hoá từ kho hàng hoá của Công ty.....31
Bảng 2.2. Sổ cái TK 511 40
Bảng 2.3. Sổ chi tiết TK 5111.....42
Bảng 2.4. Sổ cái 515 46
Bảng 2.5. Sổ chi tiết TK 515.....47
Bảng 2.6. Sổ chi tiết vật tư hàng hóa Gỗ thông xẻ sấy. 50
Bảng 2.7. Sổ Cái 632.....52
Bảng 2.8. Sổ chi tiết TK 632.....53
Bảng 2.9. Sổ cái TK 635 56
Bảng 2.10. Sổ chi tiết TK 635.....56
Bảng 2.11. Sổ chi tiết TK 6421.....60
Bảng 2.12. Sổ cái TK 642 69
Bảng 2.13. Sổ chi tiết TK 6422.....70
Bảng 2.14. Sổ chi tiết TK 811.....72
Bảng 2.15. Sổ chi tiết TK 811.....73
Bảng 2.16. Sổ cái TK 821 76
Bảng 2.17. Sổ chi tiết 821 77
Bảng 2.18. Sổ cái TK 911 79
Bảng 2.19. Sổ chi tiết TK 911.....80
Bảng 3.1. Bảng Báo cáo KQHDKD trước và sau khi điều chỉnh.....94

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....5
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán doanh thu từ bán hàng trả chậm trả góp.....6
Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị giao hàng đại lý....6
Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị nhận làm đại lý.....7
Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.....7
Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán khi nhận lại sản phẩm, hàng hóa.....8
Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán khi thu hồi sản phẩm, hàng hóa 8
Sơ đồ 1.8. Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....9
Sơ đồ 1.9. Sơ đồ trình tự kế toán thu nhập khác 11
Sơ đồ 1.10. Sơ đồ trình tự kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên. 13
Sơ đồ 1.11. Sơ đồ trình tự kế toán chi phí tài chính.....15
Sơ đồ 1.12. Sơ đồ trình tự kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....17
Sơ đồ 1.13. Sơ đồ trình tự kế toán chi phí khác 18
Sơ đồ 1.14. Sơ đồ trình tự kế toán chi phí thuế TNDN 21
Sơ đồ 1.15. Sơ đồ trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh 23
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lí tại Công ty. 25
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty.....26
Sơ đồ 2.3. Hình thức sổ Nhật ký chung 28
Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán trên phần mềm Smart pro.....29
Sơ đồ 2.5. Quy trình luân chuyển hàng hoá.....30
Sơ đồ 2.6. Quy trình mua hàng tại Công ty Cổ phần nguyên liệu Gỗ miền Trung. .33
Sơ đồ 2.7. Sơ đồ quy trình đối chiếu hóa đơn của Công ty 81

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, em xin được bày tỏ lòng tri ân sâu sắc nhất đến quý thầy cô Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đặc biệt là các thầy cô trong Khoa Kinh tế, những người đã tận tụy truyền lửa đam mê và trang bị cho em nền tảng tri thức vững chắc. Những bài học không chỉ nằm trong trang sách mà còn là những giá trị đạo đức nghề nghiệp quý báu mà em sẽ mang theo suốt hành trình sự nghiệp sau này. Khóa luận tốt nghiệp với đề tài "Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ miền Trung" không chỉ là cột mốc khép lại hành trình giảng đường, mà còn là thành quả từ sự tận tâm chỉ dạy của thầy cô và sự hỗ trợ nhiệt thành từ các tổ chức, cá nhân.

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến Cô Nguyễn Thị Thanh Phương – Giảng viên hướng dẫn. Em thực sự may mắn khi được Cô trực tiếp dẫn dắt, luôn theo sát, tận tình góp ý và giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này một cách tốt nhất. Chính sự kiên nhẫn, những định hướng khoa học sắc bén cùng những lời động viên kịp thời của Cô đã giúp em vượt qua những bỡ ngỡ ban đầu để hoàn thiện đề tài một cách trọn vẹn nhất.

Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn đến Ban lãnh đạo cùng các anh, chị tại phòng Kế toán – Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ miền Trung. Cảm ơn các anh chị đã mở lòng đón nhận, tận tình chia sẻ những kinh nghiệm thực tiễn quý giá và tạo mọi điều kiện tốt nhất để em được tiếp cận với môi trường làm việc thực tế sinh động.

Dù đã dành nhiều tâm huyết và nỗ lực để hoàn thành khóa luận, song do kiến thức và kinh nghiệm thực tế của bản thân còn hạn chế, bài viết chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ quý thầy cô để kiến thức của em ngày càng được hoàn thiện và vững vàng hơn.

Cuối cùng, em xin chúc quý thầy, cô và ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ miền Trung sức khỏe và thành công trong sự nghiệp giảng dạy, đạt được nhiều thành công trong công việc của mình.

Em xin chân thành cảm ơn !

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, việc nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh là yếu tố sống còn đối với mỗi doanh nghiệp. Sự cạnh tranh gay gắt, biến động của thị trường, chính sách pháp luật và yêu cầu ngày càng cao từ khách hàng đã đặt ra nhiều thách thức cho hoạt động sản xuất – kinh doanh. Để tồn tại và phát triển bền vững, doanh nghiệp buộc phải không ngừng nâng cao hiệu quả quản lý, đặc biệt là trong công tác quản trị tài chính và kế toán.

Muốn cho doanh nghiệp bảo toàn được số vốn kinh doanh và quan trọng là hoạt động có lợi nhuận. Bên cạnh các biện pháp quản lý chung, doanh nghiệp cần nhận thức và quản lý tốt nghiệp vụ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ và xác định đúng đắn kết quả kinh doanh vì nó chính là cơ sở để doanh nghiệp có thu nhập bù đắp chi phí bỏ ra, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước. Từ đó có thể tồn tại và phát triển ngày càng vững mạnh trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh sôi động, khốc liệt.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, trong suốt quá trình thực tập ở Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ miền Trung và được sự hướng dẫn tận tình của GVHD Th.S Nguyễn Thị Thanh Phương cùng với sự giúp đỡ của cán bộ kế toán trong phòng kế toán công ty, em đã thực hiện khóa luận tốt nghiệp của mình với đề tài: "Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh ".

Khoá luận tốt nghiệp gồm 3 phần:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ Miền Trung.

Chương 3: Nhận xét và một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ Miền Trung.

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1. Các khái niệm về doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 (VAS) – Doanh thu và thu nhập khác các khái niệm cơ bản về doanh thu được trình bày như sau:

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ là doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ sau khi đã trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại và các loại thuế gián thu như thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng (đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp trực tiếp).

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 (VAS) – Doanh thu và thu nhập khác các khái niệm cơ bản về các khoản giảm trừ doanh thu được trình bày như sau:

Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng sớm.

Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu.

Giá trị hàng bán bị trả lại: là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

1.1.2. Khái niệm về chi phí

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS 01- Chuẩn mực chung các khái niệm cơ bản về chi phí được trình bày như sau:

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

1.1.3. Khái niệm về kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là việc xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Kết quả hoạt động kinh doanh là mục đích cuối cùng của doanh nghiệp và nó chịu ảnh hưởng của các yếu tố như quy mô, chất lượng, chiến lược trong quá trình sản xuất kinh doanh. Vì vậy, việc xác định kết quả hoạt động kinh doanh là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp rất quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Trong doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác. Tương ứng với 3 hoạt động trên là kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính với trị giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh (chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng).

+ Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Để đảm bảo hiệu quả trong việc quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán doanh thu và xác định kết quả hoạt động kinh doanh cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

– Ghi nhận và phản ánh ghi chép đầy đủ tình hình hiện tại và sự biến động về mặt số lượng, mẫu mã… đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ bán ra.

– Theo dõi, ghi nhận và phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh hoạt động trong doanh nghiệp để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí từ đó xác định được kết quả kinh doanh.

– Theo dõi, ghi nhận đầy đủ, chính xác giá vốn hàng bán và các chi phí hoạt động liên quan.

– Theo dõi, chi tiết các khoản phải thu, chi cho từng hoạt động của doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

– Ghi nhận, tổng hợp số liệu kế toán để phục vụ cho việc lập các báo cáo tài chính. Định kỳ, phân tích doanh thu, chi phí, lợi nhuận để xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đưa ra lời khuyên cho ban lãnh đạo đưa ra các quyết định tài chính cho doanh nghiệp.

– Nhiệm vụ cốt lõi của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh là đảm bảo cung cấp thông tin tài chính một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời cho nhà quản lý và những người quan tâm đến hoạt động doanh nghiệp. Từ đó, nhà quản lý có thể phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động và đưa ra các quyết định chiến lược đúng đắn cho doanh nghiệp.

1.3. Ý nghĩa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Việc tổ chức, triển khai hiệu quả công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh đóng vai trò quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

– Đối với doanh nghiệp: theo dõi thông tin, doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh giúp các nhà quản trị nắm bắt được thực trạng hoạt động để đưa ra những quyết định chiến lược và phương hướng phát triển nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

– Đối với nhà đầu tư: thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trên báo cáo tài chính, để có các cơ sở quyết định đầu tư đúng đắn.

– Đối với các tổ chức tài chính (ngân hàng, quỹ đầu tư, tổ chức tín dụng): thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh để đánh giá khả năng tài chính của doanh nghiệp quyết định cho vay hoặc cấp vốn đầu tư.

– Đối với nhà cung cấp: dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình khả năng thanh toán là cơ sở để nhà cung cấp quyết định có hợp tác với doanh nghiệp không, đồng thời lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp để giảm thiểu rủi ro.

– Đối với nhà nước: dựa trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan thuế xác định các khoản thuế doanh nghiệp phải nộp, góp phần đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

1.4. Kế toán doanh thu – thu nhập tại DN

1.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.4.1.1. Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/ TT – BTC hướng dẫn:

– Doanh thu bán hàng chỉ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn

tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hoá dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hoá, dịch vụ khác)

+ Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

– Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

+ Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

+ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.4.1.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng

❖ **Chứng từ sử dụng**

– Hoá đơn GTGT.

– Đơn đặt hàng.

– Hợp đồng kinh tế.

– Bảng kê hàng hoá dịch vụ bán ra.

– Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng,..

❖ **Tài khoản sử dụng.**

Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/TT-BTC:

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2.

– Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hoá.

– Tài khoản 5112 – Doanh thu bán thành phẩm.

– Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ.

– Tài khoản 5118 – Doanh thu khác.

1.4.1.3. Kết cấu tài khoản.

Nợ	TK 511	Có
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT theo phương pháp trực tiếp, TTĐB, XK, BVMT). - Các khoản giảm trừ doanh thu. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán

Tài khoản 511 không có số dư cuối kì

1.4.1.4. Phương pháp hạch toán

a. Trường hợp doanh thu từ bán hàng trực tiếp và chuyển hàng theo hợp đồng.

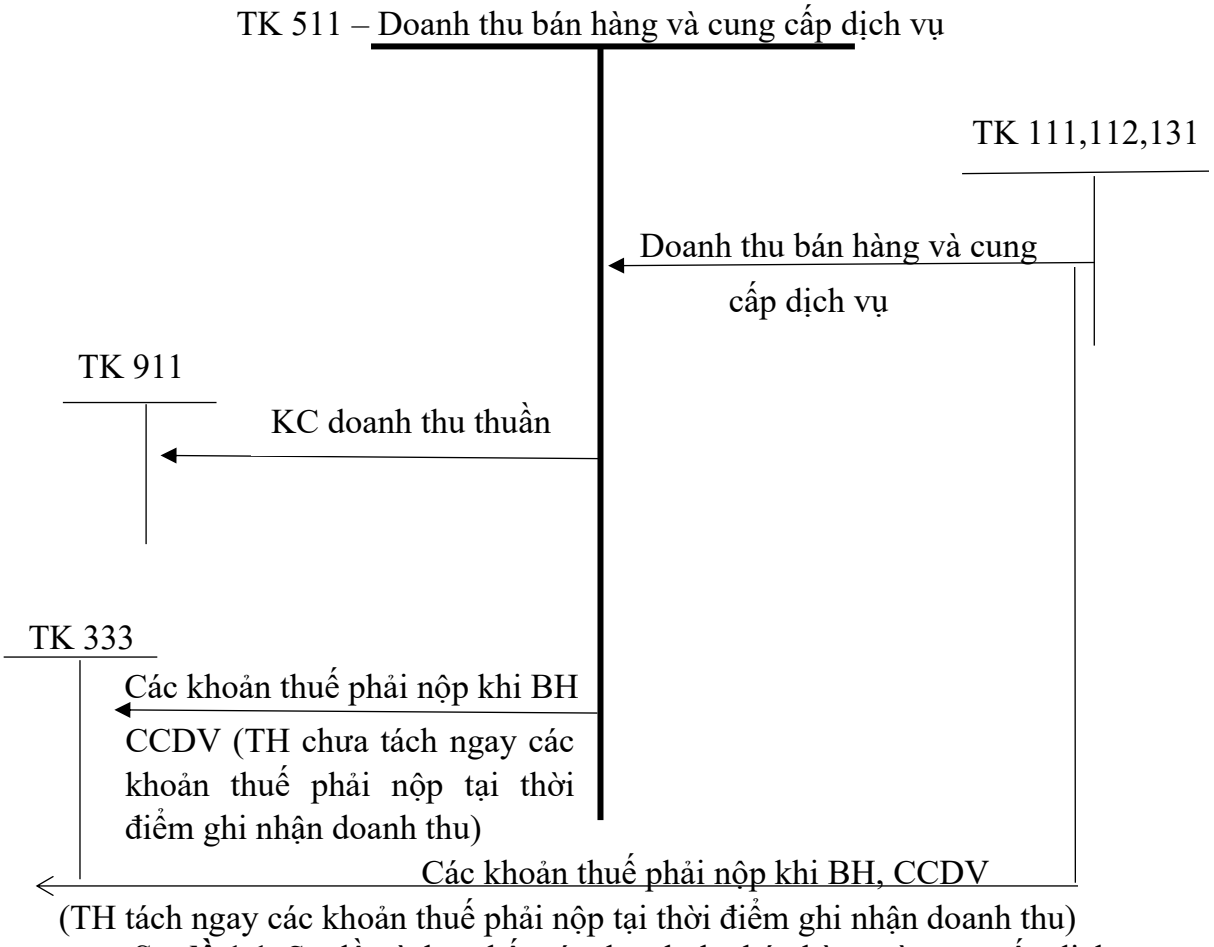

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

b. Trường hợp doanh thu từ bán hàng trả chậm trả góp

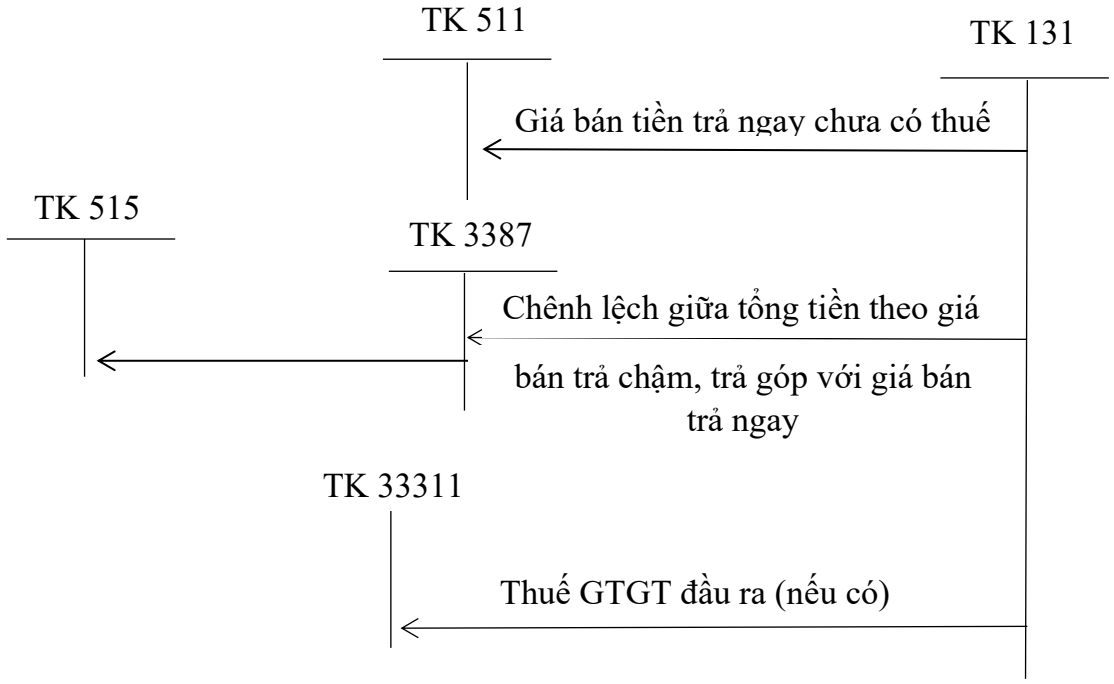

Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán doanh thu từ bán hàng trả chậm trả góp

c. Trường hợp bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng

❖ **Tại đơn vị giao hàng đai lý**

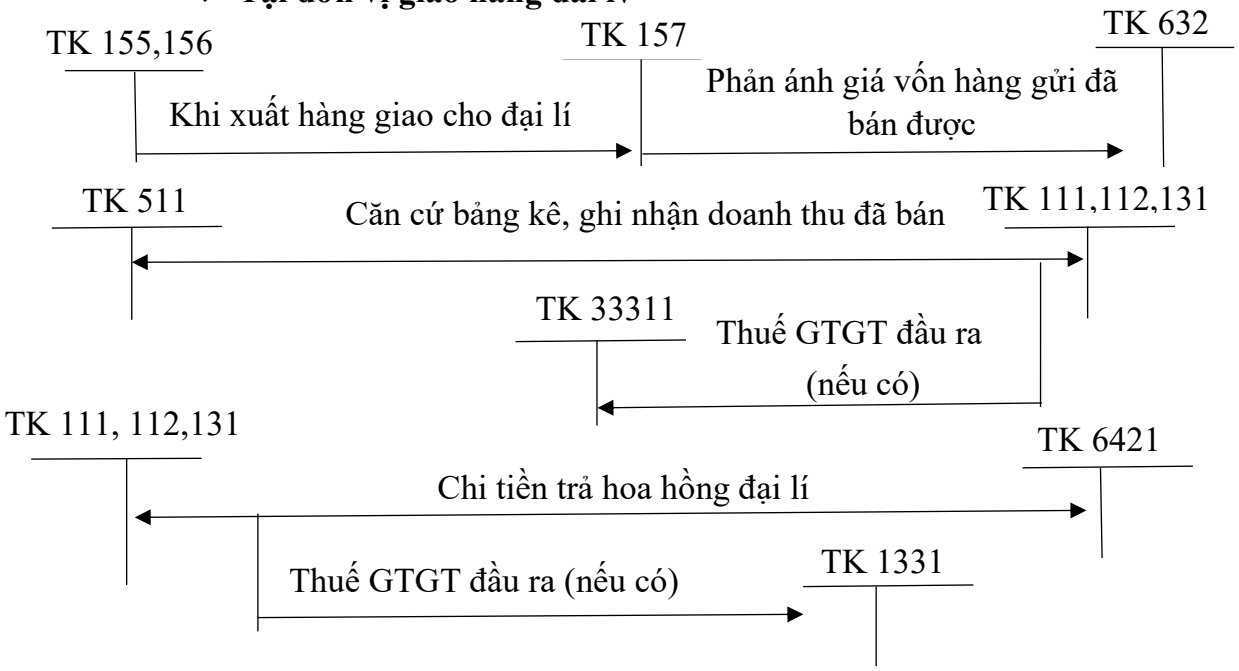

Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị giao hàng đại lý

❖ **Tại đơn vị nhận làm đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng**

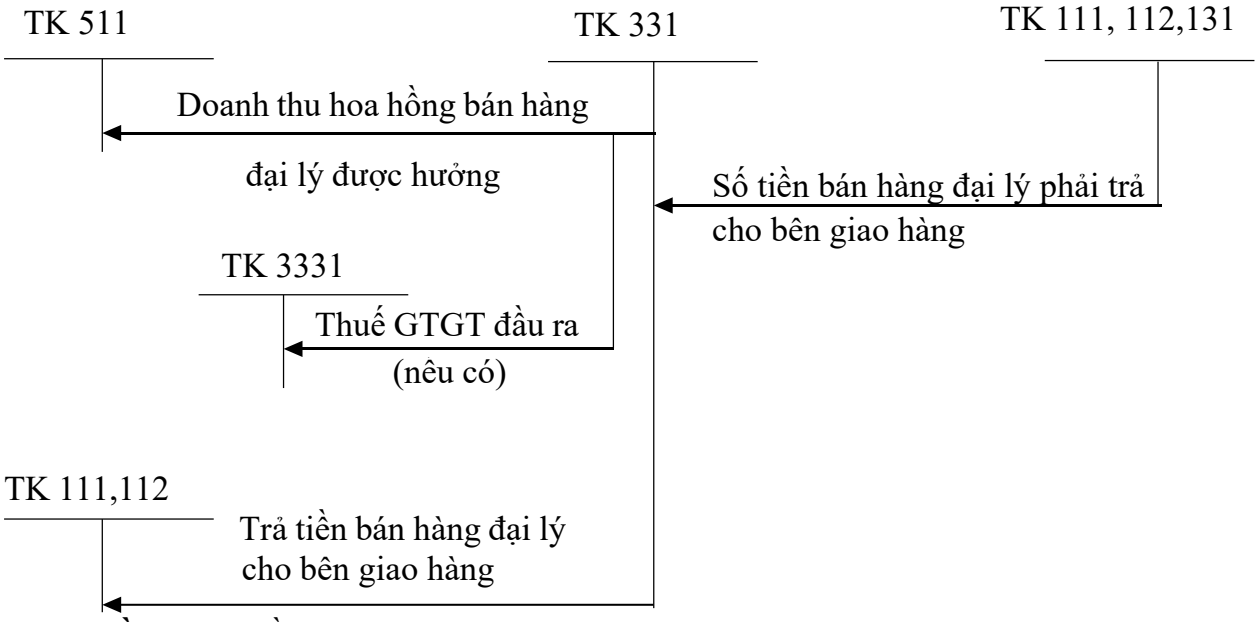

Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị nhận làm đại lý

1.4.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.4.2.1. Chứng từ, tài khoản sử dụng

❖ ***Chứng từ sử dụng***

- Biên bản chiết khấu thương mại.
- Biên bản giảm giá hàng bán.
- Biên bản trả lại hàng bán
- Hoá đơn GTGT.
- Giấy báo nợ ngân hàng, phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan,..

❖ ***Tài khoản sử dụng***

Kế toán ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, giá trị hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ".

1.4.2.2. Phương pháp kế toán

a. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

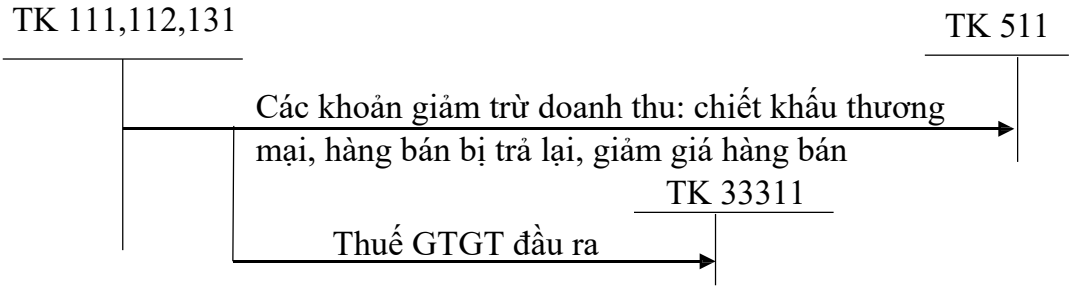

Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

b. Kế toán ghi giảm giá vốn khi: nhận lại sản phẩm, hàng hoá:

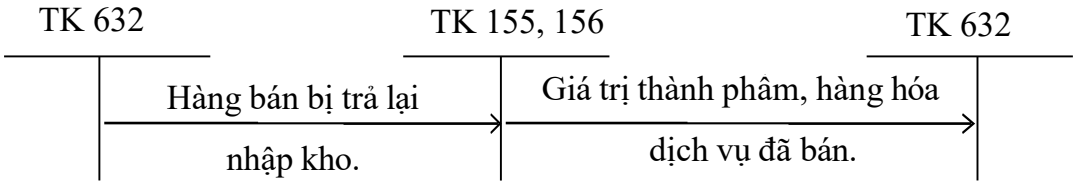

Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán khi nhận lại sản phẩm, hàng hóa.

c. Chi phí phát sinh trong quá trình thu hồi sản phẩm hàng hoá, sản phẩm

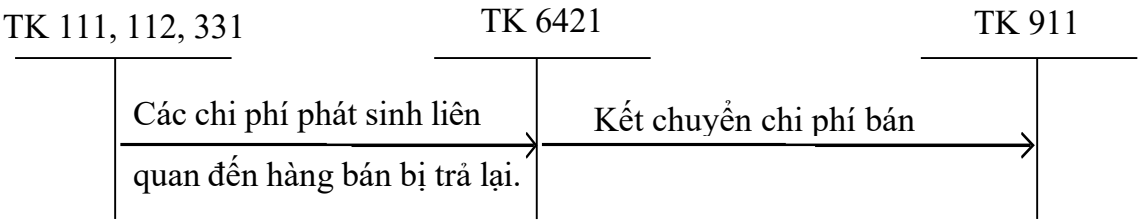

Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán khi thu hồi sản phẩm, hàng hóa

1.4.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.4.3.1 Nội dung doanh thu hoạt động tài chính

Theo điều 58 thông tư 133/2016/TT-BTC.

Doanh thu hoạt động tài chính dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp bao gồm :

– Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ…

– Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

– Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

– Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

– Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, lãi do bán ngoại tệ.

– Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.4.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ **Chứng từ sử dụng:**

– Giấy báo có ngân hàng.

– Phiếu thu.

❖ *Các chứng từ liên quan khác,..***Tài khoản sử dụng**

Để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, kế toán sử dụng tài khoản 515 " Doanh thu hoạt động tài chính ".

1.4.3.3 Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 515	Có
Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh".		Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

1.4.3.4. Phương pháp hạch toán

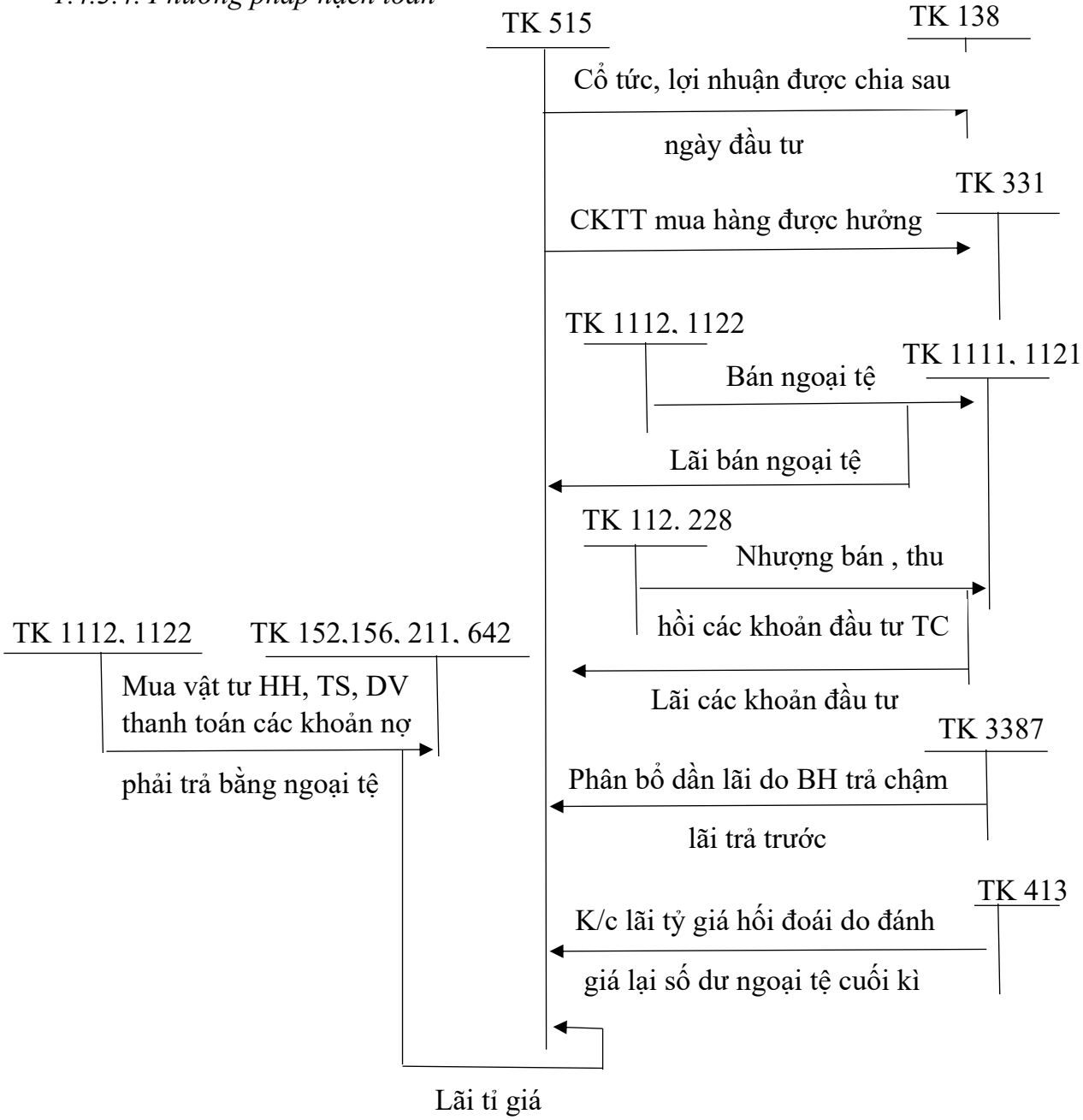

Sơ đồ 1.8. Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.4.4. Kế toán thu nhập khác

1.4.4.1.Nội dung thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, gồm:

– Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;

– Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;

– Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác,...;

– Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;

– Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn;

– Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;

– Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường và các khoản có tính chất tương tự);

1.4.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ **Chứng từ sử dụng**

– Hoá đơn GTGT.

– Giấy báo có ngân hàng.

– Phiếu thu.

– Biên bản thanh lý TSCĐ.

– Các chứng từ khác có liên quan,..

❖ **Tài khoản sử dụng**

Để hạch toán thu nhập khác, kế toán sử dụng tài khoản 711 " Thu nhập khác".

1.4.4.3. Kết cấu tài khoản

Nợ **TK 711** Có

Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".	Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

1.4.4.4. Phương pháp hạch toán

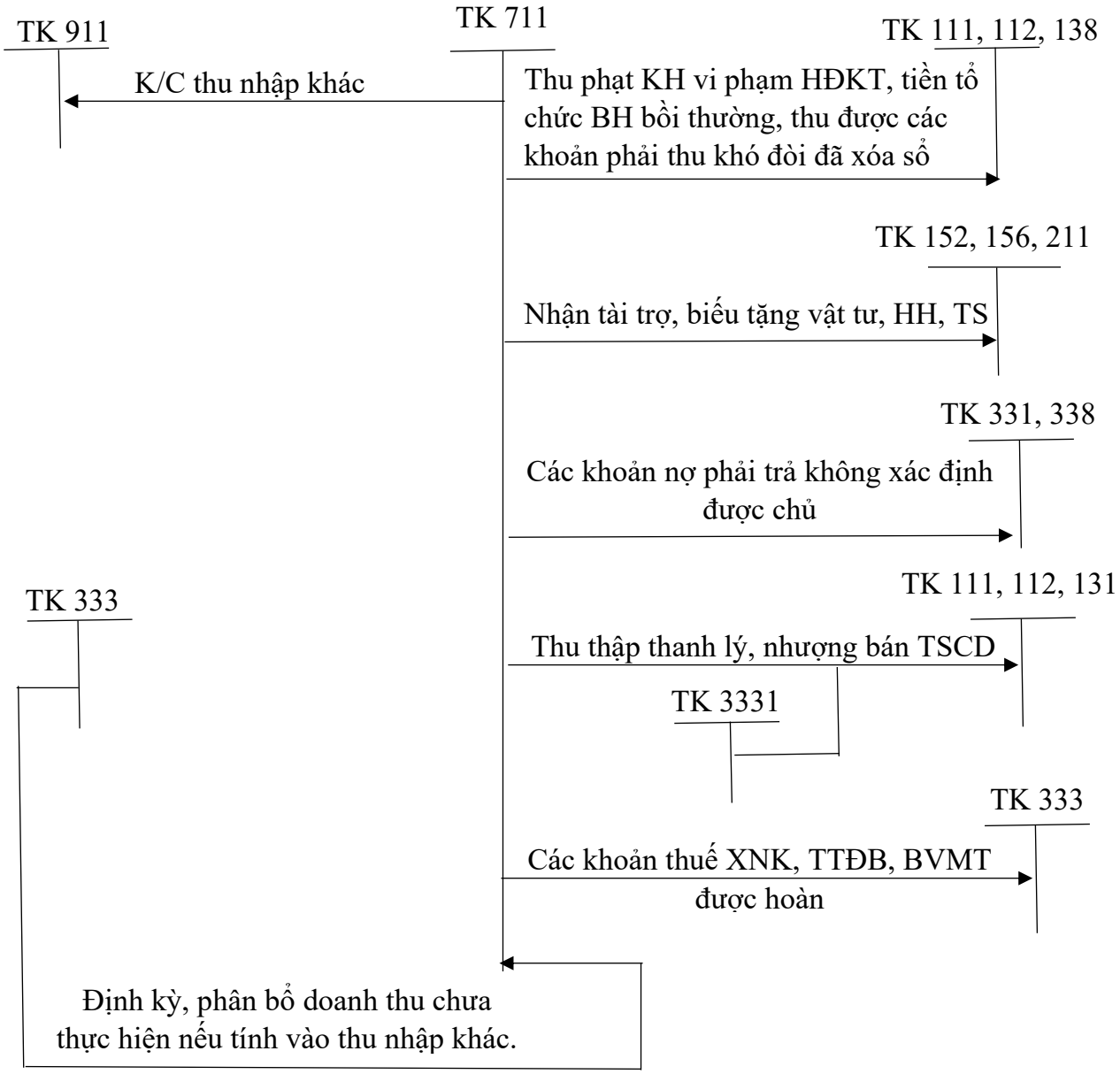

Sơ đồ 1.9. Sơ đồ trình tự kế toán thu nhập khác

1.5. Kế toán chi phí tại doanh nghiệp

1.5.1. Kế toán giá vốn hàng bán

1.5.1.1 Nội dung giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tất cả các loại chi phí liên quan đến quá trình sản xuất hoặc nhập sản phẩm. Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí vận chuyển hàng hóa, chi phí khấu hao TSCĐ, ….

1.5.1.2. Các phương pháp xác định giá vốn

a. Phương pháp thực tế đích danh

Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng lô hàng nhập, từng sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và có thể nhận diện chi tiết giá nhập của từng lô hàng hoá.

b.Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

c.Phương pháp bình quân gia quyền

– *Bình quân gia quyền cuối kỳ*

Phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn hàng xuất kho trong kỳ. Tuỳ theo chính sách dự trữ doanh nghiệp áp dụng, kế toán hàng tồn kho căn cứ vào trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ, hàng nhập trong kỳ và số lượng hàng tồn kho để tính giá đơn vị bình quân. Công thức như sau:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i cả kì dự trữ	Trị giá thực tế hàng i tồn kho đầu kì	Trị giá thực tế hàng i nhập kho trong kì
	Số lượng hàng i tồn kho trước đầu kì	Số lượng hàng i nhập kho trong kì

– *Bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân thời điểm)*

Sau mỗi lần nhập kho, kế toán phải tiến hành xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và đơn giá bình quân. Công thức như sau:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i sau lần nhập thứ n	=	Trị giá thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n	+	Trị giá thực tế hàng i nhập kho ở lần thứ n
		Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n	+	Số lượng hàng i nhập kho ở lần thứ n

1.5.1.3. Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ ***Chứng từ sử dụng***

– Hoá đơn GTGT.
– Hợp đồng mua bán.
– Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho.
– Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn,..

❖ ***Tài khoản sử dụng***

Kế toán sử dụng Tài khoản 632 để hạch toán “ Giá vốn hàng bán ”.

1.5.1.4. Kết cấu tài khoản.

Nợ	**TK 632**	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh". - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước). - Trị giá hàng bán bị trả lại. Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

1.5.1.5. Phương pháp hạch toán

Trong phạm vi khóa luận, em xin phép chỉ trình bày theo phương pháp kê khai thường xuyên, là phương pháp đang được sử dụng tại doanh nghiệp.

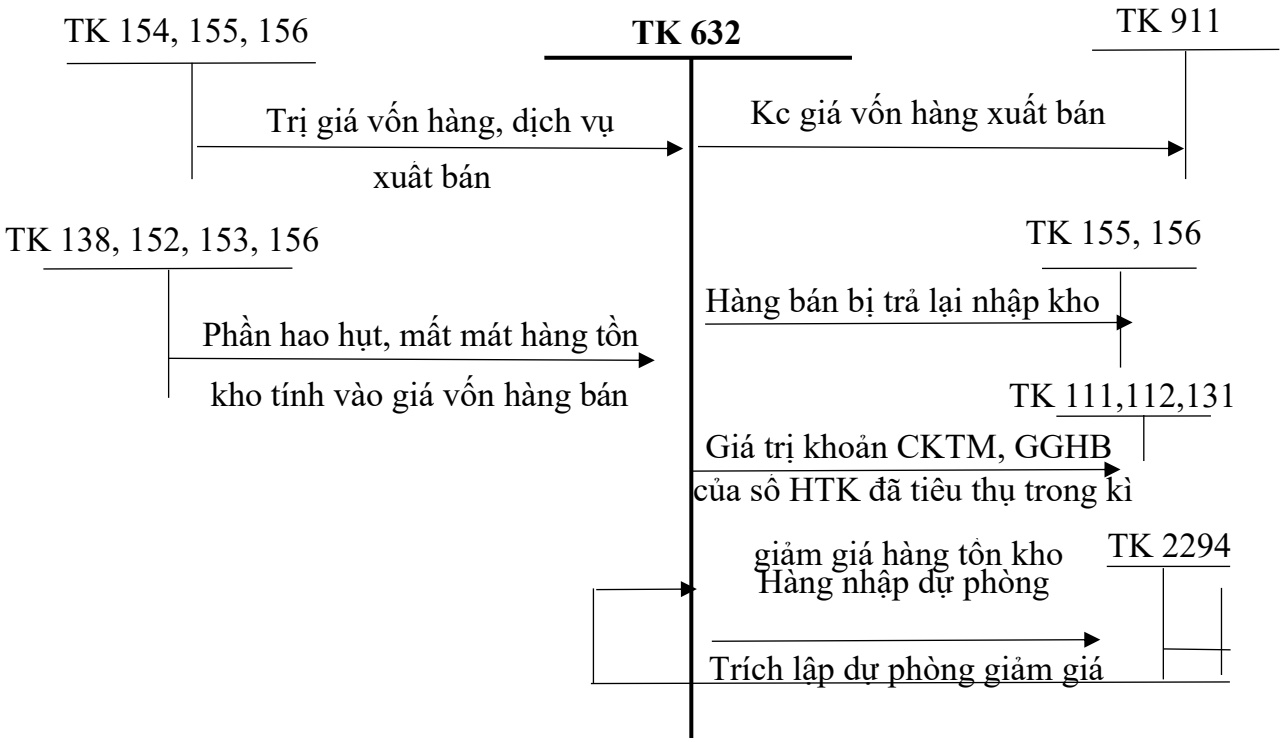

Sơ đồ 1.10. Sơ đồ trình tự kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

1.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

1.5.2.1. Nội dung chi phí hoạt động tài chính

Theo điều 63 thông tư 133/2016/TT-BTC, chi phí tài chính bao gồm:

– Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.

– Chiết khấu thanh toán cho người mua.

– Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán.

– Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; lỗ bán ngoại tệ.

– Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

– Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác

– Các khoản chi phí tài chính khác.

1.5.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ ***Chứng từ sử dụng***

Giấy báo nợ ngân hàng.

Uỷ nhiệm chi.

Các chứng từ khác có liên quan,..

❖ ***Tài khoản sử dụng***

Để hạch toán chi phí tài chính, kế toán sử dụng tài khoản 635 *" Chi phí tài chính "*

1.5.2.3. Kết cấu tài khoản

Nợ	**TK 635**	Có
Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính. Lỗ bán ngoại tệ. Chiết khấu thanh toán cho người mua. Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư. Lỗ tỷ giá hối đoái. Số trích lập dự phòng giảm giá CKKD, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác. Các khoản chi phí tài chính khác.		Hoàn nhập dự phòng giảm giá CKKD, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết). Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính. Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

TK 635 không có số dư cuối kỳ

1.5.2.4. Phương pháp hạch toán

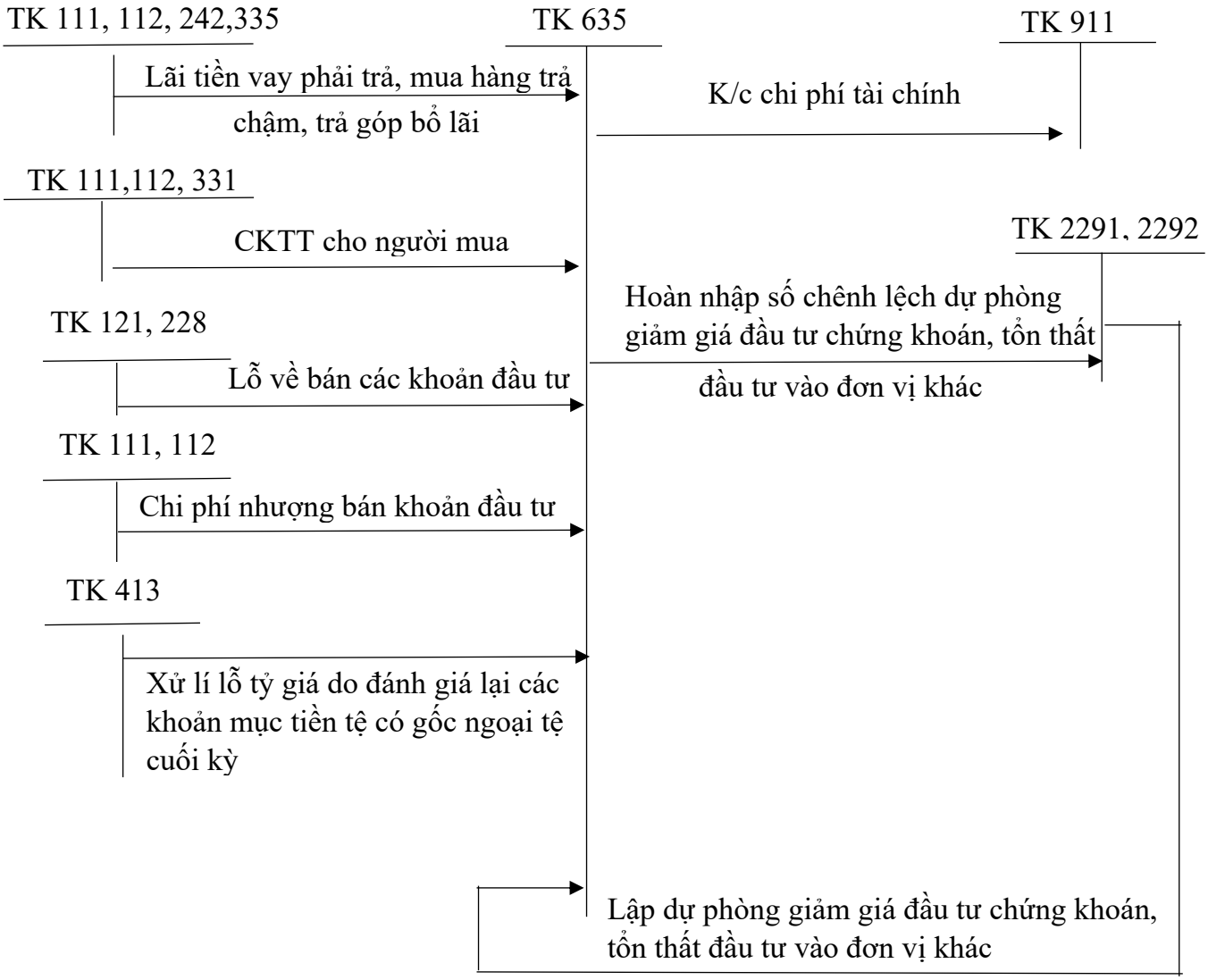

Sơ đồ 1.11. Sơ đồ trình tự kế toán chi phí tài chính.

1.5.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.5.3.1. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh

Theo quy định tại điều 64 thông tư 133/2016/TT-BTC:

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

– Chi phí bán hàng là khoản phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ hàng hóa. Bao gồm các khoản như: Các khoản tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên, các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ trên lương theo quy định, , chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản, chi phí chào hàng, hoa hồng bán hàng …

– Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí phát sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động doanh nghiệp mà doanh nghiệp đó phải bỏ ra để vận hành. Bao gồm

các khoản như: Các khoản tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên quản lý doanh nghiệp, các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ trên lương theo quy định, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản, tiền thuê đất, phí môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài…

1.5.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ ***Chứng từ sử dụng***

- Hoá đơn GTGT.
- Bảng tính lương và các khoản trích theo lương.
- Bảng phân bổ CCDC, khấu hao TSCĐ.
- Bảng thanh toán lương.
- Phiếu chi, giấy báo có ngân hàng.
- Các chứng từ liên quan khác,…

❖ ***Tài khoản sử dụng***

Để hạch toán chi phí quản lý kinh doanh, kế toán sử dụng tài khoản 642 " Chi phí quản lý kinh doanh ".

Tài khoản 642 có 2 cấp tài khoản cấp 2.

- Tài khoản 6421: Chi phí bán hàng.
- Tài khoản 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.5.3.3. Kết cấu tài khoản

Nợ	**TK 642**	Có
Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ; Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).		Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh; Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

1.5.3.4. Phương pháp hạch toán

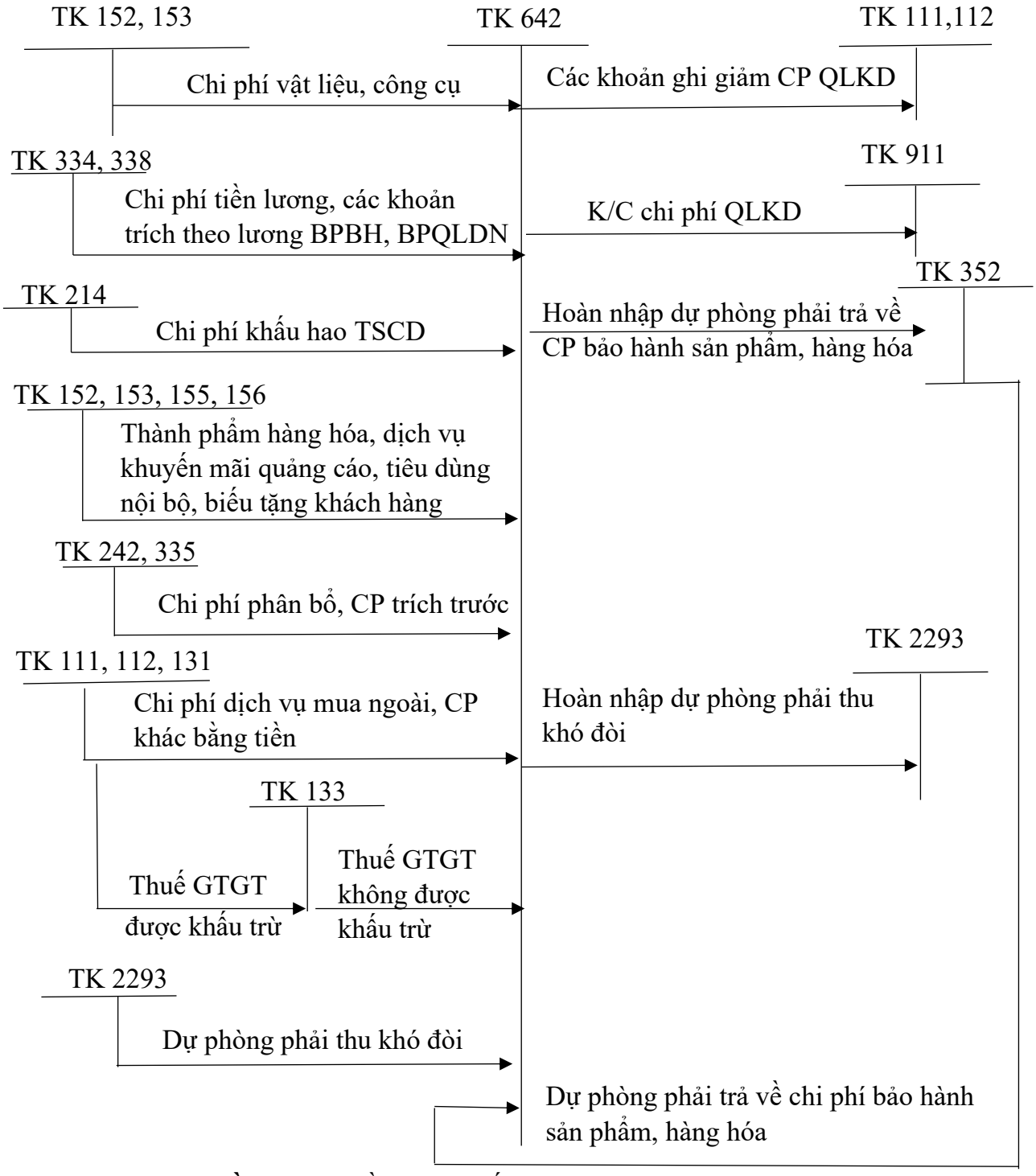

Sơ đồ 1.12. Sơ đồ trình tự kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.5.4. Kế toán chi phí khác

1.5.4.1. Nội dung chi phí khác

Chi phí khác bao gồm các chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như chi

phí về thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán; các khoản tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng; bị phạt khi truy nộp thuế; các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán…

1.5.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn GTGT.
- Biên bản vi phạm hợp đồng.
- Biên lai nộp thuế, nộp phạt.
- Giấy báo nợ ngân hàng.
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ,..

❖ **Tài khoản sử dụng**

Để hạch toán chi phí khác, kế toán sử dụng tài khoản 811 " Chi phí khác ".

1.5.4.3. Kết cấu tài khoản

Nợ	**TK 811**	Có
Các khoản chi phí khác phát sinh.		Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

1.5.4.4. Phương pháp hạch toán

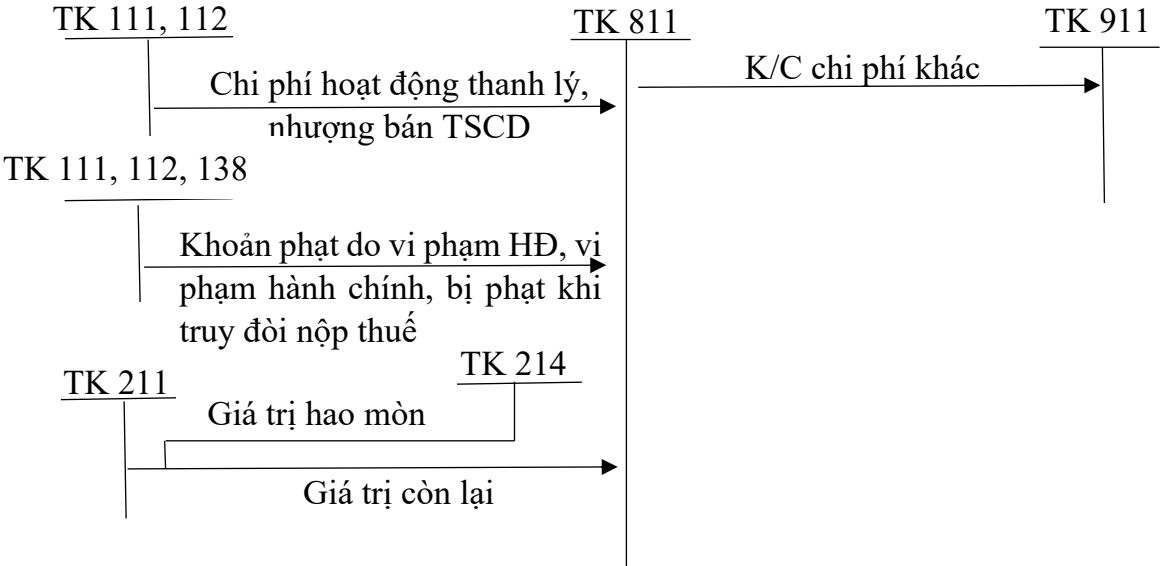

Sơ đồ 1.13. Sơ đồ trình tự kế toán chi phí khác

1.5.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.5.5.1. Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế TNDN là loại thuế trực thu, đánh trực tiếp vào thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ sau khi đã trừ các khoản chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu và thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh.

Thu nhập chịu thuế là khoản thu nhập sau khi lấy tổng doanh thu trừ đi khoản chi phí được trừ, rồi cộng thêm các khoản thu nhập khác.

Thuế suất

Theo quy định tại điều 10 của luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15

– Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 và 4. Điều này và đối tượng được ưu đãi về thuế suất quy định tại Điều 13 của Luật này.

– Thuế suất 15% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng.

– Thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số trường hợp khác được quy định như sau:

– Đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí từ 25% đến 50%.

Căn cứ vào vị trí, điều kiện khai thác và trữ lượng mỏ, Thủ tướng Chính phủ quyết định mức thuế suất cụ thể phù hợp với từng hợp đồng dầu khí;

– Đối với hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên quý hiếm (bao gồm: bạch kim, vàng, bạc, thiếc, wonfram, antimoan, đá quý, đất hiếm và tài nguyên quý hiếm khác theo quy định của pháp luật) là 50%. Trường hợp các mỏ có từ 70% diện tích được giao trở lên ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuế suất là 40%.

Theo Điều 7 luật 67/2025/QH15, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định như sau:

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \left[\text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định}\right]$$

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \left[\text{Doanh thu} - \text{Chi phí được trừ}\right] + \text{Các khoản thu nhập khác}$$

1.5.5.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ **Chứng từ sử dụng**

– Các tờ khai thuế TNDN tạm nộp.

– Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

– Quyết toán thuế TNDN hằng năm,..

– Các chứng từ liên quan khác

❖ **Tài khoản sử dụng**

Theo quy định thông tư 133/2016/TT-BTC, để hạch toán chi phí thuế TNDN, kế toán sử dụng tài khoản 821 " Chi phí thuế TNDN ".

1.5.5.3. Kết cấu tài khoản

Nợ	**TK 821**	Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm. - Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.		- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm. - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại. - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm vào TK 911. hập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

1.5.5.4. Phương pháp hạch toán

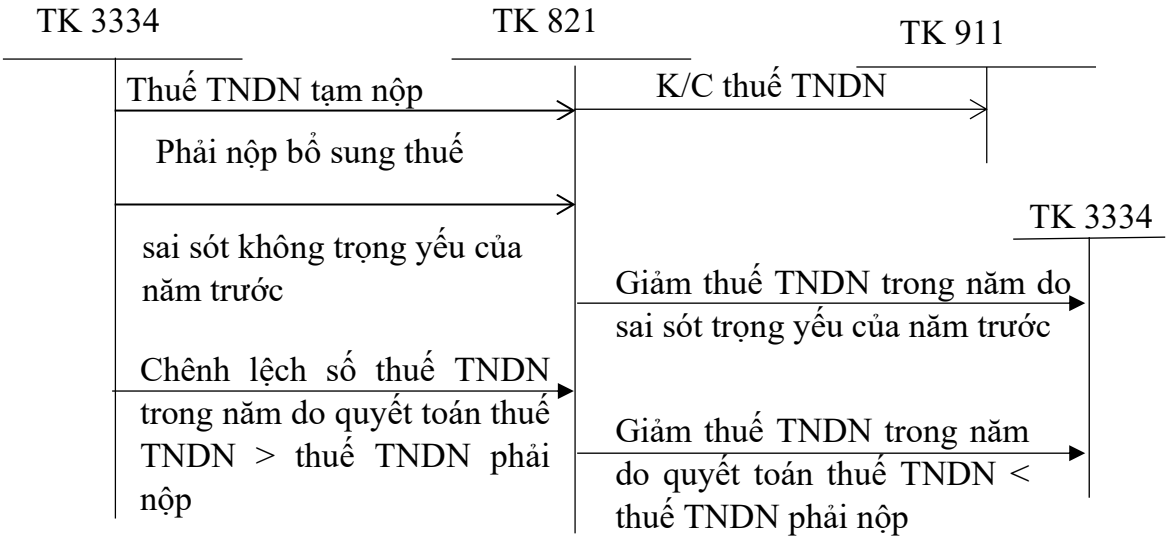

Sơ đồ 1.14. Sơ đồ trình tự kế toán chi phí thuế TNDN

1.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

1.6.1.. Nội dung xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác trong một thời kỳ nhất định.

– Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh được xác định trên kết quả về tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (doanh thu thuần) với giá vốn hàng đã bán (của sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ,bất động sản đầu tư…), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

– Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

– Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa số thu nhập khác và chi phí khác

1.6.2.. Phương pháp xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo công thức sau:

Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	-	Chi phí thuế TNDN

Trong đó, tổng lợi nhuận trước thuế TNDN được xác định theo công thức sau:

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	=	Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh	+	Lợi nhuận khác

Trong đó, lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh được xác định theo công thức sau:

Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh	=	Doanh thu thuần BH và CCDV	-	Giá vốn hàng bán	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí quản lý kinh doanh

- Trong đó, doanh thu thuần BH và CCDV được xác định theo công thức:

Doanh thu thuần BH và CCDV	=	Doanh thu BH và CCDV	-	Các khoản giảm trừ doanh thu

-Trong đó, lợi nhuận khác được xác định theo công thức sau:

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

1.6.3.. Tài khoản sử dụng

Để hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán sử dụng tài khoản 911 " xác định kết quả hoạt động kinh doanh ".

1.6.4. Kết cấu tài khoản

Nợ	**TK 911**	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán. - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác. - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

1.6.5. Phương pháp hạch toán

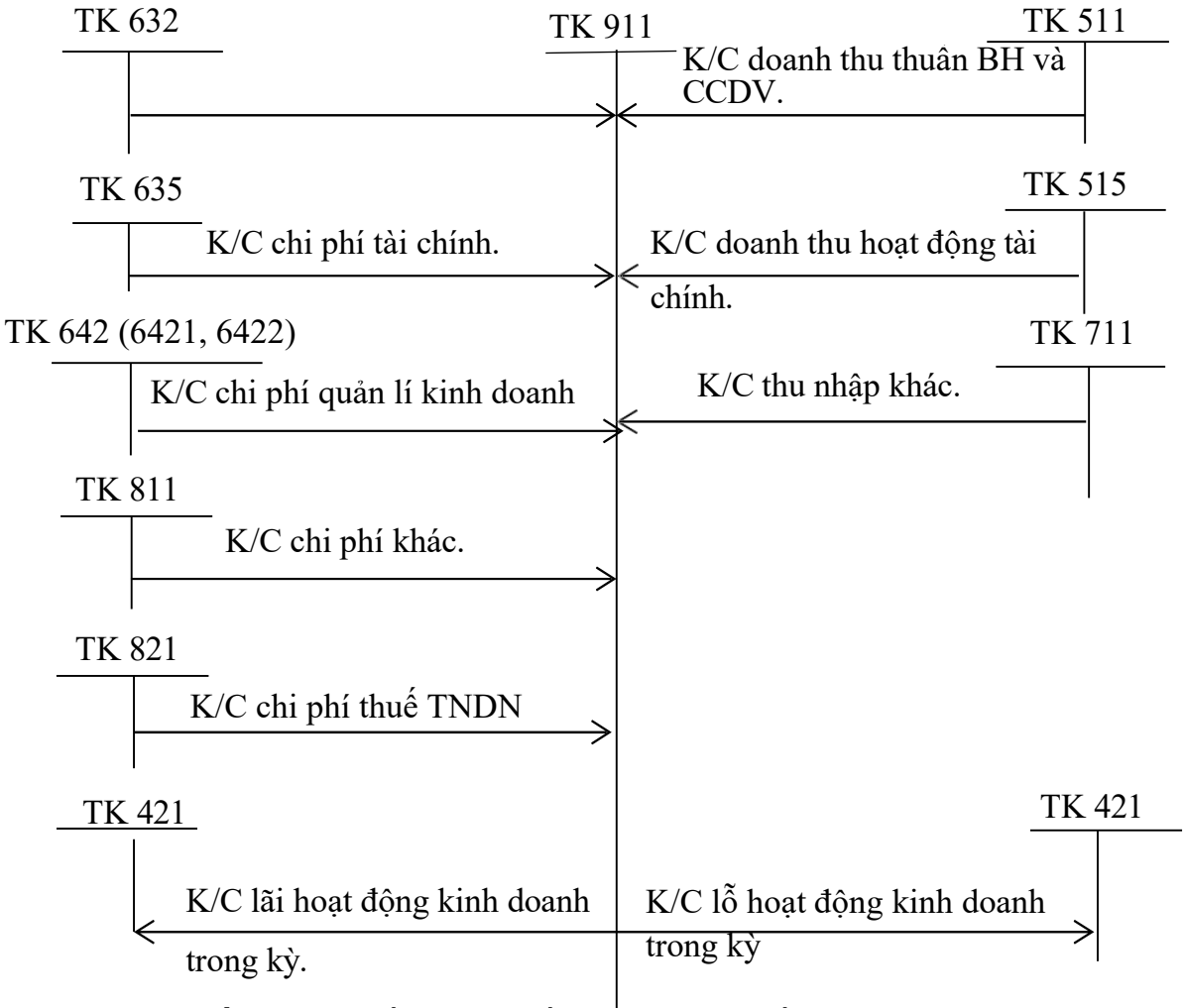

Sơ đồ 1.15. Sơ đồ trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG

2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ Miền Trung

2.1.1. Thông tin khái quát về công ty

Hình 2.1. Logo Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ Miền Trung

Công ty Cổ phần nguyên liệu Gỗ miền Trung được thành lập trên cơ sở giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0401925595 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21/09/2018. Hoạt động của Công ty tuân thủ đầy đủ dựa trên Luật doanh nghiệp và có tư cách pháp nhân. Bên cạnh đó, tự chịu trách nhiệm cho mọi hoạt động kinh doanh trong số vốn do Công ty quản lý, có con dấu riêng, có tài sản và có quyền được mở tài khoản ngân hàng theo quy định của nhà nước.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG.

Mã số thuế: 0401925595.

Địa chỉ: Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Vốn điều lệ: 8.000.000.000.

Giám đốc: Nguyễn Thanh Long.

Nơi đăng ký quản lý: Chi cục Thuế Quận Liên Chiểu .

Ngày cấp giấy phép và hoạt động: 21/09/2018.

Loại hình DN: Công ty cổ phần ngoài NN.

Ngành nghề kinh doanh chính: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển tại đơn vị

Công ty Cổ phần Nguyên Liệu Gỗ Miền Trung được thành lập năm 2018, là doanh nghiệp chuyên hoạt động trong lĩnh vực thương mại và phân phối gỗ nguyên liệu nhập khẩu chính ngạch.

Trong quá trình hoạt động thì công ty thay đổi trụ sở chính qua số 428 Lê Trọng Tấn, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng – trung tâm kinh tế năng động của khu vực miền Trung, nơi hội tụ hàng trăm cơ sở sản xuất và xưởng mộc lớn nhỏ.

Với mong muốn đồng hành và hỗ trợ sự phát triển của ngành nghề truyền thống này, công ty luôn chú trọng chất lượng nguyên liệu, sự ổn định trong cung ứng và tính minh bạch trong giao dịch. Các sản phẩm chủ lực của công ty bao gồm Sồi (Oak), Tần bì (Ash), Thông (Pine), Teak, Xoan đào Sapelli và Hương Nam Phi,….. được nhập khẩu chính ngạch từ Châu Âu, Bắc Mỹ, châu Phi và các nước lân cận. Tất cả sản phẩm đều có nguồn gốc rõ ràng, chứng nhận hợp pháp và đạt tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng tốt nhu cầu về thẩm mỹ, độ bền và tính ổn định cho sản xuất đồ gỗ và nội thất.

Với phương châm "Uy tín – Chất lượng – Hợp tác bền vững", Công ty Cổ phần Nguyên Liệu Gỗ Miền Trung luôn đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu. Mỗi lô gỗ không chỉ là sản phẩm thương mại, mà còn là kết quả của sự tâm huyết, trách nhiệm và cam kết lâu dài giữa công ty và cộng đồng nghề mộc miền Trung.

Trong hành trình phát triển sắp tới, công ty tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực cung ứng, đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng kho bãi và dịch vụ logistics, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng cao của thị trường nội địa, đặc biệt tại khu vực miền Trung – nơi được xem là cái nôi của nhiều làng nghề mộc nổi tiếng.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lí tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ Miền Trung.

2.1.3.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty

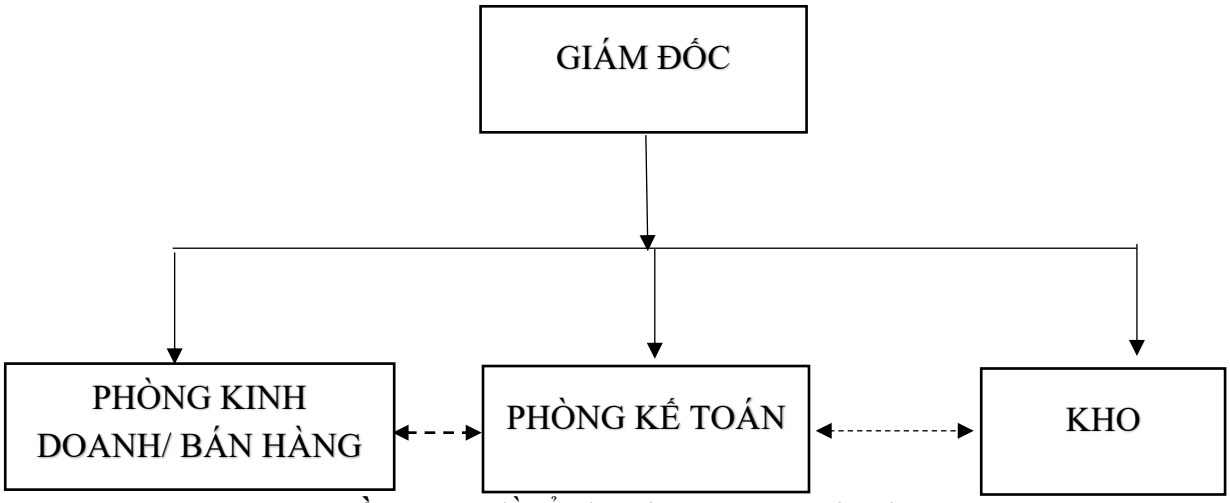

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lí tại Công ty.

*Ghi chú:

Quan hệ trực tiếp ⟶

Quan hệ phối hợp ⟷

2.1.3.2. Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận:

Giám đốc là người đứng đầu, chịu trách nhiệm toàn diện về hoạt động kinh doanh: tổ chức và điều hành mọi hoạt động, xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh, ban hành quy chế và phân công nhiệm vụ cho các phòng ban. Đồng thời, Giám đốc ký kết các hợp đồng kinh tế quan trọng, hỗ trợ bán hàng, quản lý tài chính, kiểm soát rủi ro, giám sát hiệu quả làm việc của các bộ phận và đại diện công ty trong các giao dịch đối ngoại.

Bộ phận kho có chức năng quản lý toàn bộ hàng hóa của công ty, tổ chức việc nhập – xuất – bảo quản hàng hóa. Thủ kho thực hiện tiếp nhận và kiểm đếm hàng hóa khi nhập vào, xuất hàng theo yêu cầu của phòng kinh doanh hoặc theo lệnh xuất kho, đồng thời sắp xếp và bảo quản hàng hóa đúng quy định để đảm bảo chất lượng. Bộ phận kho theo dõi tồn kho thực tế, đối chiếu số liệu với phòng kế toán, báo cáo tình trạng hàng tồn và cảnh báo các rủi ro như thiếu hụt, hư hỏng hoặc hàng sắp hết hạn.

Phòng kế toán có chức năng tổ chức hệ thống tài chính – kế toán của công ty và kiểm soát dòng tiền, hạch toán tất cả các nghiệp vụ mua bán, tồn kho, thu chi; lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế theo đúng quy định pháp luật; quản lý công nợ phải thu – phải trả; theo dõi và nhắc nợ khách hàng; đồng thời lưu trữ đầy đủ chứng từ và sổ sách kế toán. Phòng kế toán cũng chịu trách nhiệm chi trả lương, thưởng, bảo hiểm xã hội cho nhân viên, phân tích tài chính và dự báo dòng tiền nhằm tham mưu cho Giám đốc trong việc ra quyết định.

Phòng kinh doanh – bán hàng có chức năng tổ chức và triển khai hoạt động kinh doanh của công ty. Phòng kinh doanh lập kế hoạch bán hàng theo chỉ tiêu, tìm kiếm khách hàng mới, chăm sóc khách hàng cũ, đàm phán và ký kết hợp đồng. Phòng này phối hợp với Giám đốc trong việc bán hàng tại công ty và phối hợp với kho để đảm bảo giao hàng đúng tiến độ và phối hợp với kế toán để theo dõi công nợ khách hàng. Ngoài ra, phòng kinh doanh thu thập thông tin thị trường, phân tích đối thủ, đề xuất chính sách giá và các chương trình khuyến mãi.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ Miền Trung

2.1.4.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

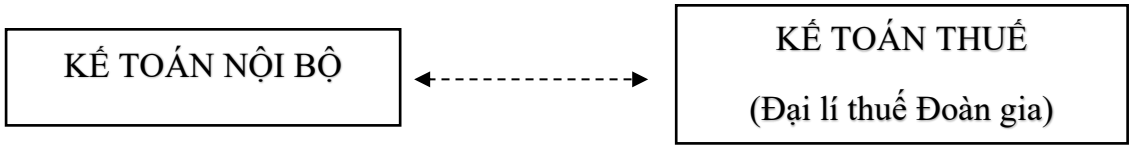

Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty.

* Ghi chú:

Quan hệ phối hợp ◄----------►

2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận

Kế toán nội bộ (2 người) là những người chịu trách nhiệm thu thập, ghi chép và phản ánh kịp thời các nghiệp vụ kinh tế hằng ngày phát sinh trong nội bộ công ty. Trong công ty, một người sẽ theo dõi chi tiết doanh thu, tiền, công nợ. Một người sẽ theo dõi chi phí, phải trả nhà cung cấp, theo dõi hàng tồn kho… Cả hai đều lập các báo cáo quản trị nội bộ như báo cáo thu – chi, báo cáo công nợ… vào cuối tháng. Kiểm soát, đối chiếu chứng từ, đảm bảo tính chính xác và hợp lí của số liệu kế toán. Và là người làm việc trực tiếp với kế toán thuế dịch vụ, ngân hàng.

Kế toán thuế (Đại lí thuế Đoàn Gia): trực tiếp làm việc với 2 kế toán nội bộ của công ty, chịu trách nhiệm kê khai các loại thuế GTGT, TNCN, TNDN tạm tính theo từng quý hoặc tháng. Lập và nộp Báo cáo thuế tháng/quý, BCTC năm. Làm việc với cơ quan thuế khi giải trình, quyết toán, thanh tra (phối hợp với công ty).

2.1.4.3. Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty

Căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của các nhân viên kế toán và điều kiện thực tế, công ty đã lựa chọn hình thức sổ kế toán "Nhật ký chung" với sự hỗ trợ của máy tính và phần mềm kế toán Smart Pro theo Thông tư 133/20216/TT-BTC.

Hiện nay, công ty sử dụng phần mềm kế toán Smart Pro để hỗ trợ công tác hạch toán các nghiệp vụ hằng ngày và giúp cho công việc của kế toán được giảm đáng kể, giúp cung cấp thông tin cho ban lãnh đạo, khách hàng... một cách nhanh chóng, kịp thời. Nhờ phần mềm, kế toán chỉ cần khai thác chính xác số liệu ban đầu và khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chỉ cần nhập chính xác vào phần mềm đúng tên tài khoản, số liệu như trên chứng từ gốc. Sau đó. hệ thống sẽ tự động xử lý và chuyển dữ liệu vào các sổ chi tiết tài khoản, sổ nhật ký chung, sổ cái, bảng phân bổ và các báo cáo.

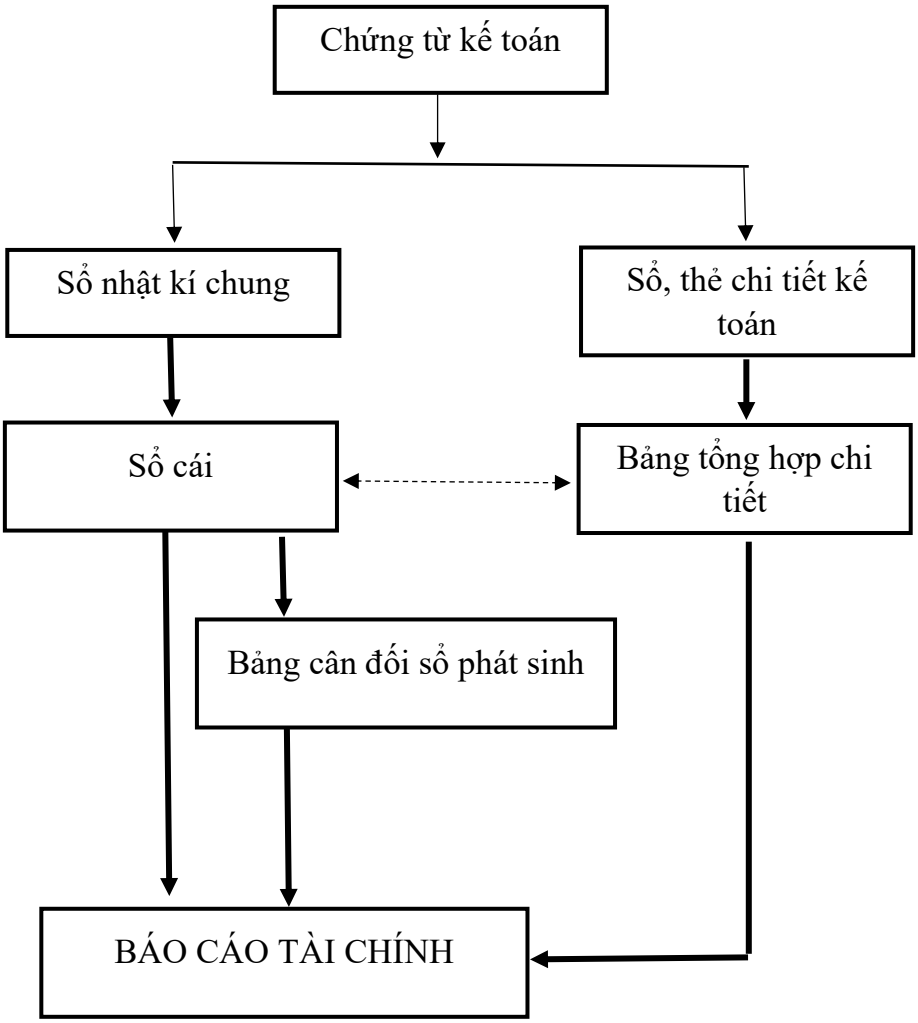

Sơ đồ 2.3. Hình thức sổ Nhật ký chung

Ghi chú:

Ghi hằng ngày

Ghi cuối năm

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

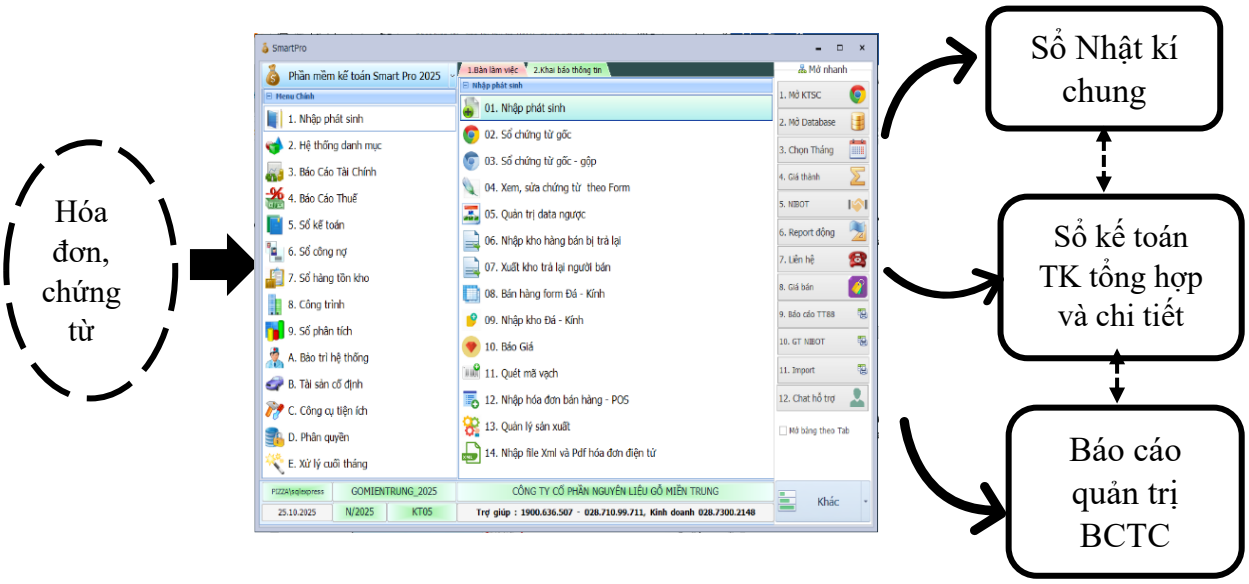

Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán trên phần mềm Smart pro

Ghi chú:

Nhập liệu hằng ngày

Đầu ra, so sánh đối chiếu

Báo cáo cuối kì

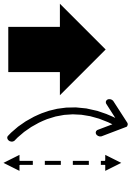

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung trên phần mềm Smart Pro:

Mỗi ngày khi bắt đầu công việc, Kế toán tiếp nhận toàn bộ chứng từ phát sinh từ các bộ phận liên quan, bao gồm chứng từ mua hàng, bán hàng, thu – chi tiền mặt, giao dịch ngân hàng, chứng từ kho và các chứng từ khác có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Trước khi xử lý, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của chứng từ như số hóa đơn, thông tin nhà cung cấp, chữ ký của các bên, số lượng – đơn giá – thuế suất và nội dung kinh tế của nghiệp vụ nhằm đảm bảo việc hạch toán đúng quy định.

Kế toán tiến hành nhập các nghiệp vụ vào phần mềm Smart Pro, thực hiện khai báo hóa đơn và lập phiếu nhập trong các phân hệ ở trong phần menu của phần mềm; hệ thống sẽ tự động cập nhật Nhật ký chung và các sổ liên quan.

Khi hoàn thành nhập liệu, tiến hành kiểm tra và đối chiếu số liệu. Kế toán đối chiếu tồn quỹ tiền mặt giữa sổ quỹ và chứng từ thực tế, so sánh công nợ phải thu và phải trả với sổ chi tiết, đồng thời phối hợp với thủ kho để kiểm tra số lượng hàng hóa nhập – xuất – tồn nhằm bảo đảm số liệu trên phần mềm không bị sai lệch. Kế toán cũng kiểm tra lại Nhật ký chung để đảm bảo các bút toán đã được ghi sổ, không có sự chênh lệch giữa bên Nợ và bên Có và không có chứng từ nào bị bỏ sót.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, đối chiếu Nhật kí chung với số liệu trên sổ Cái để lập bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo Tài chính.

Cuối cùng, kế toán sẽ in sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết, đóng thành quyển, đối chiếu số liệu với các sổ tổng hợp, sổ chi tiết và lưu trữ chứng từ theo quy định pháp luật.

2.1.4.4. Chế độ và Chính sách kế toán tại công ty.

Chế độ kế toán:

Công ty hiện nay đang áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ Tài Chính ban hành.

Chính sách kế toán:

- Năm tài chính: Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.
- Phương pháp kế toán: Kê khai thường xuyên.
- Đơn vị tiền sử dụng: Đồng Việt Nam (VNĐ).
- Kỳ báo cáo: Báo cáo tài chính được lập theo năm.
- Phương pháp xác định mức khấu hao tài sản cố định: Phương pháp đường thẳng.
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho xuất trong kỳ: Phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.
- Phương pháp quản lý hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

2.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu gỗ miền Trung

2.2.1. Kế toán doanh thu tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu gỗ miền Trung.

2.2.1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu gỗ miền Trung.

❖ **Đặc điểm:**

Công ty Cổ phần nguyên liệu Gỗ miền Trung là công ty kinh doanh với ngành nghề chính là bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Công tác tổ chức kinh doanh của Công ty là tổ chức quy trình luân chuyển hàng hóa mua vào bán ra. Công ty áp dụng phương thức kinh doanh mua bán qua kho. Quy trình luân chuyển hàng hóa của công ty được thực hiện qua sơ đồ sau:

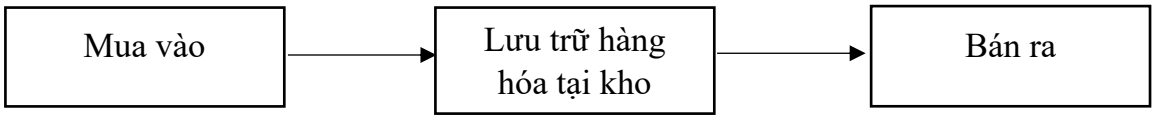

Sơ đồ 2.5. Quy trình luân chuyển hàng hoá

Trong quá trình hoạt động, Công ty Cổ phần Nguyên liệu gỗ miền Trung có các nhóm hàng hoá nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng trong quá trình bán hàng. Dưới đây là bảng liệt kê một số hàng hoá tiêu biểu tại Công ty.

Bảng 2.1. Danh sách tên hàng hoá từ kho hàng hoá của Công ty

(Nguồn: Phần mềm kế toán Smart Pro)

Mã	Tên	ĐVT
GOOCCHOXS	Gỗ Óc chó xẻ sấy	M3
GOSOIDOXE	Gỗ sồi đỏ xẻ	M3
GOSOITRANGXE	Gỗ Sồi trắng xẻ	M3
GOSOITRANGXS	Gỗ Sồi trắng xẻ sấy	M3
GOSOIXETHO	Gỗ sồi xẻ thô dạng tấm	M3
GOSOIXS	Gỗ Sồi xẻ sấy	M3
GOTANBIAB40	Gỗ tần bì AB 40+	M3
GOTANBIABC40	Gỗ Tần bì ABC 40/50+	M3
GOTANBILONG	Gỗ tần bì dạng lóng	M3
GOTANBITRON	Gỗ tần bì tròn	M3
GOTANBIXESAY	Gỗ Tần bì xẻ sấy	M3
GOTHONG002	Gỗ thông vân sam xẻ	M3
GOTHONGXS	Gỗ thông xẻ sấy	M3
GOXOANDAONK	Gỗ Xoan Đào (Sapelli) tròn nhập khẩu	M3

Hàng hóa của công ty chủ yếu tập trung là nhóm gỗ nguyên liệu xẻ và tròn.

Trong đó nổi bật nhất là nhóm gỗ tần bì và gỗ sồi. Trong cơ cấu hàng hóa xuất kho, Gỗ tần bì dạng lóng là mặt hàng chủ lực, vừa có khối lượng xuất lớn vừa có giá trị cao, chiếm khoảng 55%[1] tổng giá trị xuất kho, thể hiện đây là mặt hàng được tiêu thụ thường xuyên và đóng vai trò chính trong hoạt động kinh doanh của công ty.

[1] Số liệu được lấy từ sổ tổng hợp hàng tồn kho năm 2025 trên PM kế toán Smart Pro.

Bên cạnh mặt hàng chủ lực, Gỗ sồi đỏ xẻ là mặt hàng chiếm tỷ trọng đáng kể trong kho hàng, với giá trị xuất kho chiếm khoảng 14%[2] tổng giá trị xuất, đây là nhóm hàng phụ quan trọng, có mức độ tiêu thụ ổn định. Ngoài ra Gỗ tần bì AB và gỗ thông xẻ sấy cũng là mặt hàng phụ trong cơ cấu kho, với tỉ trọng lần lượt khoảng 6%, chủ yếu phục vụ các đơn hàng theo nhu cầu cụ thể của khách hàng.

❖ **Phương pháp mã hoá hàng hoá và đặc điểm mô tả hàng hoá tại công ty**

Phương pháp mã hoá

Hệ thống mã hoá hàng hoá tại công ty chủ yếu được xây dựng dựa trên các chữ cái viết tắt kết hợp với ký hiệu số để phản ánh tên gọi, thông số kỹ thuật hoặc đặc tính sử dụng của từng loại hàng hoá. Cụ thể như sau:

Tên viết tắt hoặc ký hiệu hàng hoá: Dựa trên chữ cái đầu của tên gọi. Ví dụ:

- GOSOIDOXE: Gỗ sồi đỏ xẻ
- GOSOIXETHO: Gỗ sồi xẻ thô dạng tấm
- GOSOITRANGXE: Gỗ Sồi trắng xẻ

Thông số kích thước: Các số ký hiệu đi kèm cho biết kích thước

- GOTANBIAB40: Gỗ tần bì AB có bán kính 40mm

Đặc điểm mô tả

Thông tin mô tả hàng hoá được thể hiện đầy đủ ở các cột mã hàng, tên hàng và đơn vị tính.

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn giá trị gia tăng (Hoá đơn điện tử).
- Phiếu xuất kho.
- Phiếu thu.
- Giấy báo có của ngân hàng,…

Ngoài ra công ty còn sử dụng một số chứng từ khác như hợp đồng kinh tế, biên bản giao nhận hàng…

❖ **Sổ sách sử dụng**

Các sổ kế toán được sử dụng để hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm các sổ kế toán chi tiết và các sổ kế toán tổng hợp:

- Sổ chi tiết TK 5111: "Doanh thu bán hàng hoá".
- Sổ chi tiết TK 5113: "Doanh thu cung cấp dịch vụ".
- Sổ chi tiết TK 5112: "Doanh thu bán thành phẩm".

[2] Số liệu được lấy từ sổ tổng hợp hàng tồn kho năm 2025 trên PM kế toán Smart Pro.

Tuy nhiên trong năm 2025, công ty chỉ sử dụng tài khoản chi tiết 5111.

– Sổ nhật ký chung.

– Sổ cái TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

❖ **Trình tự quy trình luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại công ty Cổ phần Nguyên liệu gỗ miền Trung**

Quy trình mua hàng ở Công ty Cổ phần nguyên liệu Gỗ miền Trung như sau:

Khi khách hàng phát sinh nhu cầu mua gỗ sẽ đến trụ sở của Công ty hoặc đặt hàng qua hotline của Công ty để mua hàng. Nhân viên bán hàng của nhóm phòng Kinh doanh hoặc Giám đốc sẽ là người trực tiếp tư vấn bán hàng cho khách. Bộ phận Kho đồng thời cũng sẽ kiểm tra tồn kho của hàng gỗ khách hàng yêu cầu sau đó sẽ báo lại với bộ phận Kinh doanh hoặc Giám đốc. Sau khi khách hàng đồng ý mua hàng và giao hàng, Nhân viên bán hàng hoặc Giám đốc tiến hành ghi lại thông tin khách hàng, loại gỗ, số lượng mua, đơn giá và đồng thời xuất phiếu xuất kho kiêm hóa đơn bán hàng thành 2 bản từ phần mềm kế toán Misa Amis (một bản khách hàng giữ và một bản Công ty giữ để lưu trữ theo dõi nội bộ và 2 bản này có chữ kí của Giám đốc Công ty kí).

Tiếp theo, nhân viên bán hàng hoặc Giám đốc sẽ đưa phiếu xuất kho kiêm hóa đơn bán hàng cho bộ phận Kho thực hiện xuất hàng đi cho khách hàng. Khi khách hàng nhận được hàng, về thanh toán, Kế toán ghi nhận doanh thu, công nợ (thu tiền mặt, ghi nhận tiền chuyển khoản hoặc ghi nhận công nợ) và xuất kho từ phần mềm kế toán nội bộ Misa Amis. Kế toán nội bộ vào phần mềm hóa đơn Cyberbill để xuất hóa đơn và gửi qua email của khách hàng.

Vì số lần nhập hàng của công ty rất ít, số lượng nhập mỗi lần nhiều, nên việc chạy giá vốn sẽ vào mỗi cuối tháng do bên đại lí thuế Đoàn Gia cung cấp lại cho công ty để công ty lấy giá đó xuất hóa đơn cho khách hàng sau mỗi lần bán.

Sau đó, Kế toán nội bộ sẽ tổng hợp lại hóa đơn bán ra được xuất trong ngày gửi cho bên Đại lý Thuế Đoàn Gia theo dõi và hạch toán vào phần mềm kế toán Smart Pro. Cuối quý, Đại lí thuế Đoàn Gia sẽ tập hợp các hóa đơn thành bảng kê đầu ra, đầu vào để kê khai thuế GTGT cho doanh nghiệp.

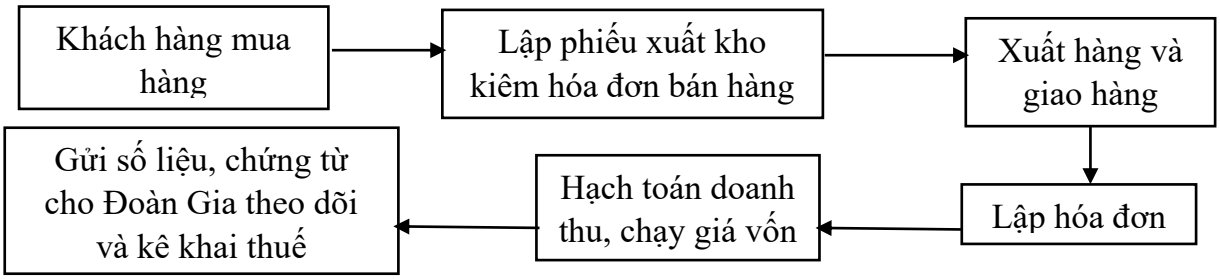

Sơ đồ 2.6. Quy trình mua hàng tại Công ty Cổ phần nguyên liệu Gỗ miền Trung.

Nghiệp vụ số 1: Nghiệp vụ bán hàng thu tiền mặt

Ngày 28/02/2025 Công ty tiến hành xuất kho hàng hoá bán cho Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế Xây dựng We Home theo hoá đơn số 12. Tổng giá trị thanh toán của đơn hàng là 5.400.000 VND, trong đó đã bao gồm thuế suất GTGT 8%. Khách hàng chấp nhận thực hiện thanh toán bằng tiền mặt.

Sau khi Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế Xây dựng We Home đồng ý mua hàng và chấp nhận thanh toán, kế toán lập hoá đơn điện tử số 12.

- *Trình tự ghi sổ kế toán liên quan đến nghiệp vụ*

Quy trình lập hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho của doanh nghiệp:

Khi khách hàng đặt hàng và yêu cầu giao hàng, kế toán bán hàng sẽ tiến hành lập phiếu xuất kho kiêm hóa đơn bán hàng ra 2 bản (1 bản cho khách hàng, 1 bản công ty giữ để theo dõi nội bộ) bằng phần mềm **Misa Amis** với vai trò xác nhận quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển từ doanh nghiệp sang khách hàng và là căn cứ để thủ kho thực hiện xuất hàng, theo thứ tự sau:

– Vào mục **Bán hàng** -> chọn **Bán hàng** *(Phụ lục 03).*

– Xuất hiện chứng từ bán hàng -> Chọn **Thu tiền ngay** -> Nhập **mã khách hàng** (nếu chưa có sẵn thông tin thì bấm Ctrl N để thêm mới Mã số thuế, Mã khách hàng, Thông tin khách hàng) -> Chọn **ngày hạch toán** (ngày phát sinh nghiệp vụ bán hàng) -> **Điền tên mặt hàng, số lượng, đơn giá, thuế** -> Phần mềm sẽ tự nhảy số tiền cần thanh toán *(Hình 2.2).*

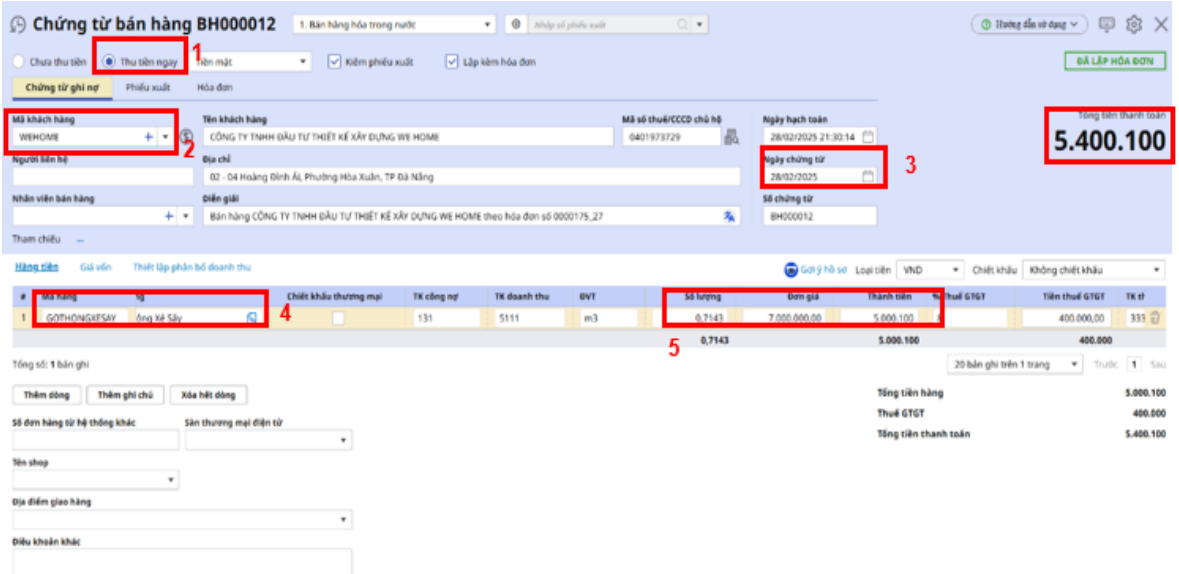

Hình 2.2. Giao diện ghi nhận bán hàng ở phần mềm Misa Amis

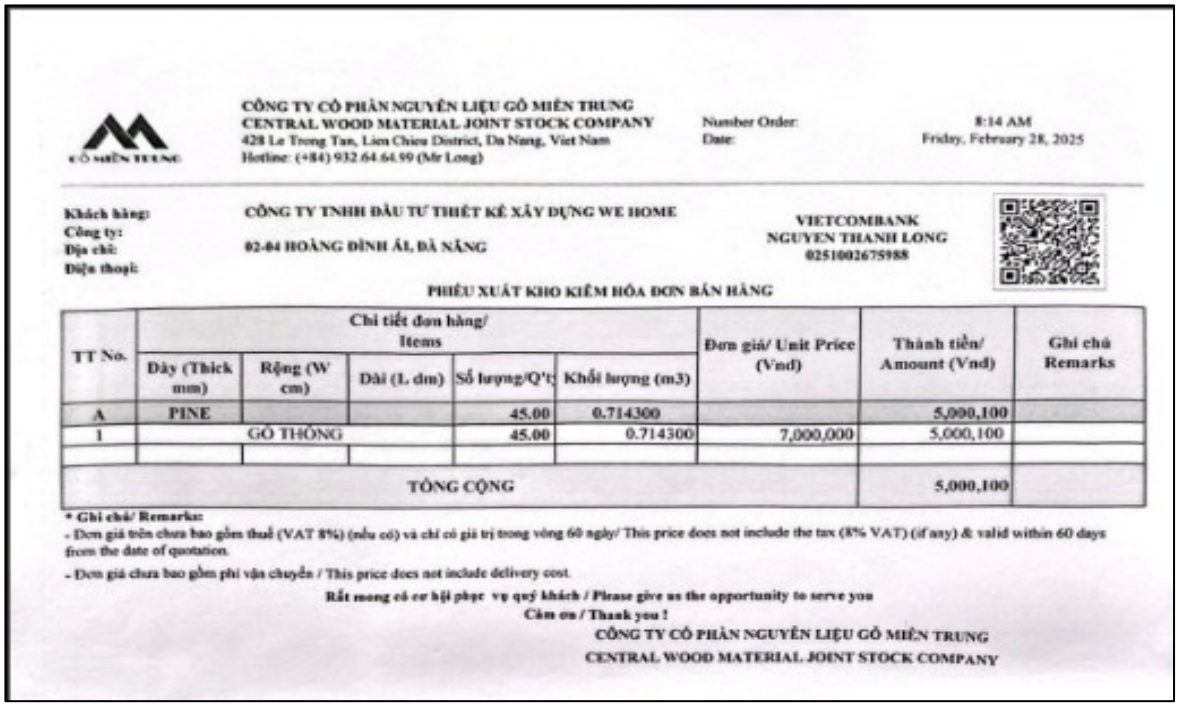

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
CENTRAL WOOD MATERIAL JOINT STOCK COMPANY
428 Le Trong Tan, Lien Chieu District, Da Nang, Viet Nam
Hotline: (+84) 932.64.61.99 (Mr Long)

Number Order:
Date:

8:14 AM
Friday, February 28, 2025

Khách hàng: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG WE HOME
Công ty:
Địa chỉ: 02-04 HOÀNG ĐÌNH ÁI, ĐÀ NẴNG
Điện thoại:

VIETCOMBANK
NGUYEN THANH LONG
0251002675988

PHIẾU XUẤT KHO KIÊM HÓA ĐƠN BÁN HÀNG

TT No.	Chi tiết đơn hàng/ Items					Đơn giá/ Unit Price (Vnd)	Thành tiền/ Amount (Vnd)	Ghi chú Remarks
	Dày (Thick mm)	Rộng (W cm)	Dài (L dm)	Số lượng/Q'ty	Khối lượng (m3)			
A	PINE			45.00	0.714300		5,000,100	
1	GỖ THÔNG			45.00	0.714300	7,000,000	5,000,100	
TỔNG CỘNG							5,000,100	

* Ghi chú/ Remarks:
- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế (VAT 8%) (nếu có) và chỉ có giá trị trong vòng 60 ngày/ This price does not include the tax (8% VAT) (if any) & valid within 60 days from the date of quotation.
- Đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển / This price does not include delivery cost.

Rất mong có cơ hội phục vụ quý khách / Please give us the opportunity to serve you
Cảm ơn / Thank you !
CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
CENTRAL WOOD MATERIAL JOINT STOCK COMPANY

Hình 2.3. Phiếu xuất kho kiêm hóa đơn bán hàng ngày 28/02/2025

Sau khi hoàn tất bàn giao, kế toán bán hàng lập hoá đơn GTGT thông qua Phần mềm Cyberbill sau khi đã bàn giao hàng hóa đến cho khách hàng, là căn cứ ghi nhận doanh thu bán hàng và các khoản thuế phải nộp.

– Đầu tiên, sẽ vào link **https://bill2.xcyber.vn/login/login.html** đăng nhập tài khoản công ty *(Phụ lục 4)*

– Tại mục hoá đơn, chọn **Lập mới hoá đơn** (*Phụ lục 5)*

– Chọn mẫu hóa đơn

– Chọn Loại thông tư

– Chọn Hóa đơn mẫu

– Tích chọn Tạo hóa đơn

Nhập liệu nội dung hóa đơn

– Nhập thông tin bên mua: Công ty nhập thông tin vào Tên đơn vị, MST và Địa chỉ. (đơn vị có thể nhập Mã số thuế của đơn vị mua hàng và sử dụng icon tìm kiếm để tra cứu thông tin đơn vị mua hàng), email của người mua

– Nhập nội dung hàng hóa dịch vụ (Phụ *lục 06)*

Sau đó bấm lưu tạm để tạo hóa đơn nháp. Để kiểm tra thông tin hóa đơn chọn mục xem trước để kiểm tra thông tin lại một lần nữa

Nhập email gửi hoá đơn nháp cho khách hàng kiểm tra lại thông tin và chọn gửi hoá đơn nháp. Tiếp theo, nhấn chọn ký để gửi lên cơ quan thuế. Sau khi ký thành công, nhấn F5 để kiểm tra xem cơ quan thuế đã cấp mã cho hoá đơn hay chưa.

Cuối cùng, ta sẽ có hoá đơn như sau:

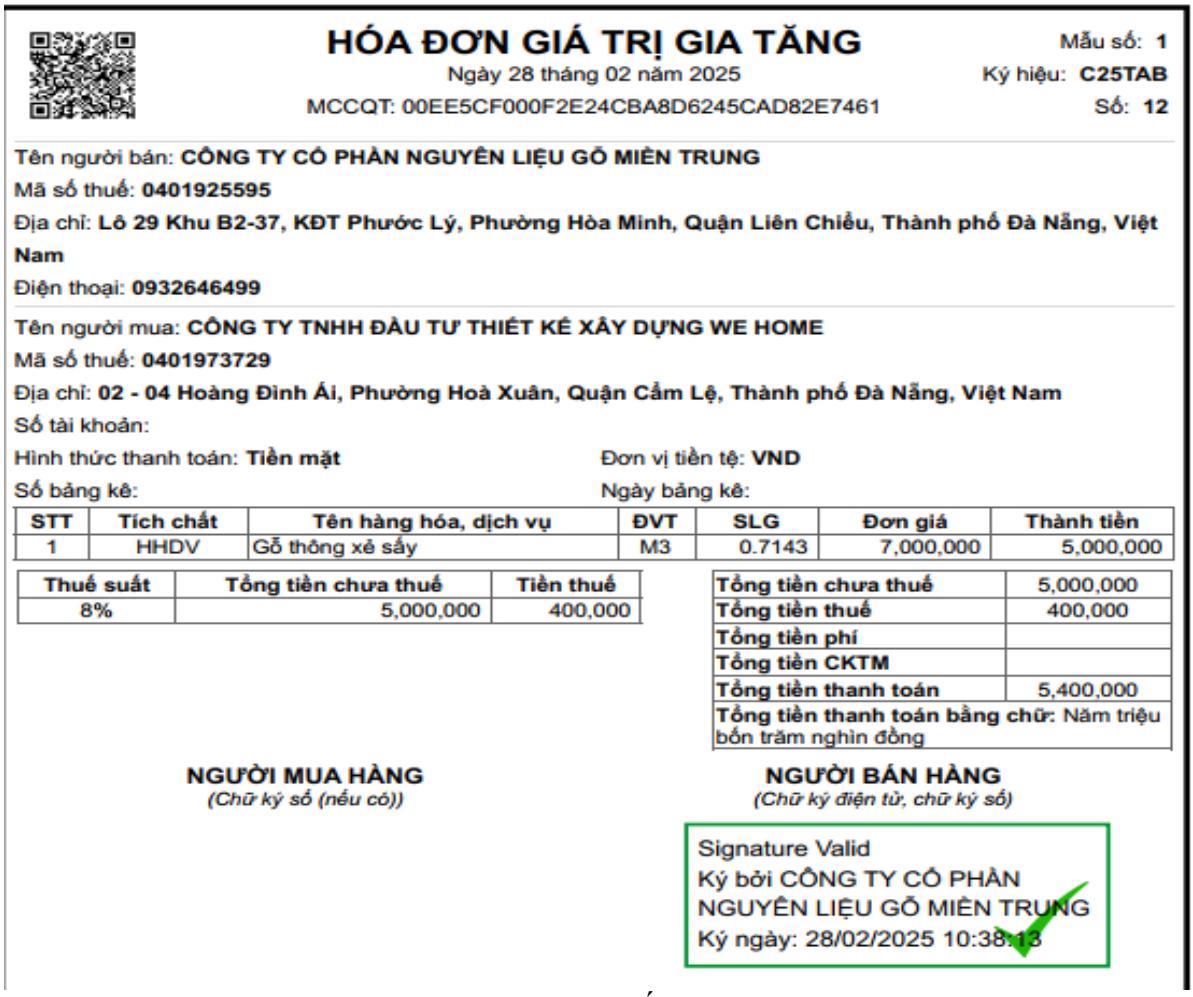

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

MCCQT: 00EE5CF000F2E24CBA8D6245CAD82E7461

Mẫu số: **1**
Ký hiệu: **C25TAB**
Số: **12**

Tên người bán: **CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG**
Mã số thuế: **0401925595**
Địa chỉ: **Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**
Điện thoại: **0932646499**

Tên người mua: **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG WE HOME**
Mã số thuế: **0401973729**
Địa chỉ: **02 - 04 Hoàng Đình Ái, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: **Tiền mặt** Đơn vị tiền tệ: **VND**
Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tích chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SLG	Đơn giá	Thành tiền
1	HHDV	Gỗ thông xẻ sấy	M3	0.7143	7,000,000	5,000,000

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tiền thuế
8%	5,000,000	400,000

Tổng tiền chưa thuế	5,000,000
Tổng tiền thuế	400,000
Tổng tiền phí	
Tổng tiền CKTM	
Tổng tiền thanh toán	5,400,000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ: Năm triệu bốn trăm nghìn đồng	

NGƯỜI MUA HÀNG
(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Ký ngày: 28/02/2025 10:38:13

Hình 2.4. Hoá đơn GTGT số 12 ngày 28/02/2025

Quy trình nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán Smart Pro và lên sổ:

Sau khi xuất hoá đơn, để nhập hoá đơn bán hàng lên phần mềm Smart Pro kế toán chọn **Nhập phát sinh ở mục Menu Chính**. Sau đó chọn mục Nhập phát sinh, kế toán tiến hành lần lượt nhập liệu theo số thứ tự như hình vẽ.

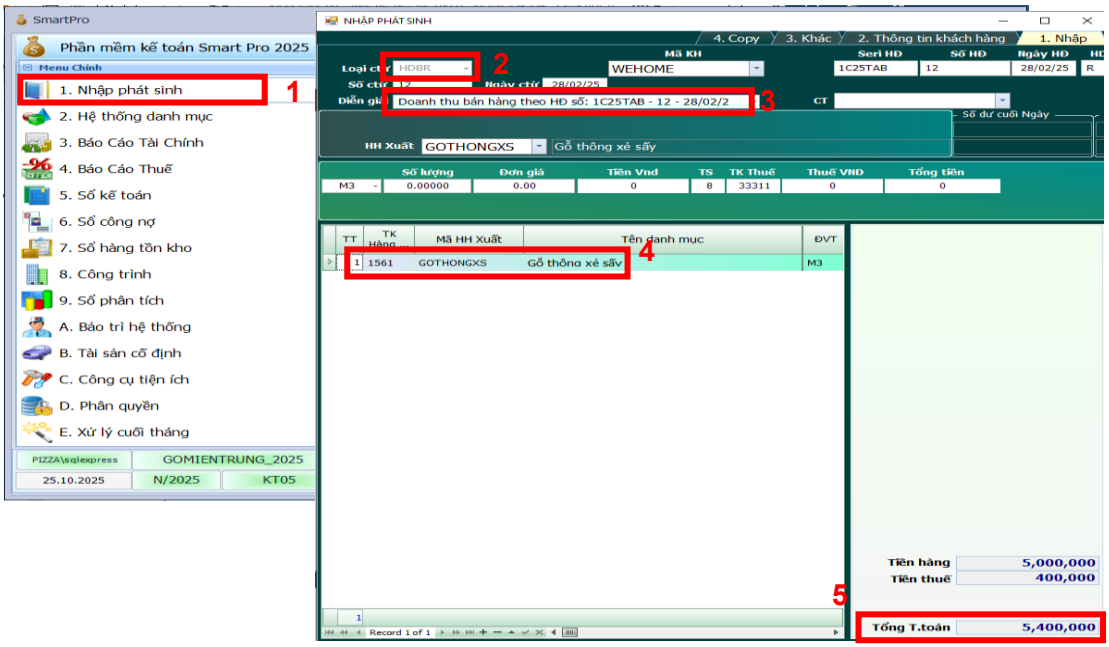

Hình 2.5. Giao diện hạch toán HĐBR theo HĐ số 12 trên phần mềm Smart Pro.

Quy trình lấy phiếu thu từ phần mềm:

Sau khi tiến hành ghi sổ ta tiến hành lấy phiếu thu, kí xác nhận của bên giám đốc của công ty đã nhận tiền thanh toán từ khách hàng và lưu trữ vào chứng từ của công ty.

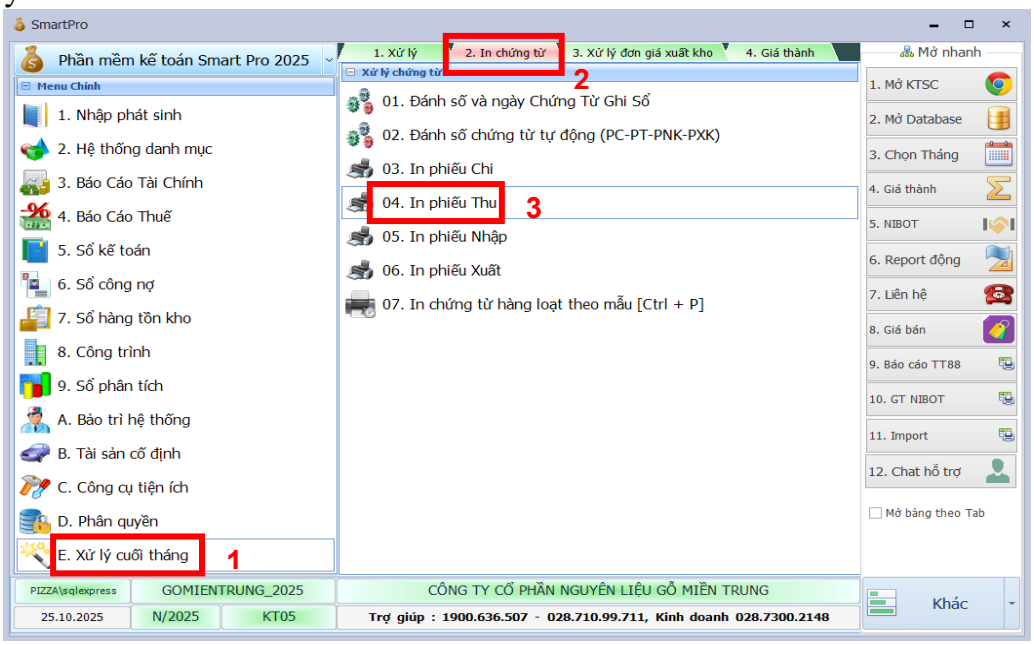

Hình 2.6. Giao diện lấy phiếu thu số 12 tại phần mềm Smart Pro

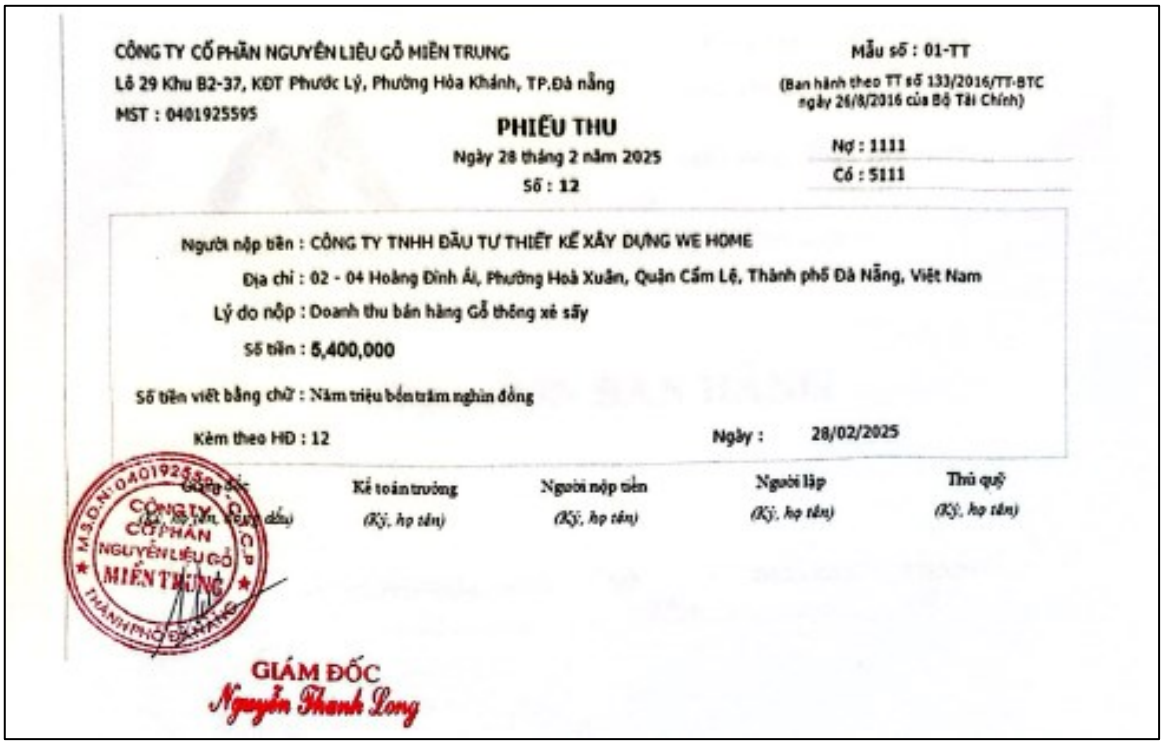

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng
MST : 0401925595

Mẫu số : 01-TT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU THU
Ngày 28 tháng 2 năm 2025
Số : 12

Nợ : 1111
Có : 5111

Người nộp tiền : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG WE HOME
Địa chỉ : 02 - 04 Hoàng Đình Ái, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Lý do nộp : Doanh thu bán hàng Gỗ thông xẻ sấy
Số tiền : 5,400,000
Số tiền viết bằng chữ : Năm triệu bốn trăm nghìn đồng
Kèm theo HĐ : 12 Ngày : 28/02/2025

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
M.S.D.N: 0401925595
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thanh Long

Hình 2.7. Phiếu thu theo HĐ 12

Nghiệp vụ số 2: Nghiệp vụ bán hàng chưa thu tiền

Ngày 06/06/2025 Công ty TNHH Gỗ Việt Nhật đến trực tiếp trụ sở Công ty Cổ phần Nguyên liệu gỗ Miền Trung để mua gỗ Tần bì dạng lóng hoá đơn số 48. Tổng giá thanh toán đã bao gồm thuế GTGT 8% là 199.999.692 VNĐ. Khách hàng chưa thanh toán. Sau khi Công ty TNHH Gỗ Việt Nhật xác nhận đồng ý mua hàng và hoàn tất việc thoả thuận thanh toán, kế toán tiến hành lập hoá đơn điện tử số 48

Phiếu xuất kho kiêm hóa đơn bán hàng được thể hiện ở *phụ lục 08*

(Vì các bước quy trình bán hàng giống nghiệp vụ minh hoạ số 1 nên em xin phép không lặp lại).

Trình tự ghi sổ kế toán liên quan đến nghiệp vụ:

Kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT đầu ra ra để tiến hành hạch toán vào phần mềm kế toán Smart Pro. Phần doanh thu thu được từ việc bán gỗ sẽ được xác định là doanh thu bán hàng hóa (Vì các bước quy trình lập hoá đơn giống nghiệp vụ minh hoạ số 1 nên em xin phép không lặp lại).

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 06 tháng 06 năm 2025

MCCQT: 00607D8D9D11954C41834386FC0C54217A

Mẫu số: **1**
Ký hiệu: **C25TAB**
Số: **48**

Tên người bán: **CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG**
Mã số thuế: **0401925595**
Địa chỉ: **Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**
Điện thoại: **0932646499**

Tên người mua: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GỖ VIỆT NHẬT**
Mã số thuế: **0401885487**
Địa chỉ: **183/34A đường Trần Thái Tông, Phường An Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: **Chuyển khoản** Đơn vị tiền tệ: **VND**
Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tích chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SLG	Đơn giá	Thành tiền
1	HHDV	Gỗ tần bì dạng lóng	M3	20.5761	9,000,000	185,184,900

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tiền thuế
8%	185,184,900	14,814,792

Tổng tiền chưa thuế	185,184,900
Tổng tiền thuế	14,814,792
Tổng tiền phí	
Tổng tiền CKTM	
Tổng tiền thanh toán	199,999,692
Tổng tiền thanh toán bằng chữ: Một trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm chín mươi hai đồng	

NGƯỜI MUA HÀNG
(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Ký ngày: 06/06/2025 15:16:56

Hình 2.8. Hoá đơn GTGT số 48 ngày 06/06/2025

Hạch toán HĐBR theo HĐ số 48 vào phần mêm Smart Pro (*Phụ lục 09*)

Quy trình lấy sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511, các sổ chi tiết TK 5111, 5113:

Sổ nhật ký chung:

Đầu tiên, vào mục **Sổ kế toán** —> chọn **Sổ nhật ký chung** —> chọn **Ngày 01/01/2024 – 31/12/2024** —> sau đó, bấm chọn **In** (Trích phụ lục 07)

Sổ cái TK 511:

Tương tự, vào mục **Sổ kế toán** —> chọn **Sổ cái** —> chọn **Tài khoản 511** —> chọn **Ngày 01/01/2024 – 31/12/2024** —> sau đó, bấm chọn **In.**

Bảng 2.2. Sổ cái TK 511

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng
Mã số thuế : 0401925595

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số tiền VND	
	Số	Ngày		DU	Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
03/01/25	HDBR.1	03/01/25	Doanh thu bán hàng Gỗ sồi đỏ xẻ	1111		13.888.500
04/01/25	HDBR.4	04/01/25	Doanh thu bán hàng Gỗ Tần bì ABC 40/50+	131		55.555.556
...	....	....	....	...	....	....
28/02/25	HDBR.12	28/02/25	Doanh thu bán hàng Gỗ thông xẻ sấy	1111		5.000.000
...	....	....	....	...	....	....
31/03/25	HDBR.26	31/03/25	Doanh thu bán hàng Gỗ sồi đỏ xẻ	131		3.689.850
31/03/25	KC.01	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	348.862.380	
...	....	....	....	...	....	....
06/06/25	HDBR.48	06/06/25	Doanh thu bán hàng Gỗ tần bì dạng lóng	131		185.184.900
...	....	....	....	...	....	....
30/12/25	HDBR.160	30/12/25	Doanh thu bán hàng Gỗ thông xẻ sấy	131		27.444.430
31/12/25	KC.01	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	1.099.246.769	
			CỘNG PHÁT SINH		**5.362.535.570**	**5.362.535.570**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		**5.362.535.570**	**5.362.535.570**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập | Kế toán trưởng | Giám đốc

Trích sổ chi tiết 5111 – Doanh thu bán hàng:

Sau khi đồng bộ phần mềm sẽ tự xử lý số liệu và lên sổ chi tiết TK 5111.

Sổ chi tiết TK 5111:

Đầu tiên, vào mục **Sổ kế toán** —> chọn **Sổ chi tiết tài khoản** —> chọn **Tài khoản 5111** —> chọn **Ngày 01/01/2024 – 31/12/2024** —> sau đó, bấm **Xem**.

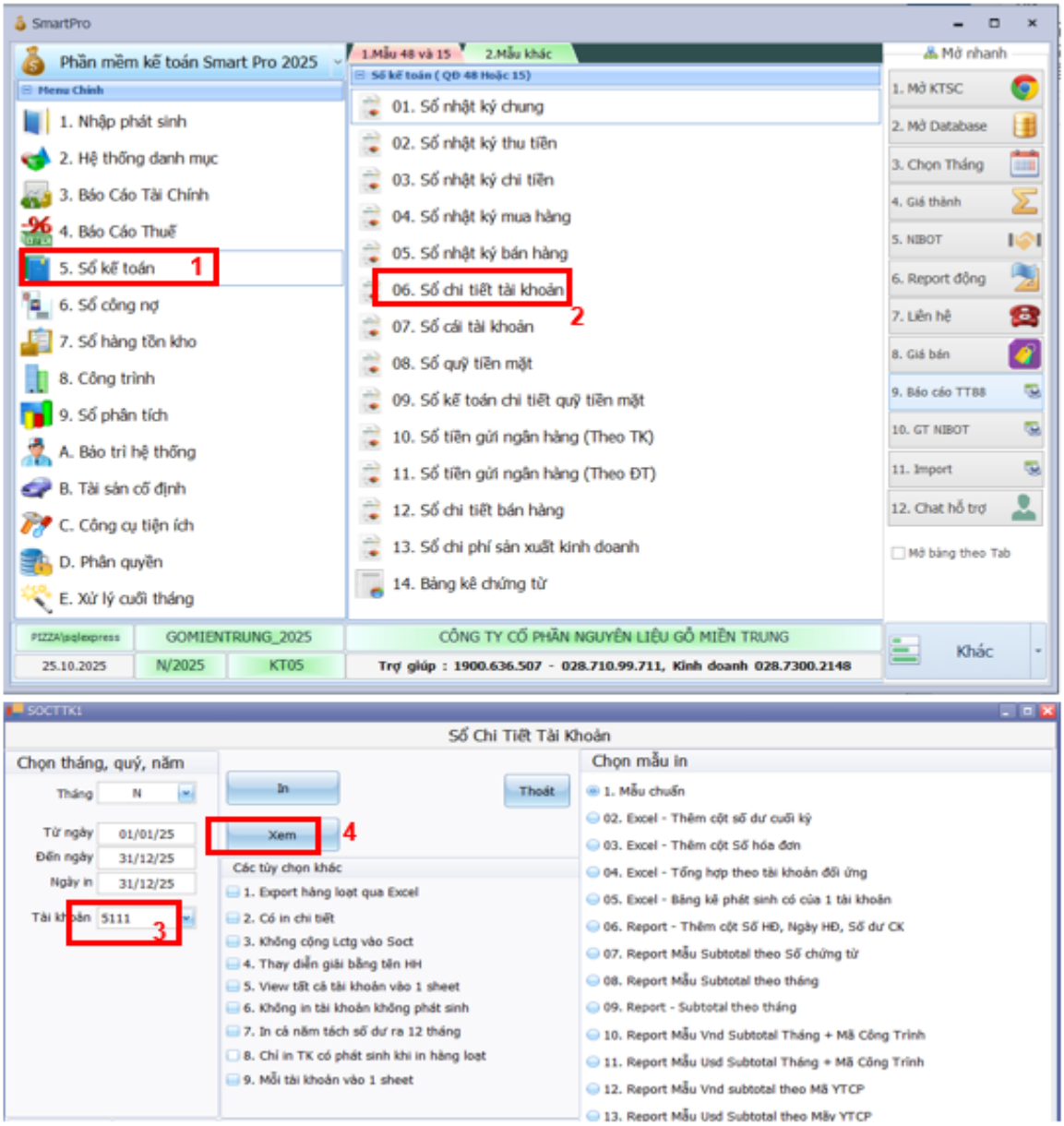

Hình 2.9. Giao diện truy cập sổ chi tiết tài khoản trên phần mềm Smart Pro

Bảng 2.3. Sổ chi tiết TK 5111

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng
Mã số thuế : 0401925595

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 5111-Doanh thu bán hàng hóa

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
03/01/25	HDBR.1	03/01/25	Doanh thu bán hàng Gỗ sồi đỏ xẻ	1111		13,888,500
04/01/25	HDBR.4	04/01/25	Doanh thu bán hàng Gỗ Tần bì ABC 40/50+	131		55,555,556
….	….	…	…	…	…	….
28/02/25	HDBR.12	28/02/25	Doanh thu bán hàng Gỗ thông xẻ sấy	1111		5,000,000
28/02/25	KC.01	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	232,019,532	
….	….	…	…	…	…	….
31/03/25	HDBR.26	31/03/25	Doanh thu bán hàng Gỗ sồi đỏ xẻ	131		3,689,850
31/03/25	KC.01	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	348,862,380	
08/04/25	HDBR.27	08/04/25	Doanh thu bán hàng Gỗ tần bì dạng lóng	1111		18,000,000
….	….	…	…	…	…	….
30/04/25	KC.01	30/04/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	246,767,568	
….	….	…	…	…	…	….
31/05/25	KC.01	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	439,034,922	
06/06/25	HDBR.48	06/06/25	Doanh thu bán hàng Gỗ tần bì dạng lóng	131		185,184,900
17/06/25	HDBR.49	17/06/25	Doanh thu bán hàng Gỗ Xoan Đào (Sapelli) tròn nhập khẩu	131		100,000,000
….	….	…	…	…	…	….
30/09/25	HDBR.98	30/09/25	Doanh thu bán hàng Gỗ tần bì dạng lóng	1111		4,629,635
30/09/25	KC.01	30/09/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	574,502,993	
….	….	…	…	…	…	….
30/12/25	HDBR.162	30/12/25	Doanh thu bán hàng Gỗ sồi đỏ xẻ	131		32,407,485
31/12/25	KC.01	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	1,099,246,769	
			Cộng phát sinh		**5,362,535,570**	**5,362,535,570**
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập | Kế toán trưởng | Giám đốc

2.2.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu gỗ miền Trung

Trong năm 2025, công ty không phát sinh khoản giảm trừ doanh thu nào. Nên em xin phép không trình bày trong bài.

2.2.1.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

❖ **Nội dung doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu phát sinh doanh thu từ các khoản thu lãi tiền gửi ngân hàng.

❖ **Chứng từ và sổ sách sử dụng**

Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có.
- Sổ phụ ngân hàng….

Sổ sách sử dụng: TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**.**

Để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ Miền trung sử dụng:

- Sổ chi tiết TK 5151 "Doanh thu về hoạt động góp vốn liên doanh".
- Sổ chi tiết TK 5152 "Doanh thu về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán"
- Sổ chi tiết TK 5153 "Doanh thu về cho thuê tài sản".
- Sổ chi tiết TK 5154 "Doanh thu từ hoạt động tài chính từ lãi tiền gửi".
- Sổ chi tiết TK 5155 "Doanh thu từ lãi cho vay vốn".
- Sổ chi tiết TK 5156 "Doanh thu từ lãi bán ngoại tệ".
- Sổ chi tiết TK 5158 "Doanh thu từ hoạt động đầu tư khác".

Trong năm 2025, công ty chỉ sử dụng tài khoản chung 515

- Sổ chi tiết tài khoản 515.
- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái tài khoản 515.

❖ **Quy trình ghi sổ kế toán**

Vào cuối mỗi tháng, công ty nhận được sao kêu của ngân hàng, giấy báo Nợ/Có.

Kế toán căn cứ vào đó để tổng hợp, kiểm tra. Kế toán thực hiện nhập liệu vào phần mềm Smart Pro, sau khi nhập liệu xong vào phần mềm, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ chi tiết tài khoản, sổ cái TK 515.

Nghiệp vụ số 1:

Ngày 15/11/2025 công ty nhận được sao kê, giấy báo Có trả lãi tiền gửi của ngân hàng TMCP Quân đội (MBBANK). Số tiền lãi công ty nhận được là 1.267 đồng.

SAO KÊ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Account Statement
Từ ngày/*From*:01/06/2025 00:00:00 Đến ngày/*To*:22/12/2025 23:59:59

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI
Military Commercial Joint Stock Bank
Chi nhánh/*Branch*: VN0010301 - CN DA NANG

Tên khách hàng/*Customer name*: CONG TY CO PHAN NGUYEN LIEU GO MIEN TRUNG
Mã khách hàng/*Customer code*: 40601928
Địa chỉ/*Address*: LO 29 KHU B2-37 KDT PHUOC LY-PHUONG HOA MINH-QUAN LIEN CHIEU-THANH PHO DA NANG-VIET NAM

Tài khoản/*Account No*: 6449996868
Mã số thuế/*Tax code*: 0401925595
Loại tiền/*Currency*: VND

Chúng tôi xin thông báo chi tiết phát sinh nợ/có trên tài khoản quý khách trong thời gian trên như sau:
We would like to inform you about your account debit/credit transactions as the following details:

Số dư đầu kỳ/ *Opening Balance*: 0.00 VND

STT	NGÀY GIAO DỊCH	NGÀY HẠCH TOÁN	PHÁT SINH NỢ	PHÁT SINH CÓ	SỐ DƯ	ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/ĐƠN VỊ CHUYỂN	NỘI DUNG	BÚT TOÁN
1	21/12/2025 03:21:10	20/12/2025	0	11	144,196		Tra lai tien gui, so TK: 6449996868-20251220	6449996868-20251220
2	26/11/2025 12:08:19	26/11/2025	58,568,832	0	144,185	CONG TY CO PHAN NGUYEN LIEU GO MIEN TRUNG	nop tien	FT25330840669226
3	26/11/2025 12:03:10	26/11/2025	0	58,700,000	58,713,017	NGUYEN THANH LONG	MBVCB.11888979781.794037.NGUYEN THA NH LONG nop tien.CT tu 025100267598 8 NGUYEN THANH LONG toi 6449996868 CONG TY CO PHAN NGUYEN LIEU GO MIEN TRUNG tai MB- Ma GD ACSP/ qh794037	FT25330769223390
4	26/11/2025 01:14:03	25/11/2025	15,436	0	13,017		THU LAI KHOAN VAY THAU CHI	4501889318841-20251125
5	16/11/2025 03:18:53	15/11/2025	0	1,267	28,453		Tra lai tien gui, so TK: 6449996868-20251115	6449996868-20251115
6	10/11/2025 12:10:58	10/11/2025	30,700,000	0	27,186	NGUYEN THANH LONG	rut tien - Ma giao dich/ Trace 0014 28	FT25314056837979
7	06/11/2025 09:44:30	06/11/2025	4,550,000	0	30,727,186	CONG TY CO PHAN MISA	CONG TY CO PHAN NGUYEN LIEU GO MIEN TRUNG - Ma giao dich/ Trace 780057	FT25310363102347
8	28/10/2025 12:29:49	28/10/2025	0	20,000,023	35,277,186	CTTNHHTM VA DICH VU NGUYEN ANH KHOI	Chuyen khoan 020097040710281229492025100176404 3	FT25301309131194
9	28/10/2025 10:42:41	28/10/2025	0	15,000,390	15,277,163	CONG TY TNHH TMDV VA XAY DUNG WINNA HOME	Thanh toan tien hang	FT25301295020828

Hình 2.10. Sao kê ngân hàng Mbbank

Kế toán căn cứ vào sao kê ngân hàng hoặc giấy báo Có hạch toán lên phần mềm Smart Pro như sau:

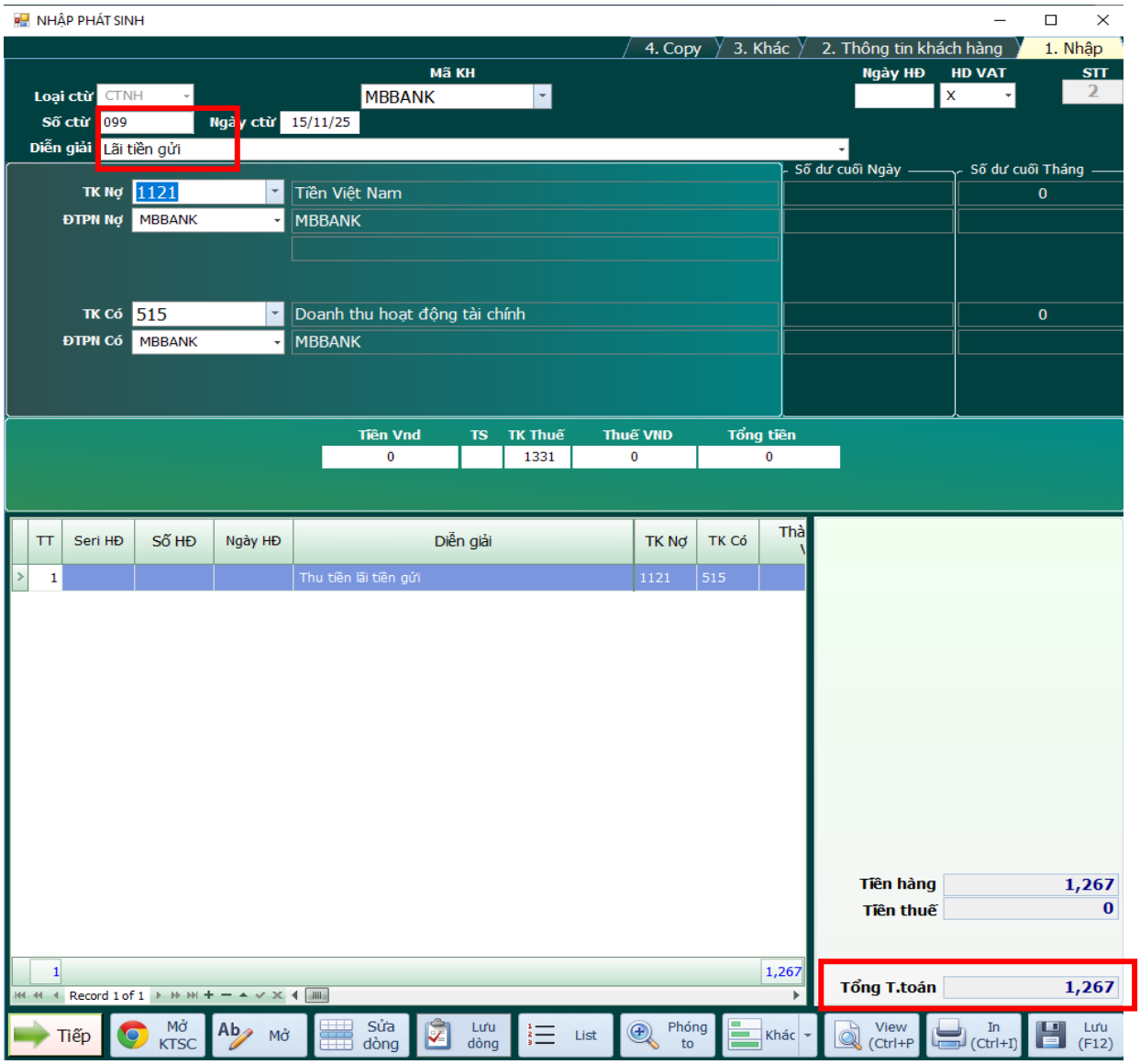

Hình 2.11. Giao diện hạch toán lãi tiền gửi trên phần mềm Smart Pro

Sổ nhật ký chung: Sau khi kế toán thực hiện phản ánh vào phần mềm, phần mềm tự động lên sổ nhật ký chung (Trình bày ở phụ lục 07)

Trích sổ cái TK 515: Phần mềm cũng sẽ tự động lên sổ cái TK 515.

Bảng 2.4. Sổ cái 515

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng
Mã số thuế : 0401925595

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
31/01/25	CTNH.015	31/01/25	Lãi tiền gửi	11211		310
31/01/25	KC.02	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	310	
28/02/25	CTNH.023	28/02/25	Lãi tiền gửi	11211		2.656
28/02/25	KC.02	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	2.656	
31/03/25	CTNH.048	31/03/25	Lãi tiền gửi	11211		4.005
31/03/25	KC.02	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	4.005	
…	….	….	…	…	…	…
15/11/25	CTNH.247	15/11/25	Lãi tiền gửi ngân hàng	11212		1.267
30/11/25	CTNH.248	30/11/25	Lãi tiền gửi	11211		6.443
30/11/25	KC.02	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	7.710	
20/12/25	CTNH.256	20/12/25	Lãi tiền gửi ngân hàng	11212		11
31/12/25	CTNH.237	31/12/25	Lãi tiền gửi ngân hàng	11211		4.959
31/12/25	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	4.970	
			CỘNG PHÁT SINH		**36.832**	**36.832**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		**36.832**	**36.832**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập | Kế toán trưởng | Giám đốc

Trích sổ chi tiết TK 515: Kế toán nhập vào phần mềm, khi đó phần mềm cũng sẽ tự động lên sổ chi tiết TK 515

Bảng 2.5. Sổ chi tiết TK 515

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng
Mã số thuế : 0401925595

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Mã hiệu : 515-Doanh thu hoạt động tài chính
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/01/25	CTNH.015	31/01/25	Lãi tiền gửi	11211		310
31/01/25	KC.02	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	310	
28/02/25	CTNH.023	28/02/25	Lãi tiền gửi	11211		2.656
28/02/25	KC.02	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	2.656	
…	…	…	…	…	…	…
31/10/25	KC.02	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	3.552	
15/11/25	CTNH.247	15/11/25	Lãi tiền gửi ngân hàng	11212		1.267
30/11/25	CTNH.248	30/11/25	Lãi tiền gửi	11211		6.443
30/11/25	KC.02	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	7.710	
20/12/25	CTNH.256	20/12/25	Lãi tiền gửi ngân hàng	11212		11
31/12/25	CTNH.237	31/12/25	Lãi tiền gửi ngân hàng	11211		4.959
31/12/25	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	4.970	
			Cộng phát sinh		**36.832**	**36.832**
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập | Kế toán trưởng | Giám đốc

2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác.

Thu nhập khác ở công ty bao gồm thu nhập từ việc thanh lý TSCĐ, thu nhập từ chênh lệch tỷ giá…Tuy nhiên, trong năm 2025 này công ty không phát sinh khoản thu nhập khác nào. Nên em xin phép không trình bày trong bài.

2.2.2. Kế toán chi phí tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu gỗ miền Trung.

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

❖ **Chứng từ sử dụng**

– Phiếu xuất kho

– Hóa đơn GTGT (hóa đơn điện tử) …

❖ **Sổ sách sử dụng:**

– Sổ chi tiết tài khoản 6321: "Giá vốn của hàng hoá"

– Sổ chi tiết tài khoản 6323: "Giá vốn của dịch vụ".

– Sổ chi tiết tài khoản 6322: "Giá vốn của thành phẩm".

Tuy nhiên trong năm 2025, công ty chỉ sử dụng tài khoản chi tiết 6321.

– Sổ nhật ký chung.

– Sổ cái tài khoản 632.

❖ **Phương pháp tính giá xuất kho tại công ty**

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, việc nhập xuất được ghi nhận hàng ngày khi các nghiệp vụ phát sinh. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân theo thời điểm

Nghiệp vụ số 01 (tiếp nối nghiệp vụ số 1 phần doanh thu): Ngày 28/02/2025 Tính giá vốn của hoá đơn GTGT 12 đã bán cho Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế Xây dựng We Home ngày 28/02/2025.

Doanh nghiệp áp dụng tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân theo thời điểm, nhưng do số lần nhập hàng trong tháng ít nên kế toán tiến hành chạy giá vốn vào cuối tháng.

Kế toán tiến hành tính giá vốn trên phần mềm Smart Pro như sau:

Trên giao diện phần mềm kế toán Smart Pro bấm chọn mục **Xử lí cuối tháng** -> chọn **Xử lí theo ngày**. Sau đó, kế toán nhập ngày bắt đầu **01/02/2025 đến ngày 28/02/2025** —> rồi kích chọn **Xử lí**, màn hình hiện lên Đã xử lí xong đơn giá xuất kho —>Chọn **Ok**. Số liệu sẽ tự động cập nhật vào phiếu xuất kho trong kỳ

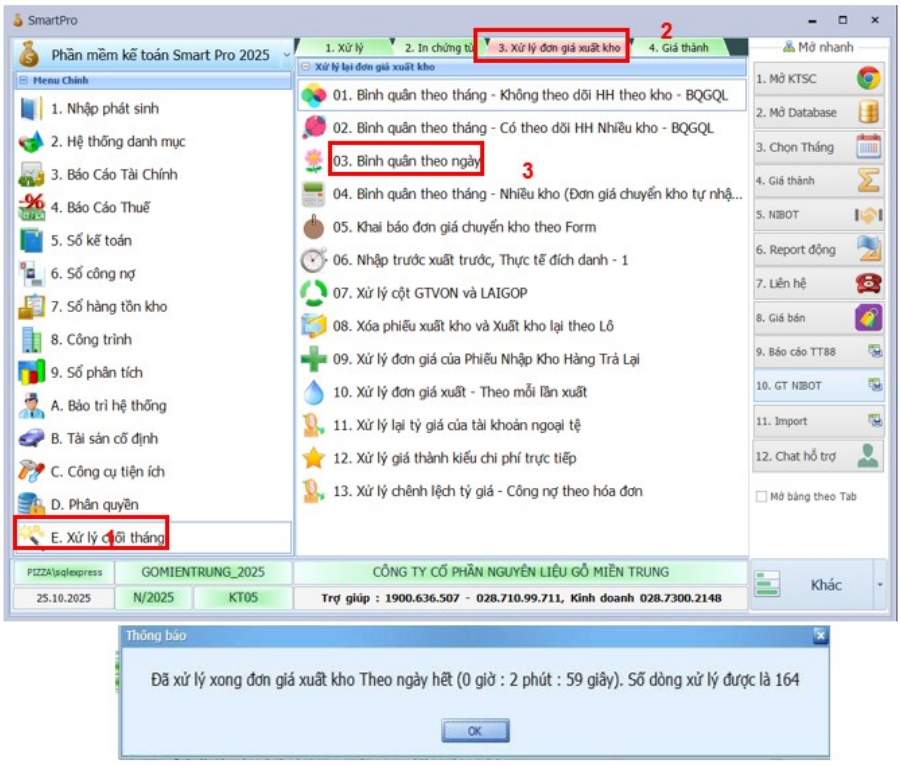

Hình 2.12. Giao diện xử lí giá vốn trên phần mềm Smart Pro

Quy trình lấy phiếu xuất do kế toán bán hàng xuất vào ngày 28/2/2025 và được kế toán nội bộ kí và lưu trữ vào chứng từ của công ty.

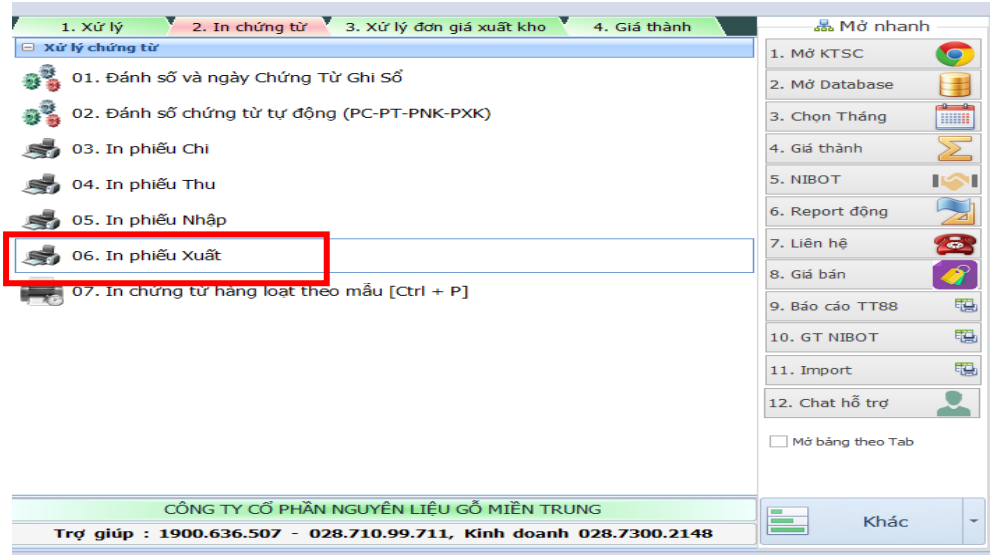

Hình 2.13. Giao diện lấy phiếu xuất kho 12 từ phần mềm Smart Pro

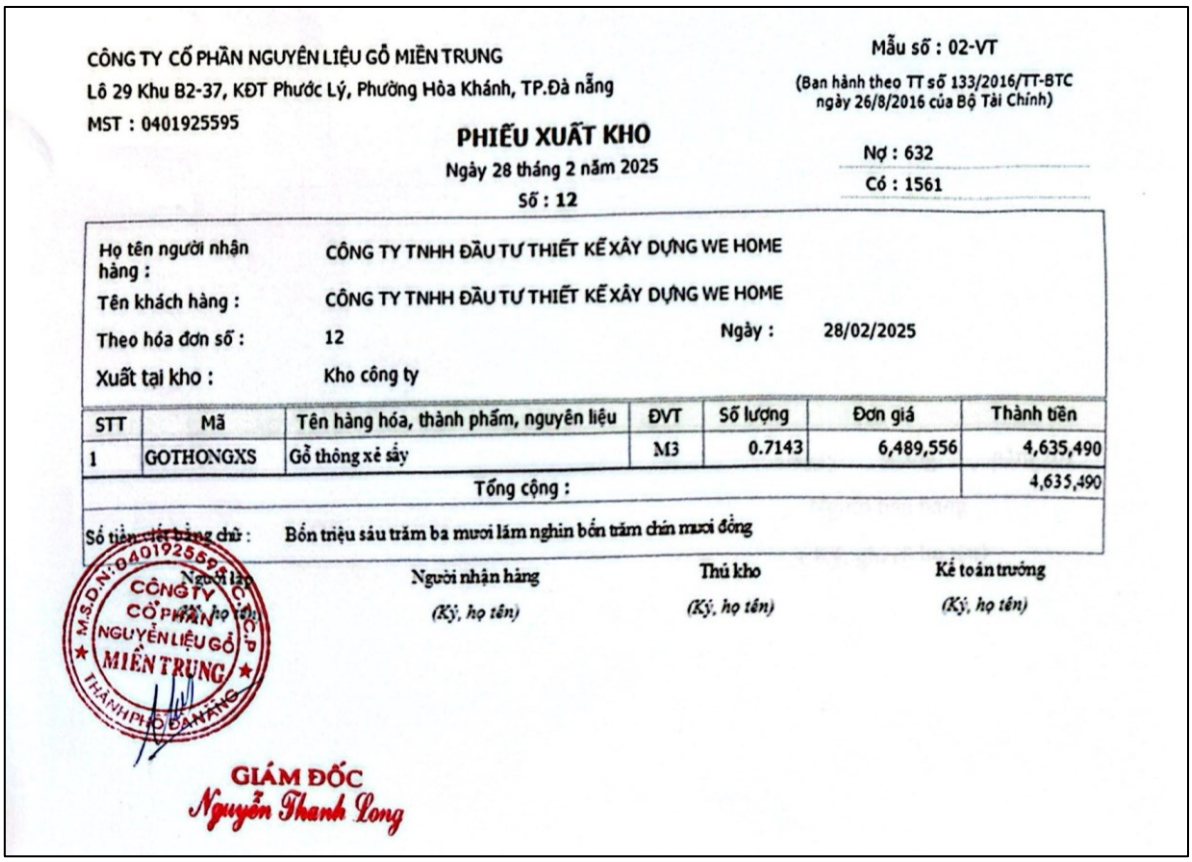

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng
MST : 0401925595

Mẫu số : 02-VT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 28 tháng 2 năm 2025
Số : 12

Nợ : 632
Có : 1561

Họ tên người nhận hàng : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG WE HOME
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG WE HOME
Theo hóa đơn số : 12 Ngày : 28/02/2025
Xuất tại kho : Kho công ty

STT	Mã	Tên hàng hóa, thành phẩm, nguyên liệu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	GOTHONGXS	Gỗ thông xẻ sấy	M3	0.7143	6,489,556	4,635,490
		Tổng cộng :				4,635,490

Số tiền viết bằng chữ : Bốn triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm chín mươi đồng

Người lập (Ký, họ tên) | Người nhận hàng (Ký, họ tên) | Thủ kho (Ký, họ tên) | Kế toán trưởng (Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
M.S.D.N: 0401925595
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thanh Long

Hình 2.14. Phiếu xuất kho theo HĐ số 12

Tính giá xuất kho theo bình quân thời điểm.

Kế toán có thể kiểm tra giá trên phiếu xuất kho như sau:

–Kế toán vào phần hành **Sổ hàng tồn kho** —> chọn **Chi tiết (thẻ kho)** —> chọn hàng hoá **Gỗ thông xẻ sấy** -> nhấn **Xem** sẽ xuất hiện Sổ chi tiết vật tư hàng hóa.

Bảng 2.6. Sổ chi tiết vật tư hàng hóa Gỗ thông xẻ sấy.

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng
Mã số thuế : 0401925595

Mẫu số S06-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT VTHH (THẺ KHO)
Tài khoản : 1561 - Giá mua hàng hóa
Mã VTHH : GOTHONGXS - Gỗ thông xẻ sấy - ĐVT : M3
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

LOẠI TIỀN : VND

Chứng từ			Diễn giải	Tài khoản		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ		Đơn giá
Loại	Số	Ngày		Nợ	Có	S.lượng	Giá trị	S.lượng	Giá trị	S.lượng	Giá trị	
			Số dư đầu kỳ							17.19097	111,561,760	6,489,556
PXK	5	13/01/25	Xuất kho theo HĐ : 5,13/01/2025	632	1561			2.58715	16,789,454	14.60382	94,772,306	6,489,556
PXK	12	28/02/25	Xuất kho theo HĐ : 12,28/02/2025	632	1561			0.71430	4,635,490	13.88952	90,136,816	6,489,556
PXK	14	05/03/25	Xuất kho theo HĐ : 14,05/03/2025	632	1561			1.47143	9,548,927	12.41809	80,587,889	6,489,556
…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…
PNK	6	29/12/25	Nhập kho Gỗ thông xẻ	1561	331	24.27200	250,001,600			77.16061	609,757,394	10,300,000
PXK	158	30/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 158,30/12/25	632	1561			0.52300	4,132,978	76.63761	605,624,416	7,902,444
PXK	160	30/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 160,30/12/25	632	1561			1.61438	12,757,547	75.02323	592,866,869	7,902,444
			CỘNG PHÁT SINH			**93.74400**	**742,588,675**	**35.91174**	**261,283,566**	**75.02323**	**592,866,869**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đoàn Quang Hiếu		Nguyễn Thanh Long

Trong khoảng thời gian từ 01/01/2025 đến 28/02/2025 doanh nghiệp không phát sinh thêm nghiệp vụ nhập kho mới nên kế toán lấy đơn giá hàng tồn kho đầu kì làm đơn giá xuất cho lần xuất kho ngày 28/02/2025 là 6.489.556 đồng.

Nghiệp vụ số 02 (tiếp nối nghiệp vụ số 2 phần doanh thu): Ngày 30/06/2025 Tính giá vốn hàng bán của hoá đơn GTGT 48 đã bán cho Công ty TNHH Gỗ Việt Nhật ngày 06/06/2025.

(Quy trình hạch toán và tính giá vốn tương tự với nghiệp vụ số 1, em xin phép không nhắc lại)

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Địa chỉ :Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵ
Mã số thuế : 0401925595

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO **Số : 48**

Ngày 6 tháng 6 năm 2025

Nợ : 632
Có : 1561

Họ tên người nhận hàng : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GỖ VIỆT NHẬT
Theo HĐ số 48 Ngày 06/06/25
Lý do xuất : Xuất kho theo HĐ : 48,06/06/2025
Xuất tại kho công ty

STT	Tên vật tư hàng hóa	Mã VTHH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Gỗ tần bì dạng lóng	GOTANBILONG	M3	20,58	8.677.061	178.540.084
Tổng Cộng						**178.540.084**

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Một trăm bảy mươi tám triệu năm trăm bốn mươi ngàn không trăm tám mươi bốn đồng
- Số chứng từ gốc kèm theo :

Ngày 6 tháng 6 năm 2025

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký,họ tên)*

Hình 2.15. Phiếu xuất kho theo HĐ số 48.

Trích Nhật ký chung: Căn cứ vào hoá đơn, kế toán nhập liệu, phần mềm sẽ tự xử lý số liệu và lên sổ Nhật ký chung. (Trình bày ở phụ lục 07)

Trích sổ Cái TK 632

Căn cứ vào phiếu xuất kho, hoá đơn bán hàng kế toán phản ánh vào phần mềm, sau đó phần mềm sẽ tự động lên sổ cái TK 632.

Bảng 2.7. Sổ Cái 632

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng
Mã số thuế : 0401925595

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :632 - Giá vốn hàng bán

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
03/01/25	PXK.1	03/01/25	Xuất kho theo HĐ : 1,03/01/2025	1561	14,981,674	
04/01/25	PXK.4	04/01/25	Xuất kho theo HĐ : 4,04/01/2025	1561	51,699,365	
…	…	..	…	….	…	….
28/02/25	PXK.12	28/02/25	Xuất kho theo HĐ : 12,28/02/2025	1561	4,635,490	
28/02/25	KC.03	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911		216,067,536
…	…	..	…	….	…	…
30/05/25	PXK.47	30/05/25	Xuất kho theo HĐ : 47,30/05/2025	1561	133,913,090	
31/05/25	KC.03	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911		417,242,382
06/06/25	PXK.48	06/06/25	Xuất kho theo HĐ : 48,06/06/2025	1561	178,540,084	
…	…	..	…	….	…	…
30/12/25	PXK.160	30/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 160,30/12/25	1561	25,766,193	
31/12/25	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911		995,826,759
			CỘNG PHÁT SINH		**5,027,988,546**	**5,027,988,546**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		**5,027,988,546**	**5,027,988,546**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập | Kế toán trưởng | Giám đốc

Trích sổ chi tiết TK 632 Căn cứ vào phiếu xuất kho, hoá đơn bán hàng phản ánh vào phần mềm, sau đó phần mềm tự động lên sổ chi tiết 632

Bảng 2.8. Sổ chi tiết TK 632

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng
Mã số thuế : 0401925595

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 632-Giá vốn hàng bán

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
03/01/25	PXK.1	03/01/25	Xuất kho theo HĐ : 1,03/01/2025	1561	14,981,674	
04/01/25	PXK.4	04/01/25	Xuất kho theo HĐ : 4,04/01/2025	1561	51,699,365	
…	…	…	…	…	…	…
28/02/25	PXK.12	28/02/25	Xuất kho theo HĐ : 12,28/02/2025	1561	4,635,490	
28/02/25	KC.03	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911		216,067,536
…	…	…	…	…	…	…
30/05/25	PXK.47	30/05/25	Xuất kho theo HĐ : 47,30/05/2025	1561	133,913,090	
31/05/25	KC.03	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911		417,242,382
06/06/25	PXK.48	06/06/25	Xuất kho theo HĐ : 48,06/06/2025	1561	178,540,084	
…	…	…	…	…	…	…
18/07/25	PXK.62	18/07/25	Xuất kho theo HĐ : 62,18/07/2025	1561	23,261,076	
18/07/25	PXK.63	18/07/25	Xuất kho theo HĐ : 63,18/07/2025	1561	3,021,497	
…	…	…	…	…	…	…
31/12/25	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911		995,826,759
			Cộng phát sinh		**5,027,988,546**	**5,027,988,546**
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập | Kế toán trưởng | Giám đốc

2.2.2.2 Kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí đi vay, khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá, chiết khấu thanh toán... Trong năm 2025, công ty phát sinh chi phí trả lãi vay.

❖ **Chứng từ sử dụng**

– Sao kê ngân hàng.

– Hoá đơn GTGT,…

❖ **Sổ sách sử dụng**

– Sổ chi tiết TK 6354: "Chi trả tiền lãi vay".

– Sổ chi tiết TK 6351: "Chi phí về hoạt động góp vốn kinh doanh".

– Sổ chi tiết TK 6352: "Chi về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán".

– Sổ chi tiết TK 6353: "Chi về cho thuê tài sản".

– Sổ chi tiết TK 6355: "Chiết khấu thanh toán".

– Sổ chi tiết TK 6358: "Chi do các hoạt động đầu tư khác".

Trong năm 2025, công ty chỉ sử dụng tài khoản chung 635

– Sổ nhật ký chung.

– Sổ cái TK 635.

Nghiệp vụ số 1: Trả lãi vay từ tài khoản ngân hàng MBBank

Ngày 25/10/2025, Công ty Cổ phần nguyên liệu Gỗ miền Trung trả lãi vay ngân hàng MBBank số tiền 23.227 đồng.

Kế toán dựa vào sao kê ngân hàng để hạch toán vào phần mềm.

STT	NGÀY GIAO DỊCH	NGÀY HẠCH TOÁN	PHÁT SINH NỢ	PHÁT SINH CÓ	SỐ DƯ	ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/ĐƠN VỊ CHUYỂN	NỘI DUNG	BÚT TOÁN
4	26/11/2025 01:14:03	25/11/2025	15,436	0	13,017		THU LAI KHOAN VAY THAU CHI	4501889318841-20251125
5	16/11/2025 03:18:53	15/11/2025	0	1,267	28,453		Tra lai tien gui, so TK: 6449996868-20251115	6449996868-20251115
6	10/11/2025 12:10:58	10/11/2025	30,700,000	0	27,186	NGUYEN THANH LONG	rut tien - Ma giao dich/ Trace 0014 28	FT25314055837979
7	06/11/2025 09:44:30	06/11/2025	4,550,000	0	30,727,186	CONG TY CO PHAN MISA	CONG TY CO PHAN NGUYEN LIEU GO MIEN TRUNG - Ma giao dich/ Trace 780057	FT25310363102347
8	28/10/2025 12:29:49	28/10/2025	0	20,000,023	35,277,186	CTTNHHTM VA DICH VU NGUYEN ANH KHOI	Chuyen khoan 020097040710281229492025100176404 3	FT25301309131194
9	28/10/2025 10:42:41	28/10/2025	0	15,000,390	15,277,163	CONG TY TNHH TMDV VA XAY DUNG WINNA HOME	Thanh toan tien hang	FT25301295020828
10	26/10/2025 01:22:15	25/10/2025	23,227	0	276,773		THU LAI KHOAN VAY THAU CHI	4501889318841-20251025
11	24/10/2025 16:16:07	24/10/2025	10,000,000	0	300,000	CONG TY CO PHAN NGUYEN LIEU GO MIEN TRUNG	thanh toan tktc	FT25297014512620

Hình 2.16. Sao kê ngân hàng Mbbank

:

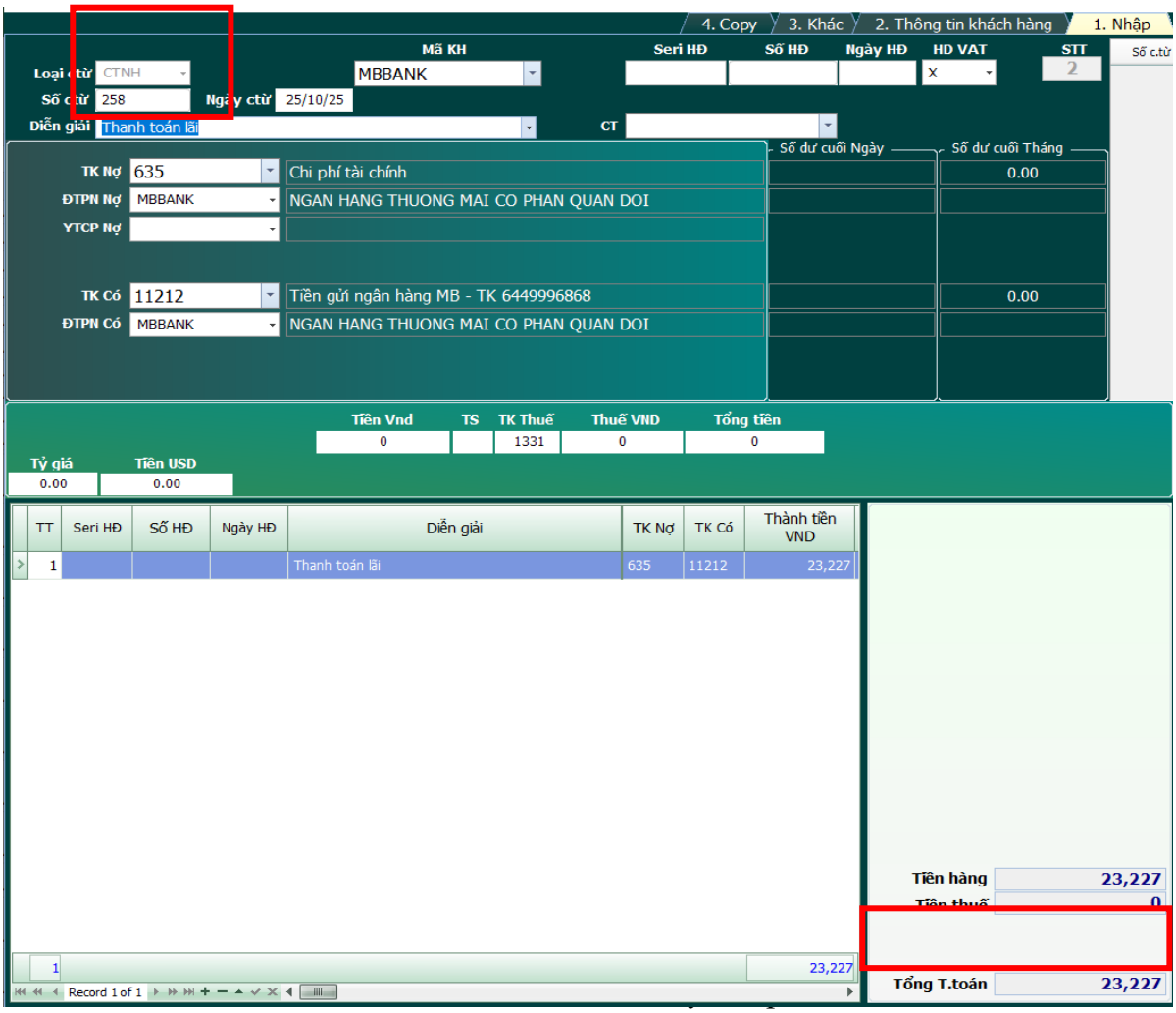

Sau khi bút toán được thực hiện vào phần mềm, dữ liệu về nghiệp vụ sẽ xuất hiện sổ nhật kí chung (Phụ lục 07), sổ cái TK 635 và sổ chi tiết TK 635 cụ thể như sau :

Trích sổ cái TK 635:

Bảng 2.9. Sổ cái TK 635

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng
Mã số thuế : 0401925595

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI
Mã hiệu :635 - Chi phí tài chính
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
25/10/25	CTNH.251	25/10/25	Thanh toán lãi vay thấu chi	11212	23.227	
31/10/25	KC.04	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635	911		23.227
25/11/25	CTNH.252	25/11/25	Thanh toán lãi vay thấu chi	11212	15.436	
30/11/25	KC.04	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635	911		15.436
			CỘNG PHÁT SINH		**38.663**	**38.663**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		**38.663**	**38.663**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập | Kế toán trưởng | Giám đốc

Trích sổ chi tiết tài khoản 635:

Bảng 2.10. Sổ chi tiết TK 635

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng
Mã số thuế : 0401925595

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Mã hiệu : 635-Chi phí tài chính
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
25/10/25	CTNH.251	25/10/25	Thanh toán lãi vay thấu chi	11212	23.227	
31/10/25	KC.04	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635	911		23.227
25/11/25	CTNH.252	25/11/25	Thanh toán lãi vay thấu chi	11212	15.436	
30/11/25	KC.04	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635	911		15.436
			Cộng phát sinh		**38.663**	**38.663**
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập | Kế toán trưởng | Giám đốc

2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Năm 2025, công ty phát sinh chi phí quản lý doanh nghiệp và quản lý bán hàng.

❖ **Chi phí bán hàng bao gồm:** Chi phí nhân viên bán hàng: tiền lương nhân viên bán hàng.

❖ **Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:**

– Chi phí vật liệu quản lý: văn phòng phẩm.

– Chi phí dịch vụ mua ngoài: xăng dầu, phí chuyển khoản, cước internet, tiền ăn uống tiếp khách, tiền điện nước

– Thuế môn bài, phí dịch vụ kê khai thuế

– Chi phí phân bổ CCCD sử dụng trong DN: chuột, máy tính xách tay, chữ kí số, phần mềm quản lí tài chính kế toán,….

❖ **Tài khoản sử dụng: Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh.**

Tài khoản cấp 2 là:

– Tài khoản 6421: Chi phí bán hàng.

– Tài khoản 6422: Chi phí quản lý kinh doanh.

❖ **Chứng từ sử dụng**

– Hoá đơn giá trị gia tăng.

– Bảng phân bổ công cụ dụng cụ.

– Phiếu chi.

– Bảng thanh toán tiền lương.

– Sổ phụ ngân hàng.

❖ **Sổ sách sử dụng**

– Sổ chi tiết TK 6421.

– Sổ chi tiết TK 6422.

– Sổ nhật ký chung.

– Sổ cái TK 642.

a.Đối với chi phí bán hàng

Nghiệp vụ số 1: Chi phí tính lương bộ phận bán hàng.

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Địa chỉ: Số 281 Trường Chinh - Phường An Khê - Quận Thanh Khê - Đà Nẵng
MST: 0401925595

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 3 năm 2025

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày Công thực tế	Mức lương/ngày công	Phụ Cấp				Tổng Phụ cấp	Thu nhập bổ	Tổng thu nhập	Tổng thu nhập Thực Tế	Tổng thu nhập chịu thuế TNCN	Các khoản trừ vào lương			Thực lĩnh	Ký nhận
					Ăn Trưa	Điện Thoại	Xăng Xe	Hỗ trợ nhà ở		Thưởng				Thuế TNCN	Tạm Ứng	Tổng Cộng		
A	**Bộ phận bán hàng**																	
01	Nguyễn Thanh Long	Nhân viên kinh doanh	26	5,200,000	700,000	900,000	500,000	1,000,000	3,100,000		8,300,000	8,300,000	6,700,000		-	-	8,300,000	
02	Đinh Đức Vũ	Nhân viên	26	5,000,000	700,000	900,000	500,000	1,000,000	3,100,000		8,100,000	8,100,000	6,500,000				8,100,000	
03	Nguyễn Hưng Quý	Nhân viên	26	5,000,000	700,000	900,000	500,000	1,000,000	3,100,000		8,100,000	8,100,000	6,500,000				8,100,000	
	Tổng A + B		**78**	**15,200,000**	**2,100,000**	**2,700,000**	**1,500,000**	**3,000,000**	**9,300,000**	**-**	**24,500,000**	**24,500,000**	**19,700,000**	**-**	**-**	**-**	**24,500,000**	

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám Đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
		Nguyễn Thanh Long

Hình 2.18. Bảng thanh toán lương tháng 03/2025

Kế toán căn cứ bảng tính lương tháng 3, bộ phận nhân viên bán hàng đưa vào TK 6421 hạch toán trên phần mềm như sau:

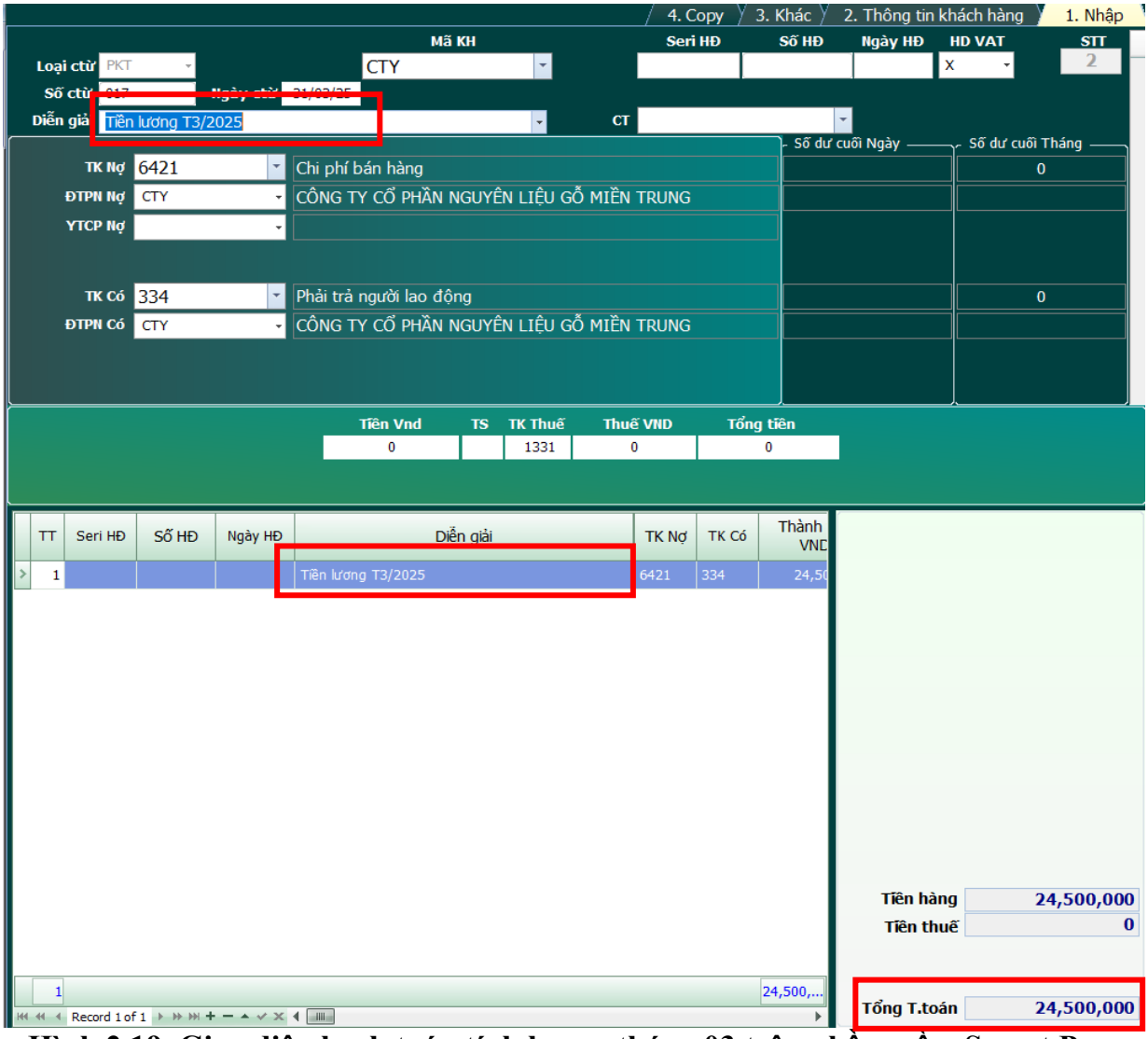

Hình 2.19. Giao diện hạch toán tính lương tháng 03 trên phần mềm Smart Pro

Sau khi bút toán được thực hiện vào phần mềm, dữ liệu về nghiệp vụ sẽ xuất hiện sổ nhật kí chung (Phụ lục 07), sổ cái TK 642 (Bảng 2.12) và sổ chi tiết TK 6421 cụ thể như sau:

Sổ chi tiết tài khoản 6421:

Bảng 2.11. Sổ chi tiết TK 6421

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng
Mã số thuế : 0401925595

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 6421-Chi phí bán hàng

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/01/25	PKT.004	31/01/25	Lương T1	334	30,278,000	
31/01/25	KC.04	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911		30,278,000
28/02/25	PKT.005	28/02/25	Lương T2	334	21,672,000	
28/02/25	KC.04	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911		21,672,000
31/03/25	PKT.006	31/03/25	Lương T3	334	24,500,000	
31/03/25	KC.04	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911		24,500,000
…..	….	…	…	…	…	…
30/11/25	PKT.014	30/11/25	Lương T11	334	23,557,000	
30/11/25	KC.05	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911		23,557,000
31/12/25	PKT.015	31/12/25	Lương T12	334	27,843,000	
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911		27,843,000
			Cộng phát sinh		**300,766,000**	**300,766,000**
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đoàn Quang Hiếu		Nguyễn Thanh Long

b. Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp

Nghiệp vụ số 1: Chi phí thuế, phí phải nộp

Ngày 01/01/2025, công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ Miền Trung đóng lệ phí môn bài 2.000.000 bằng tiền gửi ngân hàng.

Sau khi xác định mức lệ phí phải nộp, kế toán tiến hành lập giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước thông qua hệ thống thuế điện tử. Sau khi hoàn tất việc nộp tiền, kế toán nhận được chứng từ nộp lệ phí môn bài từ ngân hàng hoặc giấy nộp tiền điện tử thành công

Mẫu số C1- 02/NS
(ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính)
Mã hiệu: .....
Số: OW2501166705980

Không ghi vào khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Tiền mặt [ ] Chuyển khoản [X]
Loại tiền: VND [X] USD [ ] Khác:....
(Đánh dấu X vào ô tương ứng)

Số tham chiếu: 11220250290683065

Người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG Mã số thuế: 0401925595
Địa chỉ: Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hoà Minh
Quận/Huyện: Quận Liên Chiểu Tỉnh, TP: Đà Nẵng
Người nộp thay: Mã số thuế:
Địa chỉ:
Quận/Huyện: Tỉnh, TP:
Đề nghị NH (KBNN): Ngân hàng TMCP Sài gòn Thương Tín trích TK số: 040074181688
hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:
Nộp vào cho NSNN [X] TK tạm thu [ ] TK thu hồi hoàn thuế GTGT [ ]
Vào tài Khoản của KBNN: KBNN Liên Chiểu - Đà nẵng Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng
Mở tại NHTM ủy nhiệm thu: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng
Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:
Kiểm toán nhà nước [ ] Thanh tra tài chính [ ]
Thanh tra Chính phủ [ ] Cơ quan có thẩm quyền khác [ ]
Tại cơ quan quản lý thu: Quận Liên Chiểu- Chi cục Thuế khu vực Thanh Khê- Liên Chiểu Mã CQ thu: 1054324

Phần dành cho NNT ghi khi nộp tiền vào NSNN						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định / Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã tiểu Mục
1	3100026353070001	00/CN/2023	Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí) ;		794	754	4918
2	0405431180120001	00/CN/2025	Lệ phí môn bài mức (bậc) 2 ;		2.000.000	754	2863
			Tổng tiền		2.000.794		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Hai triệu bảy trăm chín mươi bốn đồng

Hình 2.20. Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước

8	FT25016MZ9WH	16-01-2025 12:46:21	16-01-2025	NTDT+KB:0166-KBNN Lien Chieu - Da nang+NgayNT:16012025+MST:0401925595+DBHC:490HH+TKNS:7111+CQT:10543 24+LThue:01 (C:754-TM:2863-KT:00/CN/2025-ST:2 000000-GChu:) (C:754-TM:4918-KT:00/CN/2023-ST:7 94-GChu:)	2.000.794		384.647.135

Hình 2.21. Sao kê ngân hàng

Căn cứ vào 2 chứng từ này, kế toán tiến hành ghi nhận chi phí lệ phí môn bài vào phần mềm kế toán Smart Pro như sau:

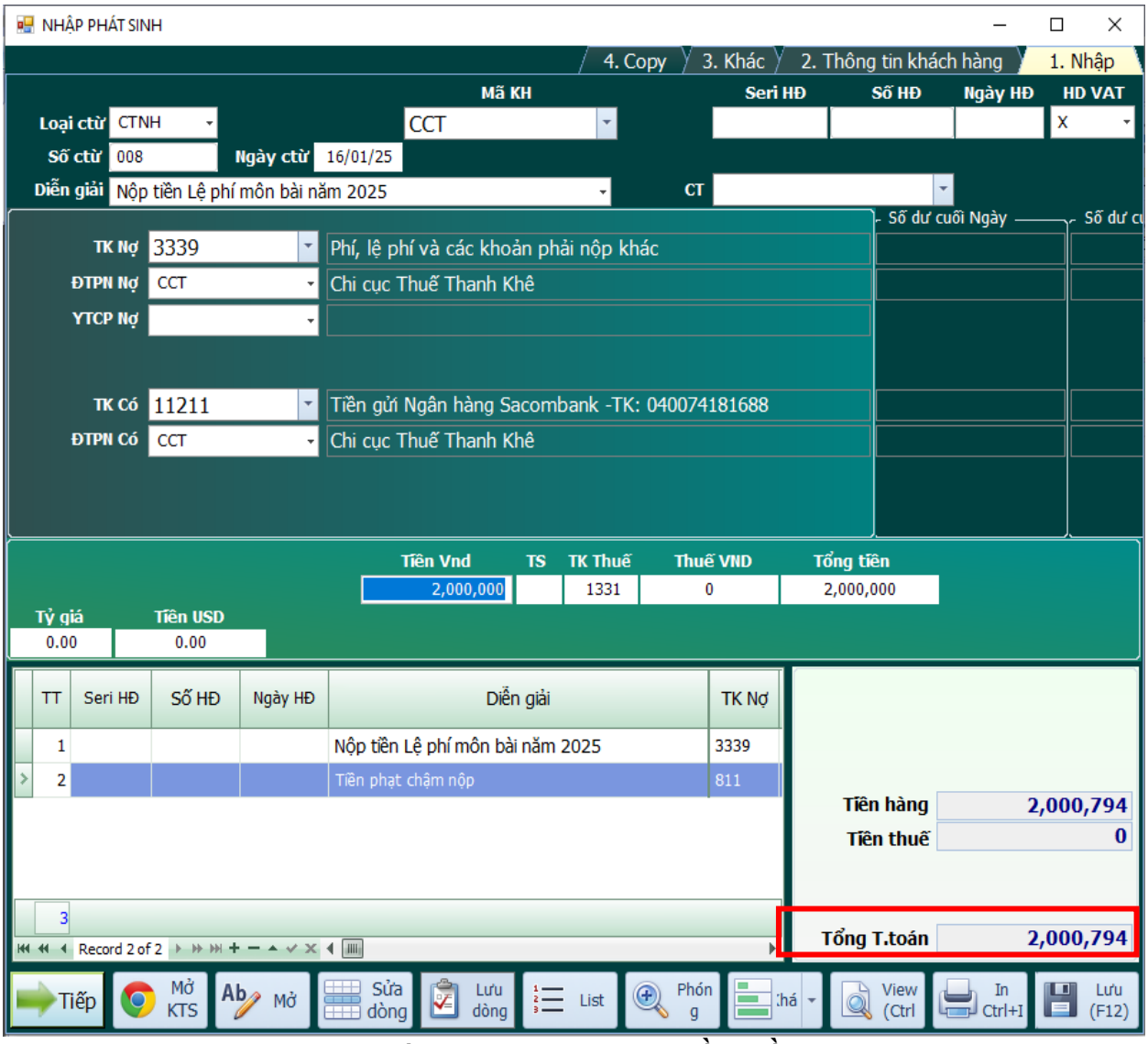

Hình 2.22. Giao diện hạch toán trong phần mềm Smart Pro

Nghiệp vụ số 2: Chi phí dịch vụ mua ngoài

Ngày 03/07/2025, công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ miền Trung thanh toán tiền mặt dịch vụ tư vấn và làm thủ tục về thuế Q2/2025 theo HĐ 25. Số tiền chưa bao gồm VAT là 4.500.000 đồng, thuế GTGT 8%.

Mẫu số 1
Ký hiệu: C25TDG
Số: 25

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 03 tháng 07 năm 2025

MCCQT: 0009F64AEE9B824E758127E856550446A7

Tên người bán: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP ĐOÀN GIA
Mã số thuế: 0402186467
Mã cửa hàng:
Tên cửa hàng:
Địa chỉ: Lô số 3, khu B2M7 - khu đô thị Thuỷ Tú, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: 0908806712
Số tài khoản: 6463999999- Ngân hàng TMCP Quân Đội- CN Bắc Đà Nẵng

Tên người mua: CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Họ tên người mua hàng:
Mã số thuế: 0401925595
Mã ĐVCQHVNSNN:
CCCD người mua:
Số hộ chiếu:
Địa chỉ: Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng
Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản
Số tài khoản:
Đơn vị tiền tệ: VND
Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Dịch vụ tư vấn v à làm thủ tục về t huế Q2/2025	Quý	1	4.500.000		8%	4.500.000

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	4.500.000	360.000

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	4.500.000
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	360.000
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	
Tổng tiền thanh toán bằng số	4.860.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng

Hình 2.23. Hóa đơn GTGT 25 ngày 03/07/2025

Kế toán tiến hành hạch toán vào phần mềm như sau:

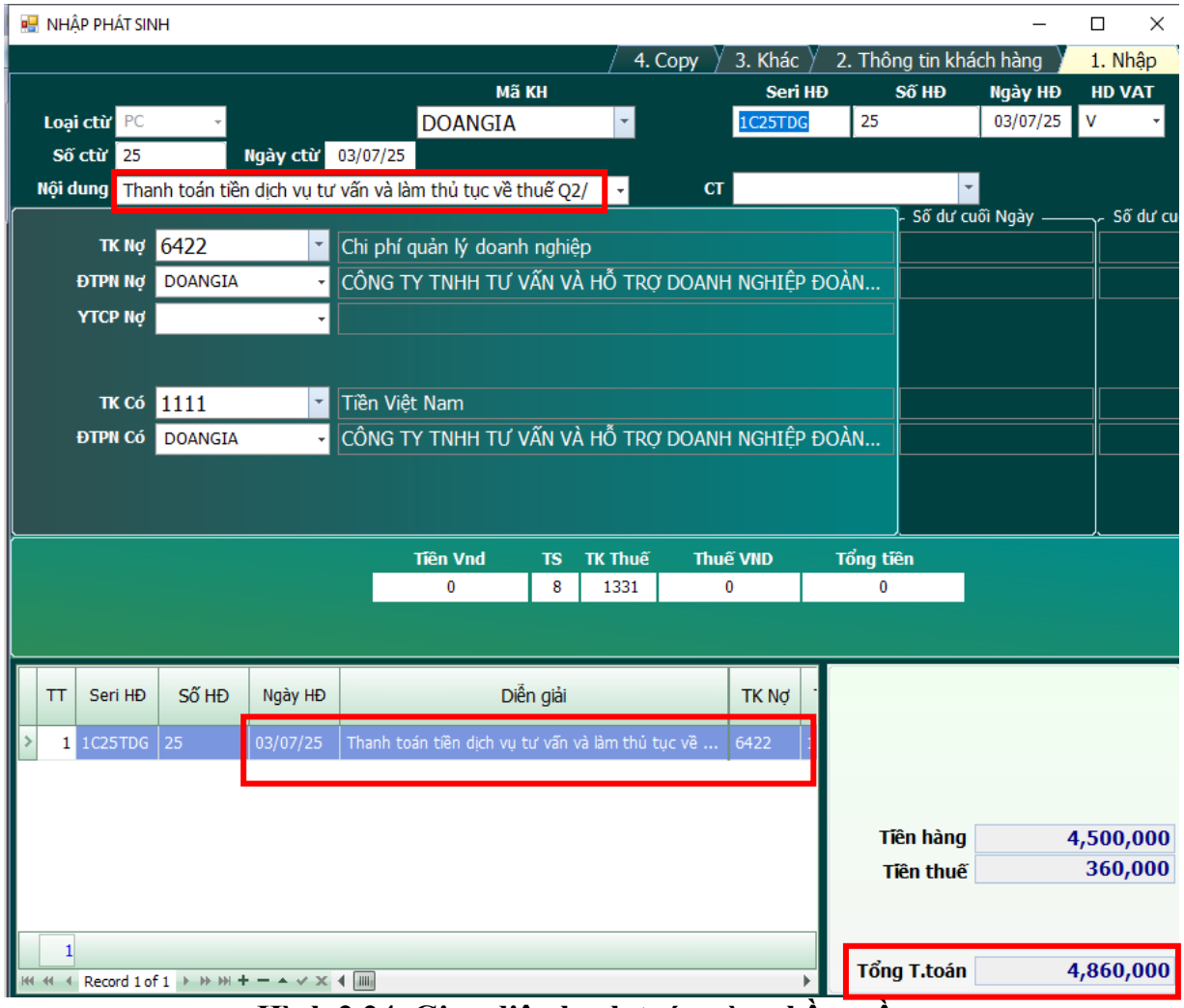

Hình 2.24. Giao diện hạch toán vào phần mềm

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG

Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng

MST : 0401925595

Mẫu số : 02-TT

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI

Ngày 3 tháng 7 năm 2025

Số : **25**

Nợ : 6422

Có : 1111

Người nhận tiền : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP ĐOÀN GIA

Địa chỉ : Lô số 3, khu B2M7 - khu đô thị Thuỷ Tú, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Lý do chi : Thanh toán tiền Dịch vụ tư vấn và làm thủ tục về thuế Q2/2025

Số tiền : **4,860,000**

Số tiền viết bằng chữ : Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng

Kèm theo HĐ : 25 Ngày : 03/07/2025

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Hình 2.25. Phiếu chi cho hóa đơn số 25 ở phần mềm

Nghiệp vụ số 3: Phí ngân hàng

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ miền Trung thực hiện chuyển khoản thanh toán cho nhà cung cấp số tiền là 98.560.368 VNĐ qua ngân hàng. Ngân hàng thu phí chuyển khoản là 14.300 VNĐ (đã bao gồm VAT).

39	FT25212Q3ZVG	31-07-2025 07:58:09	31-07-2025	MBVCB.10373520418.5212 BFTVG2YAFWZ P.NGUYEN THANH LONG nop tien.CT tu 0251002675988 NGUYEN THANH LONG toi 040074181688 CTY CP NGUYEN LIEU GO MIEN TRUNG tai SACOMBANK CKN 014827 - NGUYEN THANH LONG - Ngan hang TMCP Ngoai thuong Viet Nam		200.000.000	214.997.820
40	FT25212XDFXD	31-07-2025 08:04:18	31-07-2025	PHI MB - CK NHANH NGOAI HE THONG NH	14.300		214.983.520
41	FT25212XDFXD	31-07-2025 08:04:18	31-07-2025	Thanh toan go CKN 288857	98.560.368		116.423.152
42	FT25212GCY47	31-07-2025 16:46:47	31-07-2025	MBVCB.10379089256.5212 BFTVG2YB4L9 V.NGUYEN THANH LONG nop tien.CT tu 0251002675988 NGUYEN THANH LONG toi 040074181688 CTY CP NGUYEN LIEU GO MIEN TRUNG tai SACOMBANK CKN 683507 - NGUYEN THANH LONG - Ngan hang TMCP Ngoai thuong Viet Nam		243.000.000	359.423.152
43	FT25212HVP2Z	31-07-2025 17:08:16	31-07-2025	PHI MB - CK NHANH NHAN TK	16.998		359.406.154
44	FT25212HVP2Z	31-07-2025 17:08:16	31-07-2025	Thanh toan go CKN 547281	359.365.248		40.906
45	040074181688-20250731	31-07-2025 22:10:30	31-07-2025	CHI LAI TK TIEN GUI 040074181688		3.252	44.158
46	FT25220LQXLB	08-08-2025 15:55:33	08-08-2025	MBVCB.10472623899.5220 BFTVG2Y9AAG G.NGUYEN THANH LONG nop tien.CT tu 0251002675988 NGUYEN THANH LONG toi 040074181688 CTY CP NGUYEN LIEU GO MIEN TRUNG tai SACOMBANK CKN 711365 - NGUYEN THANH LONG - Ngan hang TMCP Ngoai thuong Viet Nam		2.000.000	2.044.158
47	FT25220JV112	08-08-2025 15:58:46	08-08-2025	PHI MB - CK NHANH NGOAI HE THONG NH	14.300		2.029.858
48	FT25220JV112	08-08-2025 15:58:46	08-08-2025	Coc don go CKN 133050	2.000.000		29.858
49	FT252234NJLN	11-08-2025 08:23:34	11-08-2025	MBVCB.10505370285.5223 BFTVG2Y6S4Z I.NGUYEN THANH LONG nop tien.CT tu 0251002675988 NGUYEN THANH LONG toi 040074181688 CTY CP NGUYEN LIEU GO MIEN TRUNG tai SACOMBANK CKN 689446 - NGUYEN THANH LONG - Ngan hang TMCP Ngoai thuong Viet Nam		161.200.000	161.229.858

Hình 2.26. Sao kê ngân hàng năm 2025 của Sacombank

(Về quy trình hạch toán vào phần mềm tương tự với những nghiệp vụ em nêu trên. Em xin phép không nhắc lại)

Nghiệp vụ số 4: Chi phí phân bổ khấu hao CCDC

Ngày 06/11/2023, công ty Cổ phần nguyên liệu Gỗ miền Trung mua mua bộ

giải pháp phần mềm quản lí Tài chính kế toán doanh nghiệp Misa nhằm phục vụ cho hoạt động quản lý doanh nghiệp. Kế toán đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp, thời gian phân bổ cho công cụ dụng cụ này là 12 tháng. Năm 2025 thì công cụ dụng cụ này vẫn còn đang khấu hao

Khi phát sinh nghiệp vụ mua thiết bị công cụ, dụng cụ sử dụng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp, kế toán tiến hành hạch toán nghiệp vụ mua đồng thời thực hiện phân bổ chi phí trả trước trên phần mềm. Kế toán tiến hành đăng ký công cụ dụng cụ vào phần mềm ở mục Thêm chi phí chờ phân bổ khi Nhập phát sinh, nhập đầy đủ thông tin khai báo đăng ký công cụ, dụng cụ.

Sau khi hoàn tất việc tính khấu hao, phần mềm xuất hiện như sau:

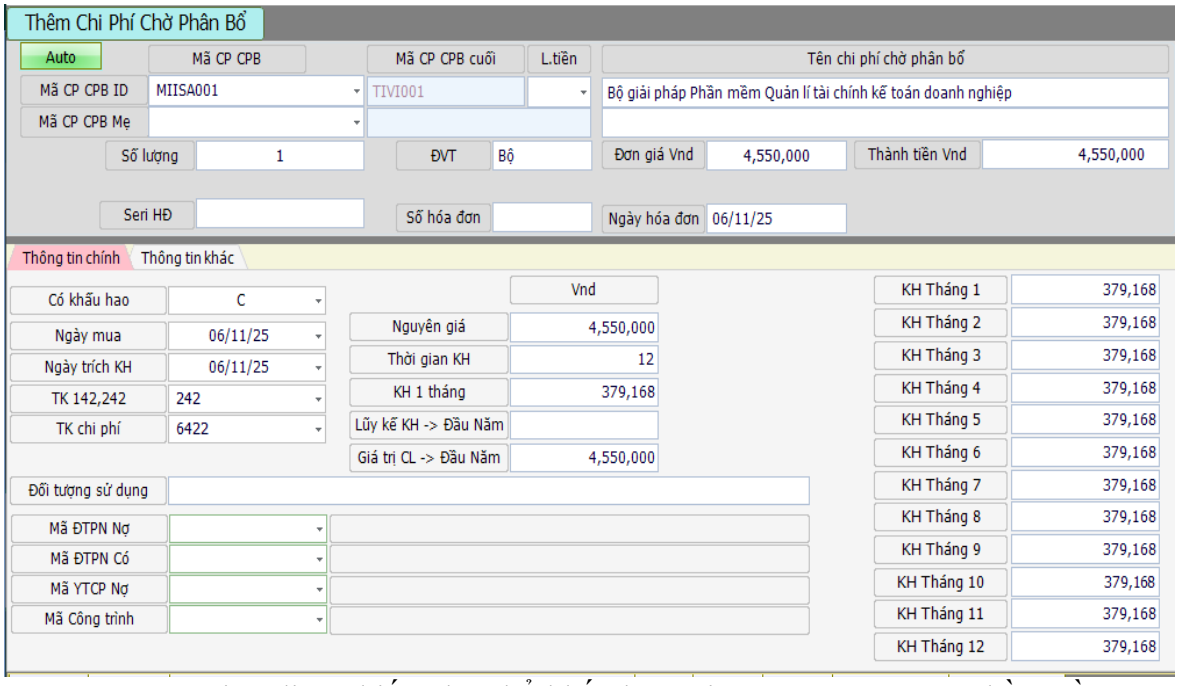

Hình 2.27. Giao diện phiếu phân bổ khấu hao tài sản, công cụ trên phần mềm

Kế toán vào phần mềm Smart Pro chọn —> phần hành **Tài sản cố định** —> chọn **In bảng Chi phí chờ phân bổ**

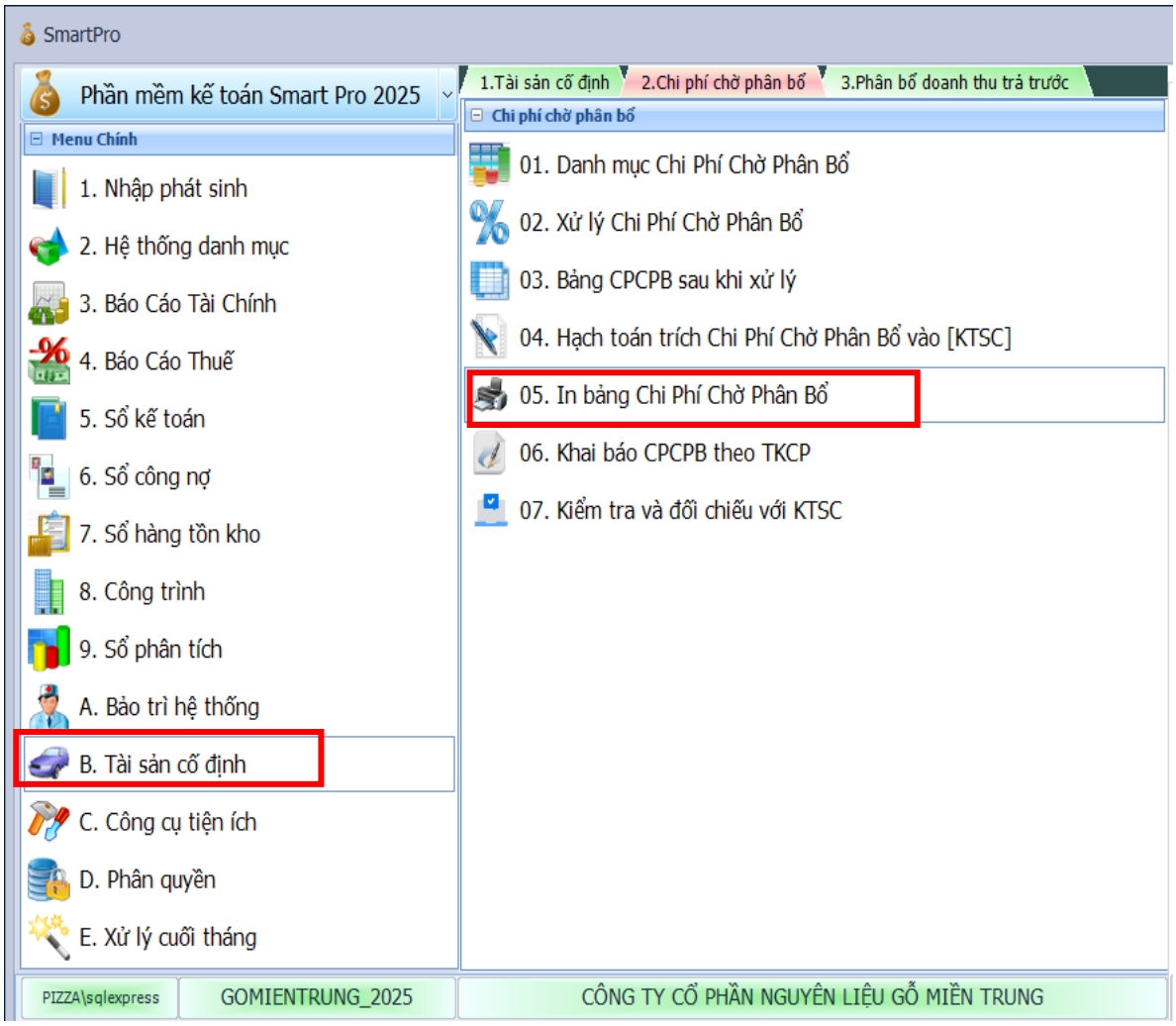

Hình 2.28. Giao diện trích chi phí chờ phân bổ

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Địa chỉ : Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng
Mã số thuế : 0401925595

BẢNG TRÍCH CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỔ 12 THÁNG

Năm : 2025

Mã TS	Tên tài sản	Có KH	TK CP	TK TS	Ngày mua	Đầu năm Nguyên giá	Đầu năm Giá trị còn lại	Đầu năm Lũy kế khấu hao	Khấu hao 1 Tháng	Khấu hao trong năm này T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Tổng khấu hao cả năm	Cuối năm Lũy kế khấu hao	Cuối năm Nguyên giá	Cuối năm Giá trị còn lại
CHUOTMT001	Chuột máy tính RAPOO M219 Silent Black _12396	C	6422	242	27/05/24	145,455	60,608	84,847	12,121	12,121	12,121	12,121	12,121	12,124								60,608	145,455	145,455	
FASTCA001	Chữ ký số FastCA dành cho TC/DN - Gói 3 năm - Gia hạn	C	6422	242	24/03/25	2,650,000	2,650,000		73,611			73,611	73,611	73,611	73,611	73,611	73,611	73,611	73,611	73,611	73,611	736,110	736,110	2,650,000	1,913,890
LAPTOP001	Máy tính xách tay Asus X1404ZA--	C	6422	242	27/05/24	7,263,636	5,851,260	1,412,376	201,768	201,768	201,768	201,768	201,768	201,768	201,768	201,768	201,768	201,768	201,768	201,768	201,768	2,421,216	3,833,592	7,263,636	3,430,044
MISA001	**Bộ giải pháp Phần mềm Quản lý Tài chính kế toán doanh nghiệp - Gói Standard năm đầu tiên**	**C**	**6422**	**242**	**06/11/25**	**4,550,000**	**4,550,000**		**379,167**											**379,167**	**379,167**	**758,334**	**758,334**	**4,550,000**	**3,791,666**
TIVI001	Ti vi LG 50UP7720PTC.ATV+ giá treo	C	6422	242	15/05/24	7,480,909	6,026,288	1,454,621	207,803	207,803	207,803	207,803	207,803	207,803	207,803	207,803	207,803	207,803	207,803	207,803	207,803	2,493,636	3,948,257	7,480,909	3,532,652
					228,012	**22,090,000**	**19,138,156**	**2,951,844**	**874,470**	**421,692**	**421,692**	**495,303**	**495,303**	**495,306**	**483,182**	**483,182**	**483,182**	**483,182**	**483,182**	**862,349**		**6,469,904**	**9,421,748**	**22,090,000**	**12,668,252**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập | Kế toán trưởng | Giám đốc

Hình 2.29. Bảng trích chi phí chờ phân bổ

Sau khi bút toán được thực hiện vào phần mềm, dữ liệu về nghiệp vụ sẽ xuất hiện sổ nhật kí chung (Phụ lục 07), sổ cái TK 642 và sổ chi tiết TK 6422 cụ thể như sau:

Trích sổ cái TK 642:

Bảng 2.12. Sổ cái TK 642

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng
Mã số thuế : 0401925595

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số tiền VND	
	Số	Ngày		DU	Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
01/01/25	PKT.002	01/01/25	Lệ phí môn bài năm 2025 phải nộp	3339	2,000,000	
…	…	…	….	..	…	…
27/01/25	CTNH.014	27/01/25	Phí quản lý TK tháng 01/2025	11211	44,000	
31/01/25	CPCPB.001/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Chuột máy tính RAPOO M219 Silent Black 12396 Tháng 1	242	12,121	
…	…	…	….	..	…	…
31/03/25	PKT.006	31/03/25	Lương T3	334	24,500,000	
31/03/25	KC.04	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911		24,500,000
31/03/25	KC.05	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		889,536
…	…	…	….	..	…	…
06/06/25	CTNH.082	06/06/25	Phí chuyển khoản	11211	14,300	
06/06/25	CTNH.084	06/06/25	Phí ngân hàng	11211	14,300	
…	…	…	….	..	…	…
03/07/25	PC.25	03/07/25	Thanh toán tiền Dịch vụ tư vấn và làm thủ tục về thuế Q2/2025	1111	4,500,000	
…	…	…	….	..	…	…
31/07/25	CTNH.141	31/07/25	Phí chuyển khoản	11211	14,300	
31/07/25	CTNH.144	31/07/25	Phí chuyển khoản	11211	16,998	
…	…	…	….	..	…	…
30/11/25	CPCPB.002/1	30/11/25	Hạch toán CP CPB : Máy tính xách tay Asus X1404Z i3- Tháng 11	242	201,768	
30/11/25	CPCPB.003/1	30/11/25	Hạch toán CP CPB : Bộ giải pháp Phần mềm Quản lý Tài chính kế toán doanh nghiệp - Gói Standard năm đầu tiên Tháng 11	242	379,167	
…	…	…	….	..	…	…
30/11/25	PKT.014	30/11/25	Lương T11	334	23,557,000	
…	…	…	….	..	…	…
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911		27,843,000
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		1,245,877
			CỘNG PHÁT SINH		**316,751,268**	**316,751,268**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		**316,751,268**	**316,751,268**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập | Kế toán trưởng | Giám đốc

Trích sổ chi tiết tài khoản 6422.

Bảng 2.13. Sổ chi tiết TK 6422

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng
Mã số thuế : 0401925595

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 6422-Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
01/01/25	PKT.002	01/01/25	Lệ phí môn bài năm 2025 phải nộp	3339	2,000,000	
…	…	…	…	…	…	
04/03/25	CTNH.242	04/03/25	Phí chuyển khoản	11211	59,470	
10/03/25	CTNH.030	10/03/25	Phí ngân hàng	11211	14,300	
…	…	…	…	…	…	
03/07/25	PC.25	03/07/25	Thanh toán tiền Dịch vụ tư vấn và làm thủ tục về thuế Q2/2025	1111	4,500,000	
10/07/25	CTNH.106	10/07/25	Phí chuyển khoản	11211	14,300	
14/07/25	CTNH.109	14/07/25	Phí chuyển tiền	11211	14,300	
…	…	…	…	…	…	
31/07/25	CTNH.141	31/07/25	Phí chuyển khoản	11211	14,300	
31/07/25	CTNH.144	31/07/25	Phí chuyển khoản	11211	16,998	
…	…	…	…	…	…	
30/11/25	CPCPB.003/11	30/11/25	Hạch toán CP CPB : Bộ giải pháp Phần mềm Quản lý Tài chính kế toán doanh nghiệp - Gói Standard năm đầu tiên Tháng 11	242	379,167	
30/11/25	CPCPB.004/11	30/11/25	Hạch toán CP CPB : Ti vi LG 50UP7720PTC.ATV + giá treo Tháng 11	242	207,803	
30/11/25	KC.06	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		984,449
…	…	…	…	…	…	
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		1,245,877
			Cộng phát sinh		**15,985,268**	**15,985,268**
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập | Kế toán trưởng | Giám đốc

2.2.2.4. Kế toán chi phí khác

Trong năm 2025, công ty phát sinh tài khoản 811 "Chi phí khác" một khoản chi phí khác từ điều chỉnh tiền chậm nộp thuế môn bài ngày 16/01/2025.

❖ **Chứng từ sử dụng**

– Phiếu chi.

– Giấy báo nợ

– Thông báo tiền chậm nộp của cơ quan thuế

– Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước…

❖ **Sổ sách sử dụng**

– Sổ chi tiết tài khoản 811.

– Sổ nhật ký chung.

– Sổ cái tài khoản 811.

❖ **Quy trình ghi sổ**

Doanh nghiệp nhận được giấy thông báo tiền thuế nợ từ Cục thuế thành phố Đà Nẵng khu vực Thanh Khê -Liên Chiểu ngày 21/01/2026 về số tiền nộp chậm 794 đồng.

CỤC THUẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
CHI CỤC THUẾ KHU VỰC
THANH KHÊ - LIÊN CHIỂU
Số: 4787 /TB-CCTKV-KDT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Khê, ngày 21 tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO
Tiền thuế nợ

Cơ quan thuế thông báo đến: Công Ty Cổ Phần Nguyên Liệu Gỗ Miền Trung
Mã số thuế: 0401925595
Địa chỉ nhận thông báo: Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng
Căn cứ dữ liệu tại cơ quan thuế về tình hình kê khai và nộp thuế vào ngân sách nhà nước, Công Ty Cổ Phần Nguyên Liệu Gỗ Miền Trung chưa nộp đủ số tiền thuế nợ như sau:
1. Tổng số tiền thuế nợ chưa nộp NSNN là 794 đồng. Cụ thể như sau:
- Số tiền thuế và các khoản thu khác tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: đồng;
- Số tiền chậm nộp tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 794 đồng (trong đó Tiền chậm nộp tính trên các khoản nợ chưa thanh toán là: đồng).
Trong đó số tiền thuế nợ phát sinh trong tháng 12 năm 2024 là: đồng. Cụ thể như sau:
- Số tiền thuế và các khoản thu khác phát sinh từ ngày 01 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: đồng;
- Số tiền chậm nộp phát sinh từ ngày 01 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 0 đồng (trong đó Tiền chậm nộp tính trên các khoản nợ chưa thanh toán là: đồng);
2. Số tiền quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế nợ thuế là: 794 đồng.
Đề nghị người nộp thuế nộp ngay số tiền nêu tại điểm 1 vào ngân sách nhà nước.
Nếu có vướng mắc, người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế theo địa chỉ: 273-275 Hải Phòng, Tân Chính, Thanh Khê, Đà Nẵng
Bộ phận liên hệ: Đội Quản lý nợ & Cưỡng chế nợ thuế

Hình 2.30. Thông báo từ Cục thuế về khoản tiền nộp chậm

Sau khi nhận được thông tin này, kế toán tiến hành kiểm tra số tiền phải nộp và lập giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước để thanh toán khoản chậm nộp (Hình

2.20). Sau khi doanh nghiệp hoàn tất việc nộp tiền, ngân hàng sẽ gửi giấy báo nợ (Hình 2.21).

Sau đó, kế toán hạch toán vào phần mềm Smart Pro như sau:

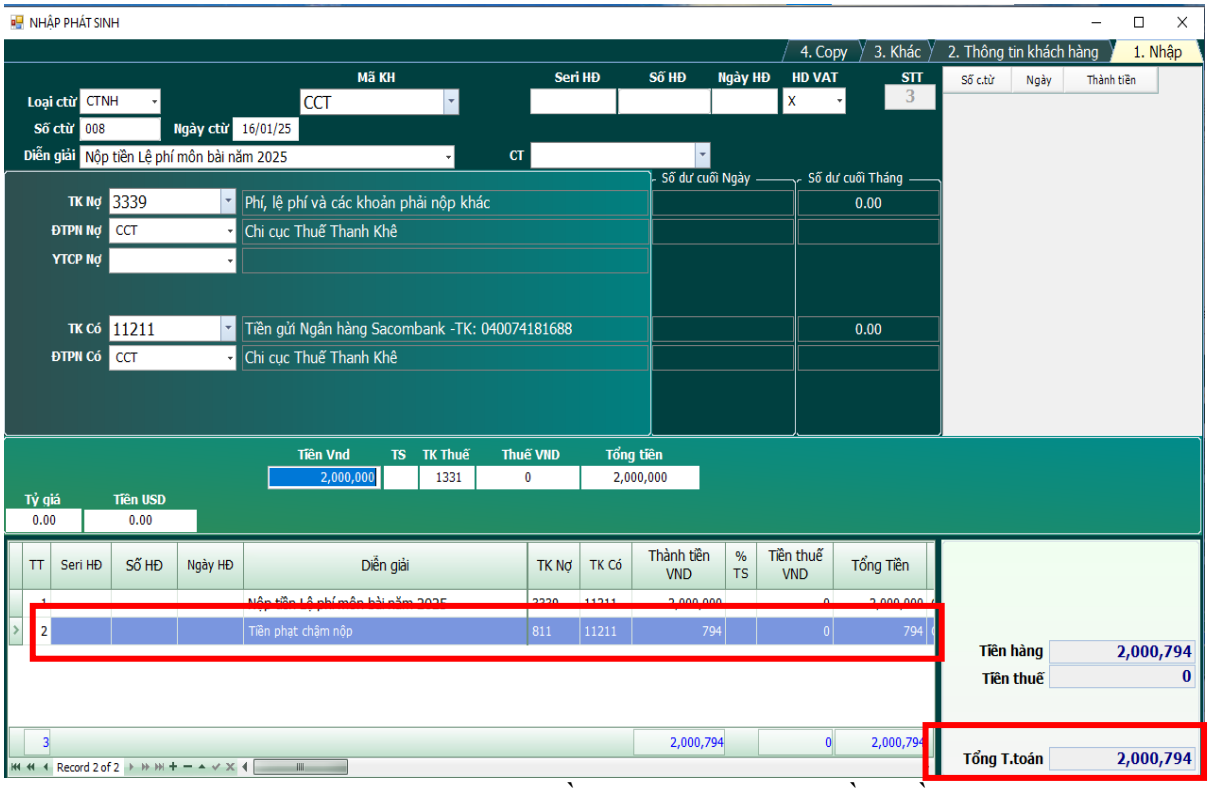

Hình 2.31. Giao diện hạch toán tiền chậm nộp trên phần mềm Smart Pro

Sau khi bút toán được thực hiện vào phần mềm, dữ liệu về nghiệp vụ sẽ xuất hiện sổ nhật kí chung (Phụ lục 07), sổ cái TK 811 và sổ chi tiết TK 811 cụ thể như sau:

Trích sổ cái TK 811: Phần mềm sẽ tự động lên sổ cái TK 811.

Bảng 2.14. Sổ chi tiết TK 811

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng
Mã số thuế : 0401925595

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI
Mã hiệu :811 - Chi phí khác
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
16/01/25	CTNH.008	16/01/25	Tiền phạt chậm nộp	11211	794	
31/01/25	KC.06	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811	911		794
			CỘNG PHÁT SINH		794	794
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		794	794

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập | Kế toán trưởng | Giám đốc

Trích sổ chi tiết:

Kế toán hạch toán vào phần mềm sẽ tự động lên sổ chi tiết TK 811

Bảng 2.15. Sổ chi tiết TK 811

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng
Mã số thuế : 0401925595

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Mã hiệu : 811-Chi phí khác
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
16/01/25	CTNH.008	16/01/25	Tiền phạt chậm nộp	11211	794	
31/01/25	KC.06	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811	911		794
			Cộng phát sinh		**794**	**794**
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập | Kế toán trưởng | Giám đốc

2.2.2.5. Kế toán chi phí thuế TNDN

Trong năm 2025, công ty kinh doanh có lãi nên xuất hiện TK 821.

❖ **Tài khoản sử dụng**: TK 821 có các tài khoản cấp 2:

TK 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

TK 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Trong thực tế tại doanh nghiệp, chủ yếu sử dụng TK 8211 để phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp phát sinh trong năm tài chính.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

– Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp
– Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
– Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước
– Giấy báo nợ
– Các chứng từ liên quan khác.

❖ **Sổ sách sử dụng**

– Sổ nhật ký chung.
– Sổ cái tài khoản 821
– Sổ chi tiết tài khoản 821.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)
(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)
[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)
[02] Lần đầu: [X] **[03]** Bổ sung lần thứ: [ ]

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G46 - Bán buôn
[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %
[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
[07] Mã số thuế: 0401925595

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):
[09] Mã số thuế:
[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
A	**Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính**	**A**	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	17.793.131
B	**Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp**	**B**	
1	**Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)**	**B1**	**794**
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	794
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	**Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)**	**B8**	**0**
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	**Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)**	**B13**	**17.793.925**
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	17.793.925
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	**Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh**		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	17.793.925

Hình 2.32. Trích phần đầu của tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp 2025

E	**Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)**	**E**	**3.024.967**
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	3.024.967
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản*	*E3*	*0*
2.2	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ*	*E4*	*0*
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	*Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ*	*E6*	*0*
G	**Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)**	**G**	**0**
1	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh***		***0***
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS***		***0***
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	**Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp**	**H**	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	3.024.967
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS (H2=E3-G4)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ (H3=E4-G5)	H3	0
I	**Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=I1+I2)**	**I**	**3.024.967**
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	I1=E1+E5-G1-G2	3.024.967
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	I2=E2-G3-G4-G5	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 02 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Hình 2.33 Trích phần cuối của tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp 2025

Tờ khai quyết toán thuế TNDN 2025 bản đầy đủ được thể hiện ở phụ lục 10 Ngoài ra bảng kê hóa đơn ở phụ lục 11 và phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 thể hiện ở phụ lục số 02

Theo số liệu trên tờ khai:

– Chỉ tiêu A1 – Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp là 17.793.131 đồng. Đây là khoản lợi nhuận được xác định trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sau khi lấy doanh thu trừ đi toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ. Điều này cho thấy doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả và phát sinh lợi nhuận dương.

– Trong quá trình xác định thu nhập chịu thuế, doanh nghiệp thực hiện điều

chỉnh tăng thu nhập chịu thuế với số tiền 794 đồng tại chỉ tiêu B4 – Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế do tiền nộp chậm thuế môn bài vào ngày 21/01/2025.

– Sau điều chỉnh, tổng thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp tại chỉ tiêu B13 là:

17.793.131+794=17.793.925

– Theo quy định mới của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng từ năm 2025, công ty có doanh thu 5.362.535.570 đồng nên áp dụng thuế suất 17% (doanh thu từ trên 3 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng).

Số thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

17.793.925×17%=3.024.967

Sau khi bút toán được thực hiện vào phần mềm, dữ liệu về nghiệp vụ sẽ xuất hiện sổ nhật kí chung (Phụ lục 07), sổ cái TK 821 và sổ chi tiết TK 821 cụ thể như sau:

Trích sổ cái TK 821: Phần mềm sẽ tự động lên sổ cái TK 821

Bảng 2.16: Sổ cái TK 821

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng
Mã số thuế : 0401925595

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
31/12/25	PKT.016	31/12/25	Chi phí Thuế TNDN năm 2025	3334	3,024,967	
31/12/25	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 821	911		3,024,967
			CỘNG PHÁT SINH		**3,024,967**	**3,024,967**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		**3,024,967**	**3,024,967**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập — Kế toán trưởng — Giám đốc

Đoàn Quang Hiếu — **Nguyễn Thanh Long**

Trích sổ chi tiết:

Kế toán hạch toán vào phần mềm sẽ tự động lên sổ chi tiết TK 811

Bảng 2.17: Sổ chi tiết 821

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng
Mã số thuế : 0401925595

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 821-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12/25	PKT.016	31/12/25	Chi phí Thuế TNDN năm 2025	3334	3,024,967	
31/12/25	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 821	911		3,024,967
			Cộng phát sinh		**3,024,967**	**3,024,967**
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đoàn Quang Hiếu		Nguyễn Thanh Long

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu gỗ miền Trung

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển tất cả các tài khoản từ tài khoản loại 5,6,7,8 sang tài khoản 911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

– Phiếu kết chuyển….

❖ **Sổ sách sử dụng:**

– Sổ chi tiết tài khoản 911.

– Sổ nhật ký chung.

– Sổ cái tài khoản 911.

❖ **Quy trình ghi sổ**

Tại doanh nghiệp, việc kết chuyển tài khoản 911 không thực hiện thủ công mà được tự động hóa trên phần mềm Smart Pro.

Cuối mỗi kỳ kế toán (tháng), kế toán sẽ: Tự động kết chuyển doanh thu và chi phí về TK 911. Các bút toán kết chuyển này được phần mềm tự động sinh ra từ dữ liệu gốc. Sau đó dữ liệu sẽ được kết xuất sang sổ cái tài khoản 911 và các sổ liên quan mà không cần nhập tay.

Kế toán thực hiện kết chuyển doanh thu, chi phí như sau:

– Trên giao diện phần mềm kế toán Smart Pro chọn —> **Xử lí cuối tháng** -> Sau đó chọn mục thứ 4 “Kết chuyển số dư tài khoản – Tự động” (Trình bày ở phụ lục 13)

– Cửa sổ tiếp theo xuất hiện bên dưới —> Kế toán điền từ tháng 1 đến tháng 12 của năm tài chính—> Chọn chấp nhận. Sau đó, màn hình hiện lên Đã thực hiện xong —> bấm Ok. (Trình bày ở phụ lục 14)

Sau khi kết chuyển xong bạn vào sổ chứng từ gốc kiểm tra thì phần mềm sẽ cho ra các dòng kết chuyển có loại chứng từ là KC.

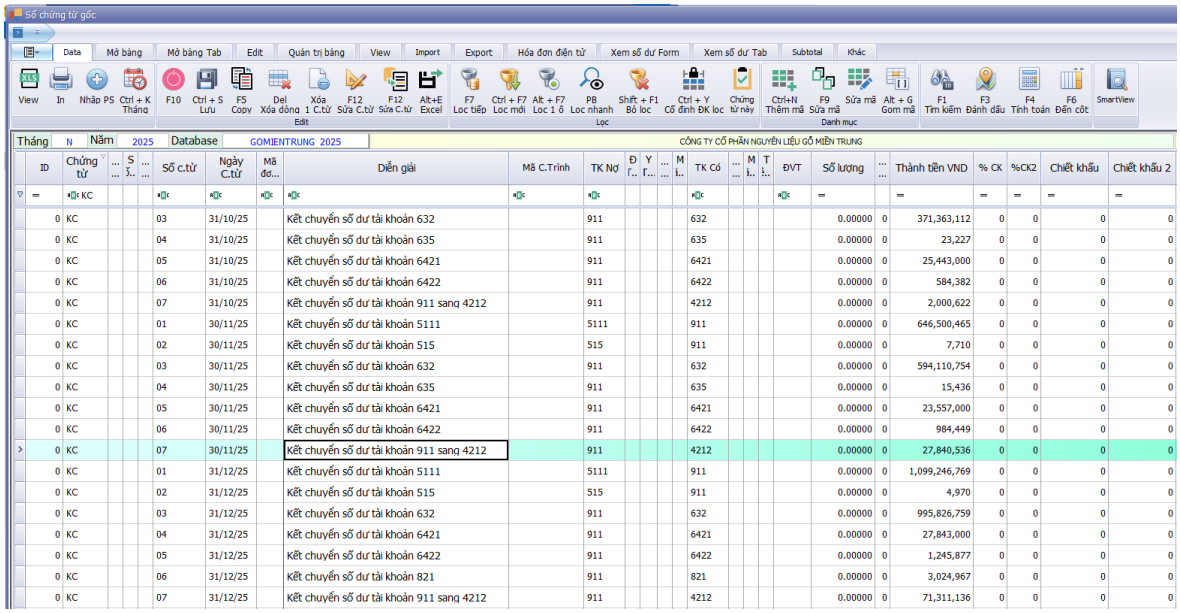

Tháng N Năm 2025 Database GOMIENTRUNG_2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG

ID	Chứng từ	Số c.từ	Ngày C.từ	Diễn giải	Mã C.Trình	TK Nợ	TK Có	ĐVT	Số lượng	Thành tiền VND	% CK	%CK2	Chiết khấu	Chiết khấu 2
0	KC	03	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632		911	632		0.00000	371,363,112	0	0	0	0
0	KC	04	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635		911	635		0.00000	23,227	0	0	0	0
0	KC	05	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421		911	6421		0.00000	25,443,000	0	0	0	0
0	KC	06	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422		911	6422		0.00000	584,382	0	0	0	0
0	KC	07	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		911	4212		0.00000	2,000,622	0	0	0	0
0	KC	01	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111		5111	911		0.00000	646,500,465	0	0	0	0
0	KC	02	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515		515	911		0.00000	7,710	0	0	0	0
0	KC	03	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632		911	632		0.00000	594,110,754	0	0	0	0
0	KC	04	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635		911	635		0.00000	15,436	0	0	0	0
0	KC	05	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421		911	6421		0.00000	23,557,000	0	0	0	0
0	KC	06	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422		911	6422		0.00000	984,449	0	0	0	0
0	KC	07	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		911	4212		0.00000	27,840,536	0	0	0	0
0	KC	01	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111		5111	911		0.00000	1,099,246,769	0	0	0	0
0	KC	02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515		515	911		0.00000	4,970	0	0	0	0
0	KC	03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632		911	632		0.00000	995,826,759	0	0	0	0
0	KC	04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421		911	6421		0.00000	27,843,000	0	0	0	0
0	KC	05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422		911	6422		0.00000	1,245,877	0	0	0	0
0	KC	06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 821		911	821		0.00000	3,024,967	0	0	0	0
0	KC	07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		911	4212		0.00000	71,311,136	0	0	0	0

Hình 2.32. Giao diện kết chuyển trên chứng từ gốc ở phần mềm Smart pro

Sau khi bút toán được thực hiện vào phần mềm, dữ liệu về nghiệp vụ sẽ xuất hiện sổ nhật kí chung (Phụ lục 07), sổ cái TK 911 và sổ chi tiết TK 911 cụ thể như sau:

Trích sổ cái TK 911

Bảng 2.18. Sổ cái TK 911

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng
Mã số thuế : 0401925595

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :911 - Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
31/01/25	KC.01	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111		115,734,766
31/01/25	KC.02	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515		310
31/01/25	KC.03	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	111,540,049	
31/01/25	KC.04	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	6421	30,278,000	
31/01/25	KC.05	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	2,790,412	
31/01/25	KC.06	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811	811	794	
31/01/25	KC.07	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212		28,874,179
…	…	…	…	..	…	…
30/11/25	KC.07	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	27,840,536	
31/12/25	KC.01	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111		1,099,246,769
31/12/25	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515		4,970
31/12/25	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	995,826,759	
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	6421	27,843,000	
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	1,245,877	
31/12/25	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 821	821	3,024,967	
31/12/25	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	71,311,136	
			CỘNG PHÁT SINH		**5,454,184,078**	**5,454,184,078**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		**5,454,184,078**	**5,454,184,078**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập | Kế toán trưởng | Giám đốc

Trích sổ chi tiết TK 911:

Bảng 2.19. Sổ chi tiết TK 911

Ngoài ra phụ lục báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 được thể

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng
Mã số thuế : 0401925595

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 911-Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/01/25	KC.01	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111		115,734,766
31/01/25	KC.02	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515		310
31/01/25	KC.03	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	111,540,049	
31/01/25	KC.04	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	6421	30,278,000	
31/01/25	KC.05	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	2,790,412	
31/01/25	KC.06	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811	811	794	
31/01/25	KC.07	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212		28,874,179
…	…	…	…	…	…	…
30/11/25	KC.07	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	27,840,536	
31/12/25	KC.01	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111		1,099,246,769
31/12/25	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515		4,970
31/12/25	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	995,826,759	
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	6421	27,843,000	
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	1,245,877	
31/12/25	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 821	821	3,024,967	
31/12/25	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	71,311,136	
			Cộng phát sinh		**5,454,184,078**	**5,454,184,078**
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đoàn Quang Hiếu		Nguyễn Thanh Long

hiện ở phụ lục 02

2.2.4. Quy trình đối chiếu doanh thu , chi phí, lợi nhuận vào cuối kì tại Công ty Cổ phần nguyên liệu Gỗ miền Trung.

a. Doanh thu bán hàng

Để đảm bảo tính chính xác, tính hợp lí của dữ liệu phần hành kế toán bán hàng, kế toán đối chiếu, kiểm tra theo quý và thực hiện theo quy trình đối chiếu như sau:

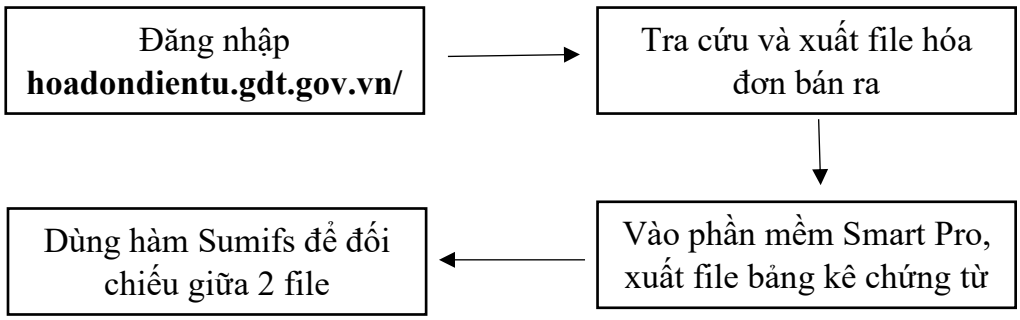

Sơ đồ 2.7. Sơ đồ quy trình đối chiếu hóa đơn của Công ty

Giả sử kế toán muốn tra cứu, đối chiếu hóa đơn cho quý 1 (từ 1/1/2025 đến 31/03/2025) quy trình cụ thể các bước được thực hiện như sau:

Bước 1: Kế toán đăng nhập vào web hoá đơn điện tử.

Đầu tiên —> Truy cập vào link **http://hoadondientu.gdt.gov.vn/,** sau đó —> **Đăng nhập tài khoản công ty.**

Bước 2: Kế toán tra cứu hoá đơn bán ra và xuất file hóa đơn bán ra để đối chiếu.

Tiếp theo, tại phần **Tra cứu** —> chọn mục **Tra cứu hoá đơn.**

Sau đó, tại mục **Tra cứu hoá đơn điện tử bán ra** —> chọn Ngày lập hoá đơn theo từng tháng 1, tháng 2, tháng 3 —> bấm **Tìm kiếm.**

Sau khi bấm tìm kiếm các hoá đơn của quý 1 xuất hiện —> chọn **Xuất hoá đơn** theo file Excel. Mở file Excel hoá đơn điện tử vừa tải xuống *(Phụ lục 11)*

Bước 3: Kế toán vào phần mềm Smart Pro, chọn xuất Excel bảng kê chứng từ đã nhập trên phần mềm.

Trên phần mềm Smart Pro, tại **Báo cáo thuế** —> chọn **Bán ra** -> chọn **Bảng kê hàng hóa dịch vụ bán ra.** Tiếp theo, tại mục chọn tháng, quý, năm tra cứu từ ngày **01/01/2025 đến ngày 31/03/2025** —>Bấm **IN.**

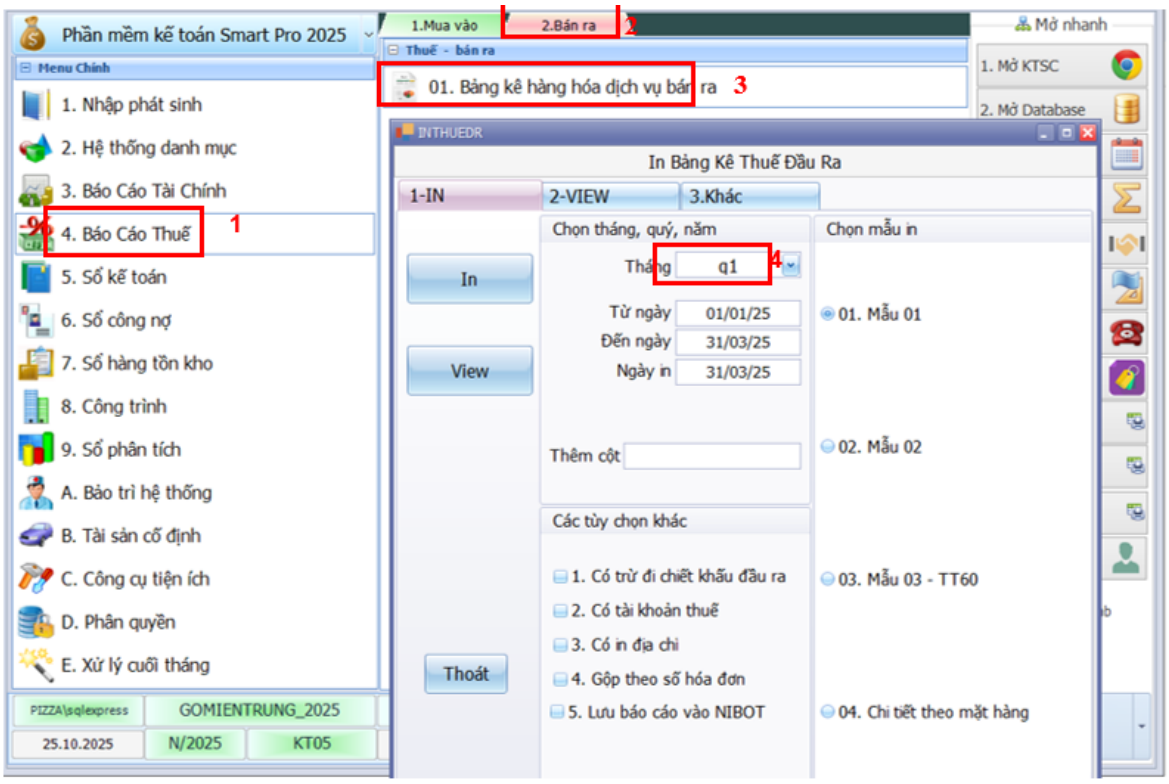

Hình 2.33. Giao diện lấy bảng kê chứng từ trên phần mềm Smart Pro

Sau đó, Xuất hiện **bảng kê chứng từ** theo tài khoản 511 (doanh thu bán hàng) —> Xuất file Excel bảng kê chứng từ trên phần mềm *(phụ lục 9)*

Sau khi tải hai file hóa đơn ở phần mềm kế toán Smart Pro và ở trang wed Hoadondientu, Kế toán sẽ có 1 file Excel hoá đơn điện tử và 1 file Excel bảng kê chứng từ —> Kế toán Sử dụng hàm **Sumifs** để đối chiếu 2 bảng số tiền doanh thu có khớp với nhau không.

Cụ thể, kế toán gộp cột ở hai sheet lại thành 1 sheet tổng hợp gồm các cột: Số hóa đơn, Số ngày, Số tiền. Trước tiên, kế toán quét chọn tất cả dòng "số tiền", "Số hóa đơn", "Số ngày" ở Sheet hoá đơn điện tử và sheet Bảng kê chứng từ —> Tiếp theo, Paste những dòng kế toán quét vào sheet mới để bắt đầu đối chiếu —> Cuối cùng dùng

SUMIFS (vùng_tổng_tiền, vùng_số_hóa_đơn, số_hóa_đơn_cần_đối_chiếu, vùng_số_ngày) —> Bấm Enter nếu hai kết quả trả về giống nhau là đúng.

Trường hợp, khi kế toán đối chiếu phát hiện lỗi sai sót số tiền ghi trên hoá đơn GTGT gốc.

Theo quy định khoản 13 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/06/2025, người bán và người mua thoả thuận với nhau để chọn phương án lập

hoá đơn điều chỉnh hoặc hoá đơn thay thế tùy theo từng trường hợp (không được hủy hóa đơn)

Bước 1: Truy cập đăng nhập vào phần mềm hóa đơn Cyberbill —> sau đó Tại mục danh sách hoá đơn chọn hoá đơn cần điều chỉnh hoặc thay thế

Bước 2: Tại mục hoá đơn đã chọn nhấn lập hoá đơn thay thế hoặc lập hóa đơn điều chỉnh —> sau đó Nhập các thông tin hoá đơn —> Chọn Nhập số biên bản thay thế/ điều chỉnh… ngày biên bản thay thế/điều chỉnh… —> điền thông tin mặt hàng, số lượng, thuế, đơn giá cần thay thế/ điều chỉnh -> Chọn Lưu để gửi cho người mua kiểm tra xem hóa đơn thay thế/ điều chỉnh đã chính xác hay chưa.

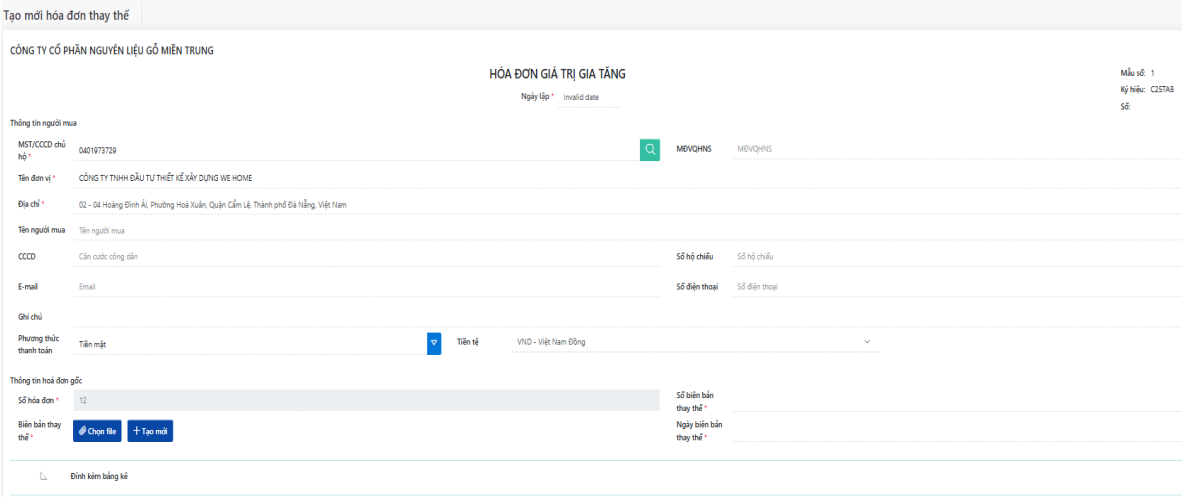

Hình 2.34. Giao diện tạo hóa đơn thay thế trên phần mềm Cyberbill

Bước 3: Tại mục xem Mở hoá đơn lưu tạm —> chọn Ký và gửi thông báo cho cơ quan Thuế.

Trường hợp, khi kế toán đối chiếu phát hiện lỗi sai sót khi hạch toán số tiền hoá đơn trên phần mềm Smart Pro.

Bước 1: Kế toán vào phần mềm Smart Pro chọn Sổ chứng từ gốc

Bước 2: Bấm F10 để sửa lại số tiền sai và lưu.

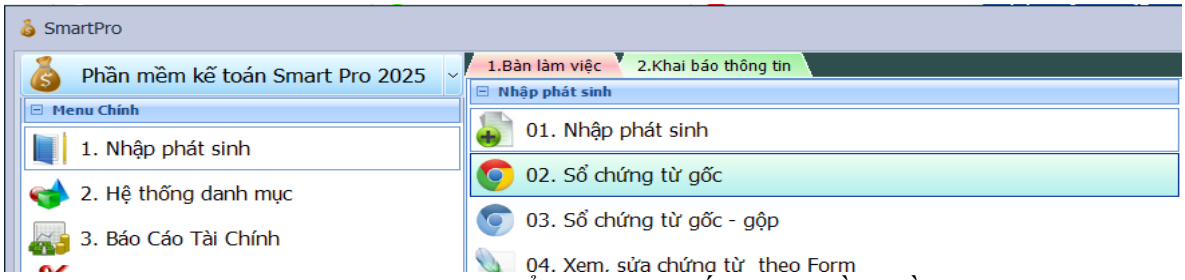

Hình 2.35. Giao diện truy cập sổ chứng từ gốc trên phần mềm Smart Pro

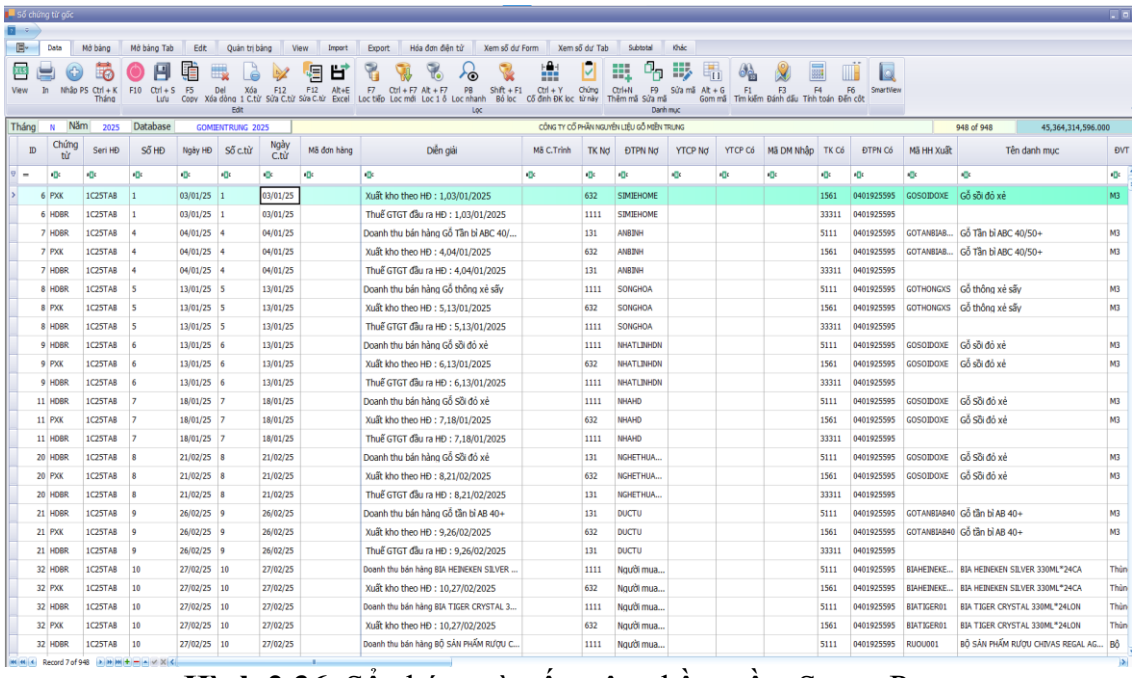

ID	Chứng từ	Seri HĐ	Số HĐ	Ngày HĐ	Số c.từ	Ngày C.từ	Mã đơn hàng	Diễn giải	Mã C.Trình	TK Nợ	ĐTPN Nợ	YTCP Nợ	YTCP Có	Mã DM Nhập	TK Có	ĐTPN Có	Mã HH Xuất	Tên danh mục	ĐVT
6	PXK	1C25TAB	1	03/01/25	1	03/01/25		Xuất kho theo HĐ : 1,03/01/2025		632	SIMIEHOME				1561	0401925595	GOSOIDOXE	Gỗ sồi đỏ xẻ	M3
6	HDBR	1C25TAB	1	03/01/25	1	03/01/25		Thuế GTGT đầu ra HĐ : 1,03/01/2025		1111	SIMIEHOME				33311	0401925595			
7	HDBR	1C25TAB	4	04/01/25	4	04/01/25		Doanh thu bán hàng Gỗ Tần bì ABC 40/...		131	ANBINH				5111	0401925595	GOTANBIAB...	Gỗ Tần bì ABC 40/50+	M3
7	PXK	1C25TAB	4	04/01/25	4	04/01/25		Xuất kho theo HĐ : 4,04/01/2025		632	ANBINH				1561	0401925595	GOTANBIAB...	Gỗ Tần bì ABC 40/50+	M3
7	HDBR	1C25TAB	4	04/01/25	4	04/01/25		Thuế GTGT đầu ra HĐ : 4,04/01/2025		131	ANBINH				33311	0401925595			
8	HDBR	1C25TAB	5	13/01/25	5	13/01/25		Doanh thu bán hàng Gỗ thông xẻ sấy		1111	SONGHOA				5111	0401925595	GOTHONGXS	Gỗ thông xẻ sấy	M3
8	PXK	1C25TAB	5	13/01/25	5	13/01/25		Xuất kho theo HĐ : 5,13/01/2025		632	SONGHOA				1561	0401925595	GOTHONGXS	Gỗ thông xẻ sấy	M3
8	HDBR	1C25TAB	5	13/01/25	5	13/01/25		Thuế GTGT đầu ra HĐ : 5,13/01/2025		1111	SONGHOA				33311	0401925595			
9	HDBR	1C25TAB	6	13/01/25	6	13/01/25		Doanh thu bán hàng Gỗ sồi đỏ xẻ		1111	NHATLINHDN				5111	0401925595	GOSOIDOXE	Gỗ sồi đỏ xẻ	M3
9	PXK	1C25TAB	6	13/01/25	6	13/01/25		Xuất kho theo HĐ : 6,13/01/2025		632	NHATLINHDN				1561	0401925595	GOSOIDOXE	Gỗ sồi đỏ xẻ	M3
9	HDBR	1C25TAB	6	13/01/25	6	13/01/25		Thuế GTGT đầu ra HĐ : 6,13/01/2025		1111	NHATLINHDN				33311	0401925595			
11	HDBR	1C25TAB	7	18/01/25	7	18/01/25		Doanh thu bán hàng Gỗ Sồi đỏ xẻ		1111	NHAHD				5111	0401925595	GOSOIDOXE	Gỗ Sồi đỏ xẻ	M3
11	PXK	1C25TAB	7	18/01/25	7	18/01/25		Xuất kho theo HĐ : 7,18/01/2025		632	NHAHD				1561	0401925595	GOSOIDOXE	Gỗ Sồi đỏ xẻ	M3
11	HDBR	1C25TAB	7	18/01/25	7	18/01/25		Thuế GTGT đầu ra HĐ : 7,18/01/2025		1111	NHAHD				33311	0401925595			
20	HDBR	1C25TAB	8	21/02/25	8	21/02/25		Doanh thu bán hàng Gỗ Sồi đỏ xẻ		131	NGHETHUA...				5111	0401925595	GOSOIDOXE	Gỗ Sồi đỏ xẻ	M3
20	PXK	1C25TAB	8	21/02/25	8	21/02/25		Xuất kho theo HĐ : 8,21/02/2025		632	NGHETHUA...				1561	0401925595	GOSOIDOXE	Gỗ Sồi đỏ xẻ	M3
20	HDBR	1C25TAB	8	21/02/25	8	21/02/25		Thuế GTGT đầu ra HĐ : 8,21/02/2025		131	NGHETHUA...				33311	0401925595			
21	HDBR	1C25TAB	9	26/02/25	9	26/02/25		Doanh thu bán hàng Gỗ tần bì AB 40+		131	DUCTU				5111	0401925595	GOTANBIAB40	Gỗ tần bì AB 40+	M3
21	PXK	1C25TAB	9	26/02/25	9	26/02/25		Xuất kho theo HĐ : 9,26/02/2025		632	DUCTU				1561	0401925595	GOTANBIAB40	Gỗ tần bì AB 40+	M3
21	HDBR	1C25TAB	9	26/02/25	9	26/02/25		Thuế GTGT đầu ra HĐ : 9,26/02/2025		131	DUCTU				33311	0401925595			
32	HDBR	1C25TAB	10	27/02/25	10	27/02/25		Doanh thu bán hàng BIA HEINEKEN SILVER ...		1111	Người mua...				5111	0401925595	BIAHEINEKE...	BIA HEINEKEN SILVER 330ML*24CA	Thùn
32	PXK	1C25TAB	10	27/02/25	10	27/02/25		Xuất kho theo HĐ : 10,27/02/2025		632	Người mua...				1561	0401925595	BIAHEINEKE...	BIA HEINEKEN SILVER 330ML*24CA	Thùn
32	HDBR	1C25TAB	10	27/02/25	10	27/02/25		Doanh thu bán hàng BIA TIGER CRYSTAL 3...		1111	Người mua...				5111	0401925595	BIATIGER01	BIA TIGER CRYSTAL 330ML*24LON	Thùn
32	PXK	1C25TAB	10	27/02/25	10	27/02/25		Xuất kho theo HĐ : 10,27/02/2025		632	Người mua...				1561	0401925595	BIATIGER01	BIA TIGER CRYSTAL 330ML*24LON	Thùn
32	HDBR	1C25TAB	10	27/02/25	10	27/02/25		Doanh thu bán hàng BỘ SẢN PHẨM RƯỢU C...		1111	Người mua...				5111	0401925595	RUOU001	BỘ SẢN PHẨM RƯỢU CHIVAS REGAL AG...	Bộ

Hình 2.36. Sổ chứng từ gốc trên phần mềm Smart Pro

b. Giá vốn hàng bán:

Để đảm bảo tính chính xác và thống nhất của giá vốn làm căn cứ giá để xuất hóa đơn cho khách hàng, kế toán chạy giá vốn vào mỗi cuối tháng một lần và đối chiếu kiểm tra vào hàng quý trong năm. Quy trình kiểm tra đối chiếu như sau:

Bước 1: Kiểm tra hàng tồn kho đầu kì

Kế toán kiểm tra lại phương pháp tính giá xuất kho đã được thiết lập đúng là phương pháp bình quân theo thời điểm, đồng thời kiểm soát các chứng từ nhập kho và xuất kho trong kỳ để đảm bảo không còn phát sinh nghiệp vụ chưa được ghi nhận và khóa tạm thời các chứng từ bán hàng giúp hạn chế tình trạng chỉnh sửa dữ liệu trong quá trình kiểm tra giá vốn.

Đồng thời kế toán bán hàng xuất dữ liệu nội bộ từ phần mềm bán hàng Misa Amis đối chiếu với sổ tổng hợp hàng tồn kho được kế toán dịch vụ theo dõi riêng ở phần mềm Smart Pro có khớp số lượng và giá trị tồn hay không

Bước 2: Kiểm tra chứng từ nhập, xuất kho trong kỳ có khớp với số liệu được hạch toán theo dõi ở trong phần mềm nội bộ hay không

Trước hết, kế toán đăng nhập vào phần mềm Misa Amis của công ty để kiểm tra danh sách hóa đơn bán hàng đã phát sinh trong kỳ. Tại phân hệ bán hàng, kế toán lọc dữ liệu theo thời gian cần kiểm tra, sau đó xuất danh sách hóa đơn bán hàng bao gồm các thông tin như số hóa đơn, ngày lập hóa đơn, tên hàng hóa, số lượng hàng bán và giá trị hàng hóa.

Tiếp theo, kế toán chuyển sang phân hệ kho hàng trên phần mềm Misa để kiểm tra các phiếu xuất kho tương ứng với từng hóa đơn bán hàng. Tại đây, kế toán tiến

hành đối chiếu từng nội dung cụ thể như mã hàng, tên hàng hóa, đơn vị tính, số lượng xuất kho và ngày xuất kho.

Sau khi kiểm tra trên phần mềm, kế toán tiếp tục đối chiếu với chứng từ giấy được lưu tại doanh nghiệp. Đối với phiếu xuất kho, kế toán kiểm tra đầy đủ các thông tin gồm số phiếu, ngày lập phiếu, tên hàng hóa, số lượng xuất, bộ phận nhận hàng và chữ ký xác nhận của thủ kho và người nhận hàng. Nếu thiếu chữ ký hoặc thông tin chưa đầy đủ, kế toán sẽ yêu cầu bổ sung để đảm bảo tính hợp lệ của chứng từ.

Đối chiếu tài khoản sử dụng cho nghiệp vụ nhập kho và xuất kho, đảm bảo việc ghi nhận tăng, giảm hàng tồn kho và ghi nhận giá vốn hàng bán được thực hiện đúng tài khoản theo quy định.

Bước 3: Chạy giá xuất kho trên Smart Pro (các bước giống ở phần 2.2.2.1 phương pháp tính giá xuất kho)

Trường hợp, khi kế toán đối chiếu phát hiện lỗi sai sót giá vốn trên phần mềm Smart Pro.

Bước 1: Kế toán vào phần mềm Smart Pro chọn Sổ chứng từ gốc

Bước 2: Bấm F10 để bổ sung hoặc sửa lại phiếu nhập kho và lưu.

Bước 3: Chạy lại giá xuất kho từ thời điểm phát sinh nhập

c.Chi phí bán hàng

Kế toán tiến hành kiểm tra và đối chiếu các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến hoạt động tiêu thụ hàng hóa như chi phí vận chuyển, tiền lương nhân viên bán hàng, chi phí điện thoại, tiếp khách và các khoản chi phục vụ bán hàng khác.

Cuối kỳ, kế toán thực hiện:

– Đối chiếu hóa đơn, chứng từ gốc với sổ chi tiết chi phí bán hàng

– Đối chiếu bảng lương nhân viên bán hàng với bảng chấm công và phiếu chi lương

– Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ trước khi thực hiện kết chuyển chi phí

Sau khi kiểm tra, kế toán tiến hành kết chuyển toàn bộ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

d.Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tương tự đối chiếu như chi phí bán hàng

e. Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

Đối với doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính, kế toán thực hiện kiểm tra các khoản phát sinh liên quan đến lãi tiền gửi ngân hàng, chênh lệch tỷ giá, lãi vay hoặc các khoản chi phí tài chính khác.

Cuối kỳ, kế toán:

– Đối chiếu giấy báo Có, giấy báo Nợ của ngân hàng vào mỗi cuối kì với sổ kế toán trên phần mềm Smart Pro

– Đối chiếu số liệu trên sổ chi tiết với số phát sinh trên tài khoản liên quan

– Việc đối chiếu giúp đảm bảo các khoản doanh thu và chi phí tài chính được ghi nhận đầy đủ và đúng kỳ kế toán.

f. Thu nhập khác và chi phí khác

Đối với các khoản thu nhập khác và chi phí khác phát sinh không thường xuyên như thanh lý tài sản, bồi thường hoặc các khoản thu ngoài hoạt động kinh doanh chính, kế toán thực hiện:

– Đối chiếu chứng từ gốc với sổ chi tiết tài khoản

– Kiểm tra quyết định thanh lý, biên bản bàn giao hoặc các hồ sơ liên quan

– Đảm bảo các khoản phát sinh được ghi nhận đúng nội dung và đúng kỳ

g. Lợi nhuận và kết quả hoạt động kinh doanh

Sau khi hoàn tất việc đối chiếu từng khoản mục doanh thu và chi phí, kế toán tiến hành kiểm tra tính logic giữa các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Cụ thể:

– Lợi nhuận gộp = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán

– Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp + Doanh thu tài chính – Chi phí tài chính – Chi phí bán hàng – Chi phí quản lý doanh nghiệp

– Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận kế toán trước thuế – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

– Kế toán tiến hành đối chiếu số liệu sau kết chuyển với sổ cái và bảng cân đối số phát sinh nhằm đảm bảo tính chính xác trước khi lập Báo cáo tài chính cuối kỳ.

CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG

Trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ Miền Trung, em đã có cơ hội tiếp cận và tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại nguyên liệu gỗ. Thông qua quá trình quan sát, học hỏi và hỗ trợ một số công việc kế toán, em nhận thấy công tác kế toán tại công ty nhìn chung được tổ chức khá hợp lý, phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đợt thực tập đã giúp em có điều kiện đối chiếu giữa kiến thức lý thuyết đã học tại nhà trường với thực tế công việc kế toán tại doanh nghiệp, từ đó rút ra được những nhận xét, đánh giá khách quan về ưu điểm cũng như những hạn chế còn tồn tại trong công ty

3.1. Nhận xét về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ Miền Trung

3.1.1. Ưu điểm của công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ Miền Trung

a. Về bộ máy kế toán

Về ưu điểm, bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, các vị trí kế toán được phân công nhiệm vụ tương đối rõ ràng. Mỗi bộ phận kế toán phụ trách một phần hành nhất định, giúp công việc được chuyên môn hóa và hạn chế sự chồng chéo trong quá trình xử lý nghiệp vụ. Sự phối hợp giữa các bộ phận kế toán với các bộ phận liên quan như kho, kinh doanh được thực hiện khá thường xuyên, đặc biệt sự kết hợp theo dõi chứng từ, sổ sách song song giữa kế toán dịch vụ được thuê ngoài và bộ phận kế toán nội bộ

b. Về phần mềm kế toán sử dụng

Công ty đã áp dụng hình thức kế toán trên phần mềm Smart Pro, giao diện phần mềm thân thiện, dễ thao tác và vận hành. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được nhập liệu trực tiếp vào phần mềm, từ đó tự động cập nhật vào các sổ kế toán chi tiết, sổ tổng hợp và các báo cáo liên quan. Trong quá trình thực tập, em được hướng dẫn cách nhập liệu các chứng từ như hóa đơn bán hàng, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, phiếu thu và theo dõi công nợ khách hàng, theo dõi hàng tồn kho qua đó giúp em hiểu rõ hơn mối liên hệ giữa chứng từ thực tế và số liệu trên sổ kế toán.

c. Về hình thức kế toán, hệ thống tài khoản, sổ sách kế toán

Hình thức kế toán áp dụng tại công ty là hình thức "Nhật ký chung", hình thức đơn giản, gọn nhẹ và thuận tiện cho việc theo dõi các nghiệp vụ kế toán. Đảm bảo

thông tin kịp thời cho công tác quản lý kinh doanh và tổng hợp số liệu để lập báo cáo tài chính một cách chính xác.

Hệ thống tài khoản được xây dựng phù hợp với quy mô hoạt động và đảm bảo nhu cầu sử dụng của công ty.

Hệ thống tài khoản đầy đủ theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành 26/08/2016 của Bộ tài chính. Hệ thống tài khoản, sổ sách được thiết kế đầy đủ về thông tin và kết cấu theo thông tư 133.

Sổ sách kế toán đảm bảo đúng quy định, được ghi chép rõ ràng, đúng chế độ, lưu trữ theo đúng chuẩn mực và quy định nhà nước.

d. Về tổ chức kế toán bán hàng

Về công tác kế toán doanh thu: thực hiện tương đối rõ ràng và phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh. Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ hợp lệ như hóa đơn bán hàng, phiếu xuất kho và các chứng từ liên quan khác. Thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định khi hàng hóa đã được giao cho khách hàng và quyền sở hữu, đảm bảo tuân thủ nguyên tắc ghi nhận doanh thu theo quy định kế toán hiện hành.

Về giá vốn: áp dụng phương pháp tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân theo thời điểm. Phương pháp này phù hợp với đặc điểm hàng hóa của công ty là nguyên liệu gỗ, giúp phản ánh tương đối chính xác giá vốn hàng bán tại từng thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Thông qua việc tìm hiểu cách theo dõi nhập – xuất – tồn kho và tính giá xuất kho, em nhận thấy công tác quản lý hàng tồn kho tại công ty được thực hiện khá chặt chẽ.

e. Về quy trình luân chuyển chứng từ

Quy trình luân chuyển chứng từ: được xây dựng khá chặt chẽ. Các chứng từ phát sinh đều được lập theo đúng mẫu quy định, có đầy đủ chữ ký của các bên liên quan trước khi chuyển sang bộ phận kế toán để ghi sổ. Sau khi hạch toán, chứng từ được sắp xếp và lưu trữ theo từng loại, từng thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu và phục vụ công tác thanh tra, kiểm toán khi cần thiết.

f. Về cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất tại công ty được trang bị thiết bị đầy đủ và phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả công việc

3.1.2. Hạn chế của công tác đào tạo tại Công ty.

Hiện tại công ty chỉ phát sinh một nguồn doanh thu. Sổ chi tiết và sổ cái gần như tương đồng của phần hành này phản ánh cùng một nội dung, giống nhau về quy cách sổ làm cho việc đối chiếu số liệu giữa hai loại sổ chưa phát huy được chức năng kiểm tra, giám sát lẫn nhau, chưa được khai thác đúng vai trò, chưa phục vụ hiệu quả

cho công tác quản trị và kiểm soát doanh thu, giá vốn hàng bán, đặc biệt trong bối cảnh doanh nghiệp kinh doanh mặt hàng có giá trị lớn và biến động giá thường xuyên như gỗ nguyên liệu. Trong trường hợp phát sinh sai sót khi hạch toán, kế toán khó phát hiện lỗi thông qua việc so sánh sổ sách, mà phải kiểm tra lại từ chứng từ gốc hoặc dữ liệu trên phần mềm.

3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ Miền Trung.

Từ việc quan sát quy trình làm việc thực tế, đối chiếu chứng từ và phân tích số liệu phát sinh trong kỳ, Trên cơ sở những kiến thức đã được học kết hợp với thực tế quan sát, em đưa ra một số đề xuất cá nhân nhằm góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán tại công ty trong thời gian tới.

a. Về sổ sách kế toán sử dụng:

Để nâng cao hiệu quả quản lý và phục vụ phân tích, công ty có thể bổ sung thêm một số tiêu chí theo dõi trên sổ chi tiết.

Cụ thể, sổ chi tiết doanh thu có thể được mở theo từng nhóm mặt hàng, từng khách hàng hoặc từng hợp đồng bán hàng, thay vì chỉ theo dõi tổng doanh thu. Việc này giúp kế toán và ban lãnh đạo dễ dàng đánh giá cơ cấu doanh thu, theo dõi tình hình tiêu thụ của từng loại sản phẩm hoặc từng khách hàng, từ đó hỗ trợ tốt hơn cho công tác quản lý và báo cáo quản trị.

			SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN					
			Mã hiệu : -					
			Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25					
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Số hợp đồng	Tên khách hàng	Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày					Nợ	Có
					Số dư đầu kỳ			
					Cộng phát sinh			
					Số dư cuối kỳ			

Hình 3.1. Chỉ tiêu ở sổ chi tiết được thêm theo góp ý cá nhân

b. Về chế độ BHXH cho nhân viên

Qua quá trình tìm hiểu thực tế tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ Miền Trung, có thể nhận thấy doanh nghiệp đã xây dựng được cơ cấu tổ chức tương đối phù hợp với quy mô hoạt động hiện tại.

Bộ máy quản lý của công ty bao gồm Giám đốc, bộ phận kinh doanh – bán hàng, bộ phận kho và phòng kế toán. Mỗi bộ phận đều đảm nhận những chức năng riêng nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh và quản lý doanh nghiệp.

Tuy nhiên, qua quá trình nghiên cứu, em nhận thấy công ty hiện chưa thực hiện đầy đủ việc tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH) cho người lao động theo quy định của pháp luật hiện hành. Đây là một hạn chế cần được doanh nghiệp quan tâm và khắc phục trong thời gian tới nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động cũng như hạn chế các rủi ro pháp lý và tài chính phát sinh.

Theo **Khoản 1 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội 2024 (số 41/2024/QH15)**, có hiệu lực từ 01/07/2025. Người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc. Đồng thời, người sử dụng lao động có trách nhiệm đăng ký tham gia và đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội cho người lao động theo tỷ lệ quy định. Bên cạnh đó, Điều 6 của **Bộ luật Lao động năm 2019 số 45/2019/QH14** cũng quy định rõ tại các điều khoản liên quan rằng người sử dụng lao động phải đảm bảo các chế độ về tiền lương, bảo hiểm và phúc lợi cho người lao động trong suốt quá trình làm việc. Như vậy, đối với doanh nghiệp có sử dụng lao động thường xuyên và ký kết hợp đồng lao động như Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ Miền Trung, việc tham gia BHXH là nghĩa vụ bắt buộc theo quy định của pháp luật.

Xét trên góc độ quản trị doanh nghiệp, việc chưa tham gia BHXH cho người lao động có thể mang lại lợi ích ngắn hạn do giúp doanh nghiệp giảm bớt áp lực chi phí. Tuy nhiên, về lâu dài, điều này có thể dẫn đến nhiều hệ quả tiêu cực.

Thứ nhất, doanh nghiệp có nguy cơ bị truy thu các khoản BHXH chưa đóng, kèm theo tiền phạt và tiền chậm nộp nếu cơ quan chức năng tiến hành thanh tra hoặc kiểm tra. Các khoản chi phí phát sinh đột biến này có thể ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.

Thứ hai, việc chưa thực hiện đầy đủ chế độ BHXH sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của người lao động như chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, hưu trí và trợ cấp thất nghiệp. Điều này có thể làm giảm mức độ gắn bó của nhân viên với doanh nghiệp, gây khó khăn trong việc duy trì nguồn nhân lực ổn định, đặc biệt trong bối cảnh thị trường lao động ngày càng cạnh tranh.

Thứ ba, xét dưới góc độ kế toán và quản lý chi phí, các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT và BHTN là một bộ phận cấu thành chi phí hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Việc chưa ghi nhận đầy đủ các khoản chi phí này có thể làm cho chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp chưa phản ánh đầy đủ bản chất kinh

tế phát sinh thực tế. Điều này ảnh hưởng đến tính chính xác của việc xác định kết quả hoạt động kinh doanh cũng như làm giảm độ tin cậy của thông tin kế toán.

Xuất phát từ thực tế và những phân tích trên, em đề xuất công ty cần sớm xây dựng và hoàn thiện chính sách quản lý lao động theo hướng tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, đặc biệt là việc tham gia BHXH, (BHYT) và (BHTN) cho người lao động có hợp đồng lao động từ đủ 01 tháng trở lên. Đồng thời, doanh nghiệp nên thiết lập hệ thống quản lý nhân sự rõ ràng, phối hợp chặt chẽ với cơ quan bảo hiểm xã hội địa phương trong công tác kê khai và đóng bảo hiểm định kỳ.

Việc thực hiện đầy đủ chính sách BHXH không chỉ giúp doanh nghiệp tuân thủ đúng quy định của pháp luật mà còn góp phần nâng cao tính minh bạch trong công tác kế toán, tăng mức độ ổn định của nguồn nhân lực và nâng cao hình ảnh chuyên nghiệp của doanh nghiệp. Đây cũng là một giải pháp cần thiết nhằm hướng tới sự phát triển bền vững và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ Miền Trung trong thời gian tới.

Phân bổ lương và các khoản trích theo lương

Doanh nghiệp hiện đang ghi nhận tiền lương của 03 nhân viên vào chi phí bán hàng, trong khi chi phí quản lý doanh nghiệp lại không phát sinh khoản mục tiền lương quản lý. Đây là một vấn đề cần được xem xét và điều chỉnh nhằm đảm bảo việc phản ánh chi phí đúng bản chất kinh tế phát sinh, đồng thời nâng cao tính chính xác của thông tin kế toán và kết quả hoạt động kinh doanh.

Theo nguyên tắc kế toán, chi phí phải được ghi nhận phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận trong doanh nghiệp. Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như lương nhân viên bán hàng, chi phí vận chuyển, quảng cáo và tiếp thị. Trong khi đó, chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phục vụ công tác quản lý và điều hành chung của doanh nghiệp như lương Giám đốc, kế toán, nhân viên hành chính và các chi phí quản lý khác.

Tuy nhiên, thực tế tại công ty cho thấy toàn bộ chi phí tiền lương hiện đang được tập trung ghi nhận vào chi phí bán hàng, trong khi chi phí quản lý doanh nghiệp không ghi nhận khoản lương quản lý nào. Điều này cho thấy việc phân loại chi phí chưa thực sự hợp lý và chưa phản ánh đúng bản chất hoạt động của từng bộ phận trong doanh nghiệp. Bởi trên thực tế, công ty vẫn có các hoạt động quản lý, điều hành, kế toán và kiểm soát nội bộ, đồng nghĩa với việc vẫn phát sinh chi phí liên quan đến bộ phận quản lý doanh nghiệp.

Việc chưa phân bổ hợp lý tiền lương giữa chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp có thể dẫn đến một số ảnh hưởng nhất định. Thứ nhất, làm sai lệch cơ

cấu chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, khiến tỷ trọng chi phí bán hàng tăng cao bất thường trong khi chi phí quản lý doanh nghiệp không phản ánh đúng thực tế phát sinh. Điều này có thể ảnh hưởng đến việc phân tích hiệu quả hoạt động của từng bộ phận cũng như khả năng đánh giá chính xác tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Việc chưa ghi nhận đầy đủ tiền lương quản lý doanh nghiệp cũng có mối liên hệ với vấn đề chưa tham gia BHXH cho người lao động tại công ty. Bởi các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT và BHTN thường được xác định dựa trên quỹ tiền lương thực tế của từng bộ phận. Khi doanh nghiệp chưa xây dựng cơ cấu tiền lương rõ ràng cho bộ phận quản lý, việc xác định và trích nộp các khoản bảo hiểm bắt buộc cũng trở nên thiếu đầy đủ và khó kiểm soát.

Từ những phân tích trên, em đề xuất công ty cần thực hiện phân loại lại chi phí tiền lương theo đúng chức năng của từng bộ phận trong doanh nghiệp. Cụ thể, tiền lương của nhân viên kinh doanh và bán hàng nên được ghi nhận vào chi phí bán hàng; trong khi tiền lương của Giám đốc, kế toán và các vị trí hành chính cần được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp

Để làm rõ đề xuất, em sẽ tiến hành xây dựng lại bảng lương theo hướng phù hợp với tính hoạt động thực tế của công ty theo 4 bộ phận chính : bộ phận kinh doanh, bộ phận quản lý doanh nghiệp, bộ phận kế toán và bộ phận kho. Việc phân chia này căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ của từng nhân viên trong công ty

- Chi phí bán hàng : nhân viên thuộc bộ phận kinh doanh do trực tiếp tham gia hoạt đông bán hàng và tìm kiếm khách hàng cho công ty là Đinh Đức Vũ và Nguyễn Hưng Quý
- Chi phí quản lí doanh nghiệp: Giám đốc và Thủ kho, Kế toán bao gồm Nguyễn Thành Long, Bùi Quang Tài, Võ Hồ Dạ My, Trần Thị Hồng Diễm đảm nhiệm vai trò quản lí doanh nghiệp như quản lí hàng hóa, kiểm tra đối chiếu giấy tờ hóa đơn đầu vào đầu ra, lên kế hoạch báo cáo …

Tiếp đó, em phân bổ các khoản trích theo lương bao gồm BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định hiện hành. Doanh nghiệp chịu 21.5%, người lao động chịu 10.5%.Việc thực hiện đầy đủ các khoản trích nộp này làm cho tổng chi phí nhân công của doanh nghiệp tăng lên đáng kể so với trước khi điều chỉnh

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Địa chỉ: Số 281 Trường Chinh - Phường An Khê - Quận Thanh Khê - Đà Nẵng
MST: 0401925595

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương cơ bản	Ngày công thực tế	Tổng lương	Phụ cấp				Tổng Lương Thực Tế	Lương đóng BH	Trích đưa vào Chi phí				Trích vào Lương nhân viên				Thu nhập chịu thuế	Thuế TNCN	Thực lĩnh
						Ăn trưa	Xăng xe	Điện thoại	Nhà ở			BHXH (17.5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Cộng 21.%	BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng 10,5%			
A	**Bộ phận bán hàng**			**52.0**	**11,304,000**	**1,400,000**	**1,000,000**	**1,800,000**	**2,000,000**	**17,504,000**	**10,000,000**	**1,750,000**	**300,000**	**100,000**	**2,150,000**	**800,000**	**150,000**	**100,000**	**1,050,000**	**13,254,000**	**0**	**16,454,000**
02	Đinh Đức Vũ	Nhân viên kinh do	5,000,000	26.0	5,652,000	700,000	500,000	900,000	1,000,000	8,752,000	5,000,000	875,000	150,000	50,000	1,075,000	400,000	75,000	50,000	**525,000**	6,627,000		8,227,000
03	Nguyễn Hưng Quý	Nhân viên kinh do	5,000,000	26.0	5,652,000	700,000	500,000	900,000	1,000,000	8,752,000	5,000,000	875,000	150,000	50,000	1,075,000	400,000	75,000	50,000	**525,000**	6,627,000		8,227,000
B	**Bộ phận quản lí doanh nghiệp**			**104**	**25,999,000**	**2,800,000**	**2,000,000**	**3,600,000**	**4,000,000**	**38,399,000**	**23,000,000**	**4,025,000**	**690,000**	**230,000**	**4,945,000**	**1,840,000**	**345,000**	**230,000**	**2,415,000**	**31,184,000**	**#**	**35,984,000**
05	Nguyễn Thành Long	Giám đốc	7,000,000	26.0	7,913,000	700,000	500,000	900,000	1,000,000	11,013,000	7,000,000	1,225,000	210,000	70,000	1,505,000	560,000	105,000	70,000	**735,000**	9,078,000	-	10,278,000
06	Bùi Quang Tài	Thủ kho	5,000,000	26.0	5,652,000	700,000	500,000	900,000	1,000,000	8,752,000	5,000,000	875,000	150,000	50,000	1,075,000	400,000	75,000	50,000	**525,000**	7,027,000	-	8,227,000
07	Võ Hồ Dạ My	Kế toán	5,500,000	26.0	6,217,000	700,000	500,000	900,000	1,000,000	9,317,000	5,500,000	962,500	165,000	55,000	1,182,500	440,000	82,500	55,000	**577,500**	7,539,500	-	8,739,500
08	Trần Thị Hồng Diễm	Kế toán	5,500,000	26.0	6,217,000	700,000	500,000	900,000	1,000,000	9,317,000	5,500,000	962,500	165,000	55,000	1,182,500	440,000	82,500	55,000	**577,500**	7,539,500	-	8,739,500
	Tổng			**156.0**	**37,303,000**	**4,200,000**	**3,000,000**	**5,400,000**	**6,000,000**	**55,903,000**	**33,000,000**	**5,775,000**	**990,000**	**330,000**	**7,095,000**	**2,640,000**	**495,000**	**330,000**	**3,465,000**	**44,438,000**	**0**	**104,876,000**

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 4 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc Công ty
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
		Nguyễn Thanh Long

Hình 3.2. Bảng lương đề xuất tháng 03/2025

Từ bảng lương sau điều chỉnh, em tiến hành hạch toán lại các nghiệp vụ kế toán liên quan. Theo đó, chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của từng bộ phận được phản ánh vào các tài khoản tương ứng. Điều này dẫn đến sự thay đổi số liệu trên sổ chi tiết và sổ cái của các tài khoản chi phí, các khoản phải trả người lao động và các khoản phải nộp theo lương.

- Sổ cái 642 sau khi hạch toán bảng lương đề xuất (phụ lục 15)

- Sổ chi tiết 6421 sau khi hạch toán bảng lương đề xuất (phụ lục 16)

- Sổ chi tiết 6422 sau khi hạch toán bảng lương đề xuất (phụ lục 17)

Việc điều chỉnh chi phí tiền lương làm cho tổng chi phí hoạt động của doanh nghiệp tăng lên, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bảng 3.1. Bảng Báo cáo KQHDKD trước và sau khi điều chỉnh

STT	Chỉ tiêu	*Trước điều chỉnh*	*Sau điều chỉnh*
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.362.535.570	5.362.535.570
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu hoạt động tài chính	36.832	36.832
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ		
	Giá vốn hàng bán	5.027.988.546	5.027.988.546
	Chi phí bán hàng	**300.766.000**	**248.152.000**
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	**15.985.268**	**555.640.268**
5	Chi phí tài chính	38.663	38.663
6	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**17.793.131**	**(469.247.869)**
7	Thu nhập khác		
8	Chi phí khác	794	794
9	Lợi nhuận khác	(794)	(794)
10	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp**	**17.793.131**	**(469.247.869)**

Bên cạnh đó, việc tăng chi phí tiền lương và các khoản bảo hiểm xã hội cũng làm thay đổi số liệu trên tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo quy định hiện hành, các khoản chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương nếu có đầy đủ chứng từ hợp lệ sẽ được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế. Vì vậy, sau khi điều chỉnh, tổng chi phí được trừ của doanh nghiệp tăng

lên, dẫn đến thu nhập chịu thuế giảm và kéo theo số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp có sự thay đổi tương ứng.

Cụ thể, trước khi thực hiện điều chỉnh, doanh nghiệp đang phát sinh lợi nhuận chịu thuế là 17.793.925 triệu đồng và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là 3.024.967 triệu đồng. Tuy nhiên, sau khi ghi nhận đầy đủ chi phí tiền lương và các khoản bảo hiểm xã hội theo đề xuất, tổng chi phí hoạt động của doanh nghiệp tăng mạnh, dẫn đến lợi nhuận sau điều chỉnh chuyển sang âm 469.247.869 triệu đồng.

Việc lợi nhuận chuyển từ dương sang âm cho thấy trước thời điểm điều chỉnh, doanh nghiệp chưa phản ánh đầy đủ các khoản chi phí liên quan đến người lao động trong hệ thống kế toán. Sau khi bổ sung đầy đủ các khoản chi phí hợp lý và hợp lệ theo quy định, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được phản ánh sát hơn với tình hình thực tế.

Đồng thời, sự thay đổi này cũng ảnh hưởng trực tiếp đến tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Do doanh nghiệp phát sinh lỗ sau điều chỉnh nên không còn nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ, thay cho mức thuế phải nộp là 3.024.967 triệu đồng trước đó. Khoản lỗ phát sinh sau điều chỉnh cũng có thể được doanh nghiệp theo dõi để thực hiện kết chuyển lỗ theo quy định của pháp luật thuế ở các kỳ tiếp theo.

Tờ khai thuế TNDN sau khi điều chỉnh (Phụ lục 17)

Thông qua việc điều chỉnh bảng lương và ghi nhận đầy đủ các khoản chi phí liên quan đến người lao động, có thể thấy rằng công tác kế toán của doanh nghiệp trở nên minh bạch và chính xác hơn. Mặc dù lợi nhuận giảm đáng kể sau điều chỉnh, nhưng số liệu kế toán và báo cáo tài chính phản ánh trung thực hơn tình hình hoạt động thực tế của doanh nghiệp, đồng thời giúp hạn chế các rủi ro liên quan đến thuế và pháp lý trong quá trình hoạt động kinh doanh.

KẾT LUẬN

Trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ miền Trung, em đã có cơ hội tiếp cận và tiếp xúc trực tiếp với phần mềm Smart Pro, được vận dụng và củng cố những kiến thức chuyên ngành đã được học tại trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng. Đặc biệt, trong giai đoạn em thực tập cùng với thời điểm công ty làm báo cáo tài chính năm 2025, tạo điều kiện thuận lợi để em được tham gia vào các công việc thực tế học cách nhập liệu kế toán, đóng chứng từ sổ sách, khai báo bảo hiểm xã hội, lập các báo cáo tài chính.

Nhờ sự hướng dẫn và giúp đỡ của các anh chị trong công ty em đã tích luỹ thêm nhiều kiến thức và kinh nghiệm thực tế. Em xin chân thành gửi lời cảm ơn đến quý công ty và và cô giảng viên hướng dẫn Th.S Nguyễn Thị Thanh Phương đã tạo điều kiện và tận tình chỉ dẫn em hoàn thành khoá luận.

Với những kiến thức còn hạn chế và bản thân còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn, em khó tránh khỏi những sai sót trong quá trình thực hiện và trình bày nội dung. Vì vậy, em rất mong nhận sự thông cảm và những góp ý chân thành từ quý thầy cô giáo, cùng các anh chị quản lý trong công ty để khoá luận của em được hoàn thiện tốt hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính.

2. Tài liệu, sổ sách liên quan đến phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu Gỗ miền Trung

3. Các bài khoá luận tốt nghiệp trên thư viện Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng.

4. Các văn bản, Luật kế toán 2025 cùng các văn bản sửa đổi, bổ sung mới áp dụng từ năm 2025 liên quan đến hóa đơn điện tử, kê khai thuế và quản lý tài chính doanh nghiệp

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 01. Giấy phép đăng kí kinh doanh mã số doanh nghiệp: 04019255

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0401925595

Đăng ký lần đầu: ngày 21 tháng 09 năm 2018
Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 06 tháng 05 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CENTRAL WOOD MATERIAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CENTRAL WOOD MATERIAL JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: *0932646499* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ: 8.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Tám tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 800.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THANH LONG Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *03/02/1990* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *051090008525*

Ngày cấp: *16/09/2022* Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *522/11 Nguyễn Công Phương, Phường Nghĩa Lộ, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *522/11 Nguyễn Công Phương, Phường Nghĩa Lộ, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Đoàn Việt Tiến

PHỤ LỤC 02. Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2025

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
[02] Mã số thuế: 0401925595
[03] Địa chỉ: Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý **[04] Quận/Huyện:** **[05] Tỉnh/Thành phố:** Thành phố Đà Nẵng
[06] Điện thoại: 0908806712 **[07] Fax:** **[08] E-mail:**
BCTC đã được kiểm toán: []
Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tiền: đồng VN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**5.068.135.611**	**5.890.601.361**
II. Đầu tư tài chính	**120**		**0**	**0**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123		0	0
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (*)	124		0	0
III. Các khoản phải thu	**130**		**2.255.382.076**	**2.193.934.049**
1. Phải thu của khách hàng	131		2.255.382.076	2.193.934.049
2. Trả trước cho người bán	132		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133		0	0
4. Phải thu khác	134		0	0
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	135		0	0
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	136		0	0
IV. Hàng tồn kho	**140**		**1.189.401.030**	**779.310.501**
1. Hàng tồn kho	141		1.189.401.030	779.310.501
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		0	0
V. Tài sản cố định	**150**		**0**	**0**
- Nguyên giá	151		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	152		0	0
VI. Bất động sản đầu tư	**160**		**0**	**0**
- Nguyên giá	161		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	162		0	0
VII. XDCB dở dang	**170**		**0**	**0**
VIII. Tài sản khác	**180**		**19.516.911**	**12.088.156**
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181		6.848.659	150.000
2. Tài sản khác	182		12.668.252	11.938.156
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200=110+120+130+140+150+160+170+180)	**200**		**8.532.435.628**	**8.875.934.067**

NGUỒN VỐN				
I. Nợ phải trả	**300**		**548.747.431**	**907.014.034**
1. Phải trả người bán	311		465.722.464	904.184.296
2. Người mua trả tiền trước	312		0	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		3.024.967	2.829.738
4. Phải trả người lao động	314		0	0
5. Phải trả khác	315		0	0
6. Vay và nợ thuê tài chính	316		80.000.000	0
7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317		0	0
8. Dự phòng phải trả	318		0	0
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319		0	0
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320		0	0
II. Vốn chủ sở hữu	**400**		**7.983.688.197**	**7.968.920.033**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		8.000.000.000	8.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		0	0
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		0	0
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416		0	0
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		(16.311.803)	(31.079.967)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (500=300+400)	**500**		**8.532.435.628**	**8.875.934.067**

Lập ngày 02 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên)	(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*
		NGUYỄN THANH LÔNG

Mẫu số: **B02 - DNN**
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
[03] Mã số thuế: 0401925595

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**5.362.535.570**	**4.752.312.349**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		**0**	**0**
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	**10**		**5.362.535.570**	**4.752.312.349**
4. Giá vốn hàng bán	**11**		**5.027.988.546**	**4.512.767.918**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**334.547.024**	**239.544.431**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**		**36.832**	**35.703**
7. Chi phí tài chính	**22**		**38.663**	**0**
- *Trong đó:* Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	**24**		**316.751.268**	**225.431.443**
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	**30**		**17.793.925**	**14.148.691**
10. Thu nhập khác	**31**		**0**	**0**
11. Chi phí khác	**32**		**794**	**20.703**
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(794)**	**(20.703)**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**17.793.131**	**14.127.988**
14. Chi phí thuế TNDN	**51**		**3.024.967**	**2.829.738**
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	**60**		**14.768.164**	**11.298.250**

Lập ngày 02 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên)	(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*
		NGUYỄN THANH LONG

PHỤ LỤC 03. Giao diện bán hàng ở phần mềm Misa Amis

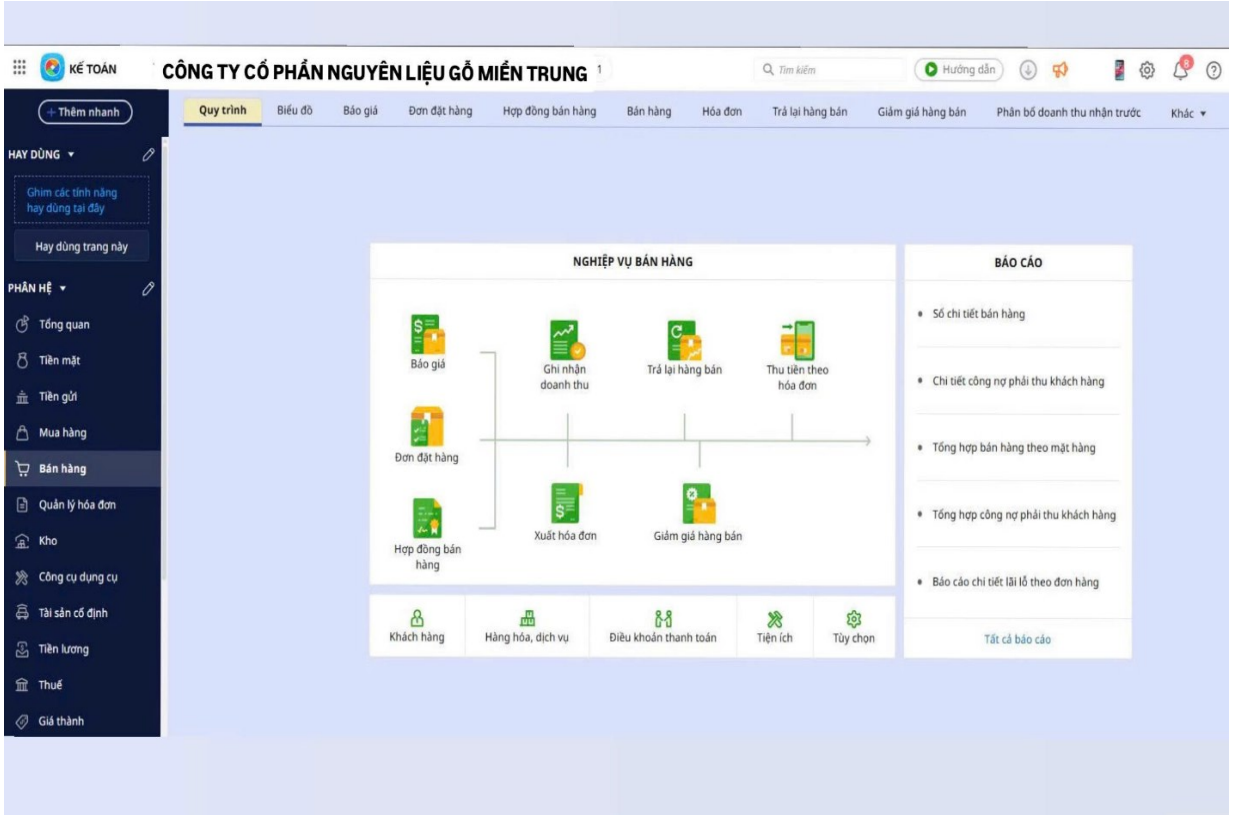

PHỤ LỤC 04. Giao diện đăng nhập phần mềm hoá đơn Cyberbill

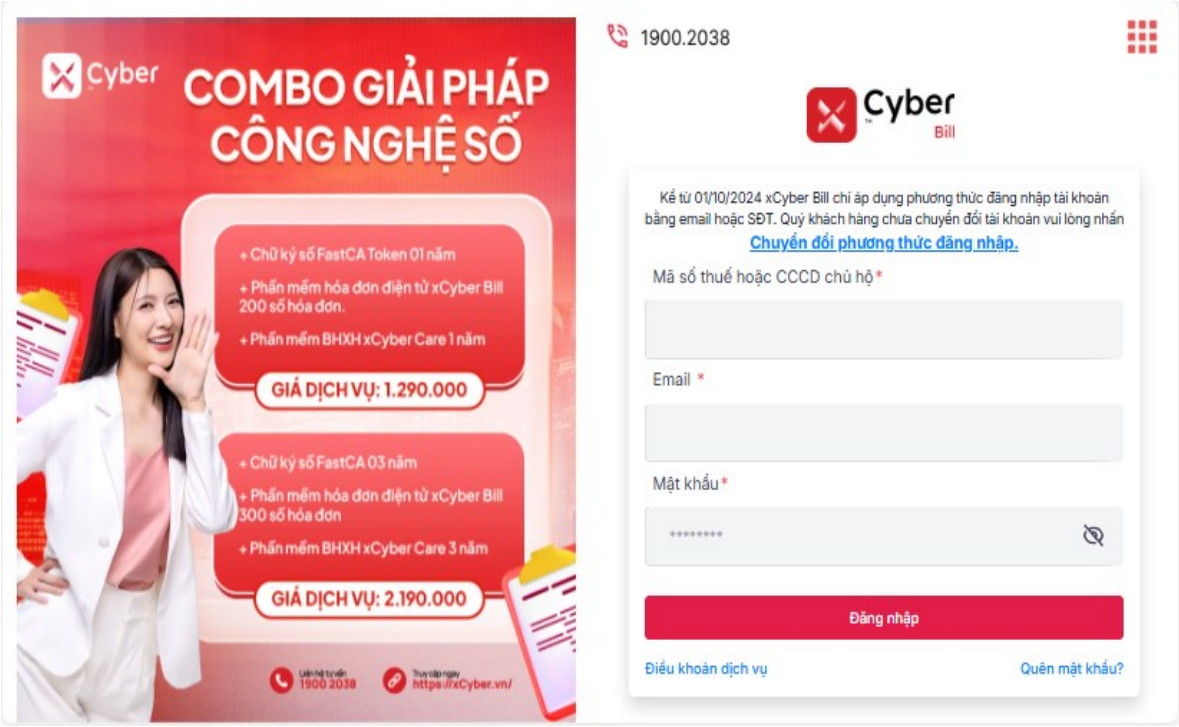

PHỤ LỤC 05. Giao diện lập hoá đơn tại phần mềm hóa đơn Cyberbill

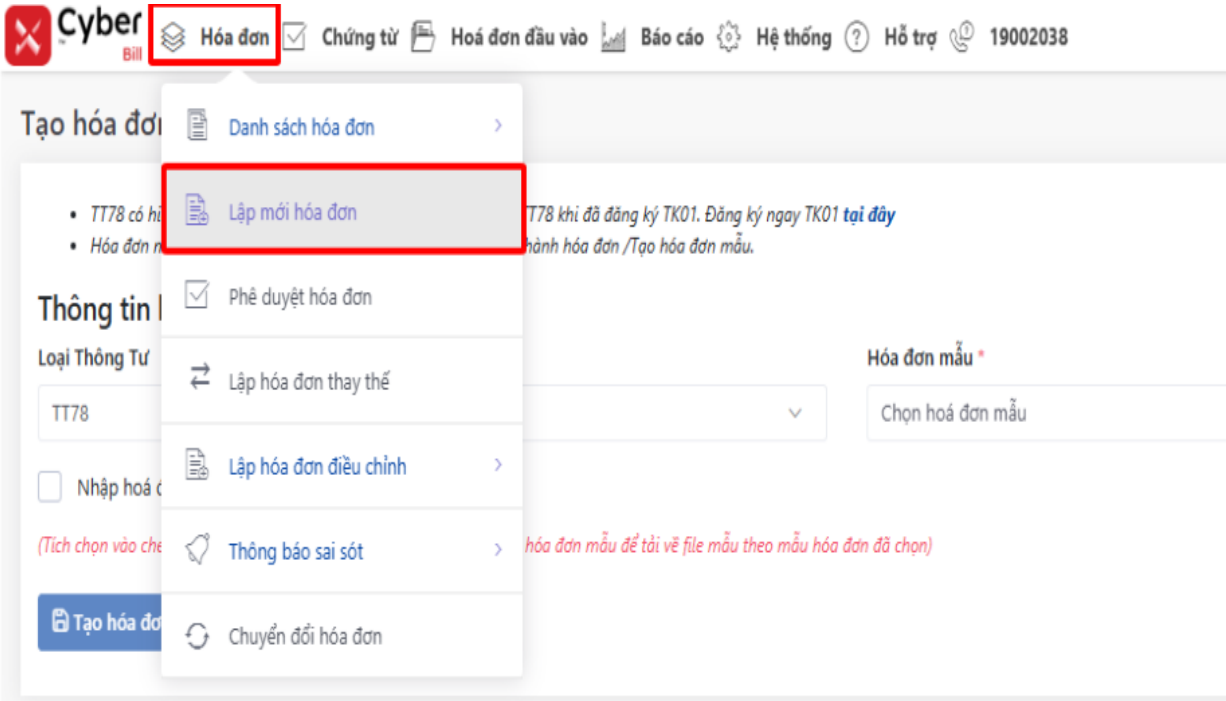

PHỤ LỤC 06: Giao diện điền thông tin hóa đơn tại phần mềm hóa đơn Cyberbill

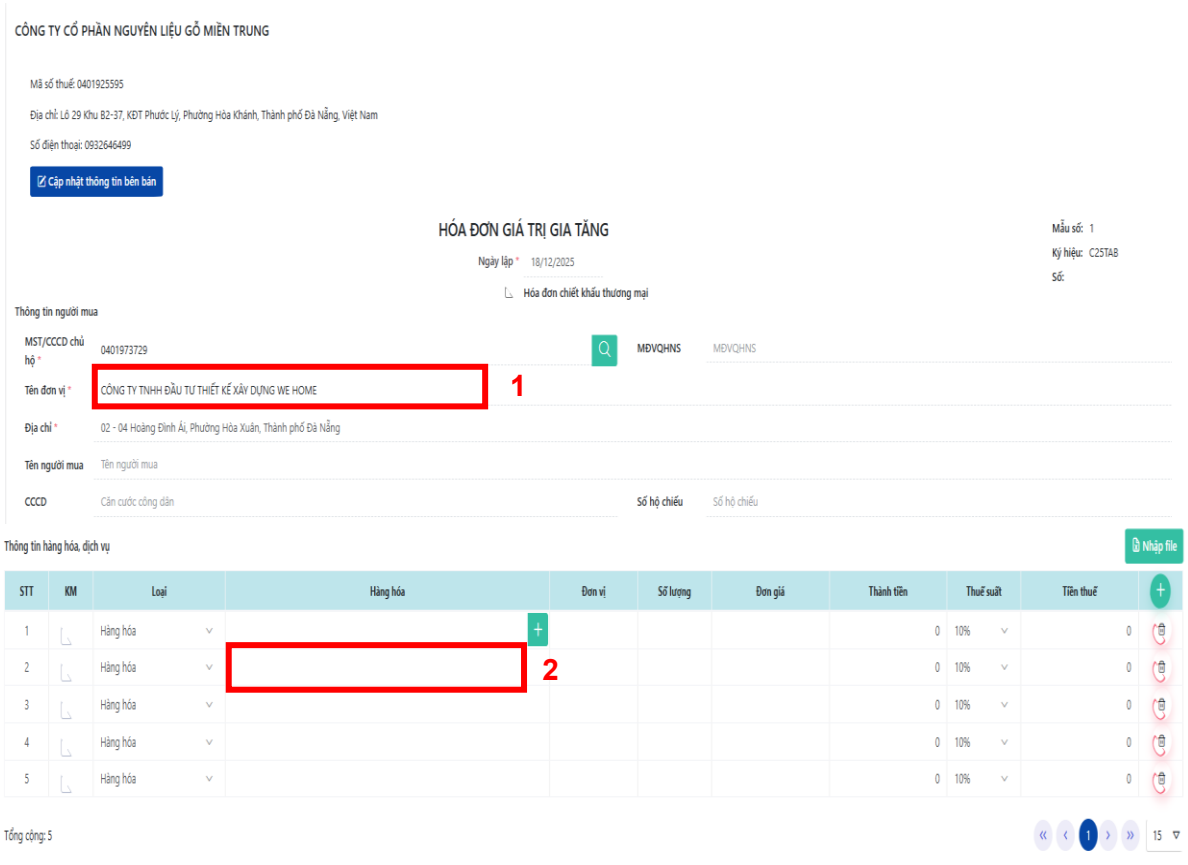

PHỤ LỤC 07. Sổ nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG

Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng

Mã số thuế : 0401925595

Mẫu số: S03A-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
1/1/2025	PKT.002	01/01/25	**Lệ phí môn bài năm 2025 phải nộp**		2,000,000	2,000,000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	2,000,000	
			Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3339		2,000,000
…	…	…	..	…	…	…
1/16/2025	CTNH.008	16/01/25	**Tiền phạt chậm nộp**		2,000,794	2,000,794
			Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3339	2,000,000	
			Chi phí khác	811	794	
			Tiền gửi Ngân hàng Sacombank -TK: 040074181688	11211		2,000,794
1/16/2025	CTNH.009	16/01/25	Nộp tiền vào TK		250,000,000	250,000,000
			Tiền gửi Ngân hàng Sacombank -TK: 040074181688	11211	250,000,000	
			Tiền Việt Nam	1111		250,000,000
…	…	…	..	…	…	…
2/28/2025	HDBR.12	28/02/25	**Doanh thu bán hàng Gỗ thông xẻ sấy**		5,400,000	5,400,000
			Tiền Việt Nam	1111	5,400,000	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		5,000,000
			Thuế GTGT đầu ra	33311		400,000
2/28/2025	PXK.12	28/02/25	**Xuất kho theo HĐ : 12,28/02/2025**		4,635,490	4,635,490
			Giá vốn hàng bán	632	4,635,490	
			Giá mua hàng hóa	1561		4,635,490
…	…	…	..	…	…	…
2/28/2025	KC.02	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515		2,656	2,656
			Doanh thu hoạt động tài chính	515	2,656	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		2,656
2/28/2025	KC.03	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632		216,067,536	216,067,536
			Xác định kết quả kinh doanh	911	216,067,536	
			Giá vốn hàng bán	632		216,067,536
…	…	…	..	…	…	…
3/31/2025	PKT.006	31/03/25	**Lương T3**		24,500,000	24,500,000
			Chi phí bán hàng	6421	24,500,000	
			Phải trả người lao động	334		24,500,000
…	…	…	..	…	…	…

3/31/2025	KC.04	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421		24,500,000	24,500,000
			Xác định kết quả kinh doanh	911	24,500,000	
			Chi phí bán hàng	6421		24,500,000
…	…	…	..	…	…	…
6/6/2025	HDBR.48	06/06/25	**Doanh thu bán hàng Gỗ tần bì dạng lóng**		199,999,692	199,999,692
			Phải thu của khách hàng	131	199,999,692	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		185,184,900
			Thuế GTGT đầu ra	33311		14,814,792
6/6/2025	PXK.48	06/06/25	**Xuất kho theo HĐ : 48,06/06/2025**		178,540,084	178,540,084
			Giá vốn hàng bán	632	178,540,084	
			Giá mua hàng hóa	1561		178,540,084
…	…	…	..	…	…	…
7/3/2025	PC.25	03/07/25	Thanh toán tiền Dịch vụ tư vấn và làm thủ tục về thuế Q2/2025		4,860,000	4,860,000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	4,500,000	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	360,000	
			Tiền Việt Nam	1111		4,860,000
…	…	…	..	…	…	…
7/31/2025	CTNH.141	31/07/25	Phí chuyển khoản		14,300	14,300
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	14,300	
			Tiền gửi Ngân hàng Sacombank -TK: 040074181688	11211		14,300
…	…	…	..	…	…	…
7/31/2025	KC.05	31/07/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422		5,166,038	5,166,038
			Xác định kết quả kinh doanh	911	5,166,038	
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		5,166,038
7/31/2025	KC.06	31/07/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		17,067,232	17,067,232
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212	17,067,232	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		17,067,232
…	…	…	..	…	…	…
10/25/2025	CTNH.251	25/10/25	Thanh toán lãi vay thấu chi		23,227	23,227
			Chi phí tài chính	635	23,227	
			Tiền gửi ngân hàng MB - TK 6449996868	11212		23,227
…	…	…	..	…	…	…
11/15/2025	CTNH.247	15/11/25	Lãi tiền gửi ngân hàng		1,267	1,267
			Tiền gửi ngân hàng MB - TK 6449996868	11212	1,267	
			Doanh thu hoạt động tài chính	515		1,267
…	…	…	..	…	…	…
11/25/2025	CTNH.252	25/11/25	Thanh toán lãi vay thấu chi		15,436	15,436
			Chi phí tài chính	635	15,436	
			Tiền gửi ngân hàng MB - TK 6449996868	11212		15,436

…	…	…	…	…	…	…
12/31/2025	CPCPB.003/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Bộ giải pháp Phần mềm Quản lý Tài chính kế toán doanh nghiệp - Gói Standard năm đầu tiên Tháng 12		379,167	379,167
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	379,167	
			Chi phí trả trước	242		379,167
…	…	…	…	…	…	…
12/31/2025	PKT.015	31/12/25	Lương T12		27,843,000	27,843,000
			Chi phí bán hàng	6421	27,843,000	
			Phải trả người lao động	334		27,843,000
12/31/2025	PKT.016	31/12/25	CHi phí Thuế TNDN năm 2025		3,024,967	3,024,967
			Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	821	3,024,967	
			Thuế thu nhập doanh nghiệp	3334		3,024,967
12/31/2025	KC.01	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111		1,099,246,769	1,099,246,769
			Doanh thu bán hàng hóa	5111	1,099,246,769	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		1,099,246,769
12/31/2025	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515		4,970	4,970
			Doanh thu hoạt động tài chính	515	4,970	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		4,970
12/31/2025	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632		995,826,759	995,826,759
			Xác định kết quả kinh doanh	911	995,826,759	
			Giá vốn hàng bán	632		995,826,759
12/31/2025	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421		27,843,000	27,843,000
			Xác định kết quả kinh doanh	911	27,843,000	
			Chi phí bán hàng	6421		27,843,000
12/31/2025	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422		1,245,877	1,245,877
			Xác định kết quả kinh doanh	911	1,245,877	
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		1,245,877
12/31/2025	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 821		3,024,967	3,024,967
			Xác định kết quả kinh doanh	911	3,024,967	
			Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	821		3,024,967
12/31/2025	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		71,311,136	71,311,136
			Xác định kết quả kinh doanh	911	71,311,136	
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212		71,311,136
			Tổng cộng		**48,760,261,459**	**48,760,261,459**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đoàn Quang Hiếu		Nguyễn Thanh Long

PHỤ LỤC 08: Phiếu xuất kho kiêm hóa đơn bán hàng ngày 06/06/2025

GỖ MIỀN TRUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
CENTRAL WOOD MATERIAL JOINT STOCK COMPANY
428 Le Trong Tan, Hoa Khanh, Da Nang, Viet Nam
Hotline: (+84) 932.64.64.99 (Mr Long)

Number Order: 8:42 AM
Date: Friday, June 06, 2025

Khách hàng: **CÔNG TY TNHH GỖ VIỆT NHẬT**
Công ty:
Địa chỉ: **183/34A TRẦN THÁI TÔNG, AN KHÊ, ĐÀ NẴNG**
Điện thoại:

VIETCOMBANK
NGUYEN THANH LONG
0251002675988

PHIẾU XUẤT KHO KIÊM HÓA ĐƠN BÁN HÀNG

TT No.	Chi tiết đơn hàng/ Items					Đơn giá/ Unit Price (Vnd)	Thành tiền/ Amount (Vnd)	Ghi chú Remarks
	Dày (Thick mm)	Rộng (W cm)	Dài (L dm)	Số lượng/Q'ty	Khối lượng (m3)			
A	ASH			1.00	20.576100		185,184,900	
1		GỖ TẤN BÌ		1.00	20.576100	9,000,000	185,184,900	
TỔNG CỘNG							185,184,900	

*** Ghi chú/ Remarks:**
- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế (VAT 8%) (nếu có) và chỉ có giá trị trong vòng 60 ngày/ This price does not include the tax (8% VAT) (if any) & valid within 60 days from the date of quotation.
- Đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển / This price does not include delivery cost.

Rất mong có cơ hội phục vụ quý khách / Please give us the opportunity to serve you
Cảm ơn / Thank you !

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
CENTRAL WOOD MATERIAL JOINT STOCK COMPANY

PHỤ LỤC 09: Giao diện hạch toán HD số 48 ngày 06/06/2025 vào phần mềm Smart Pro

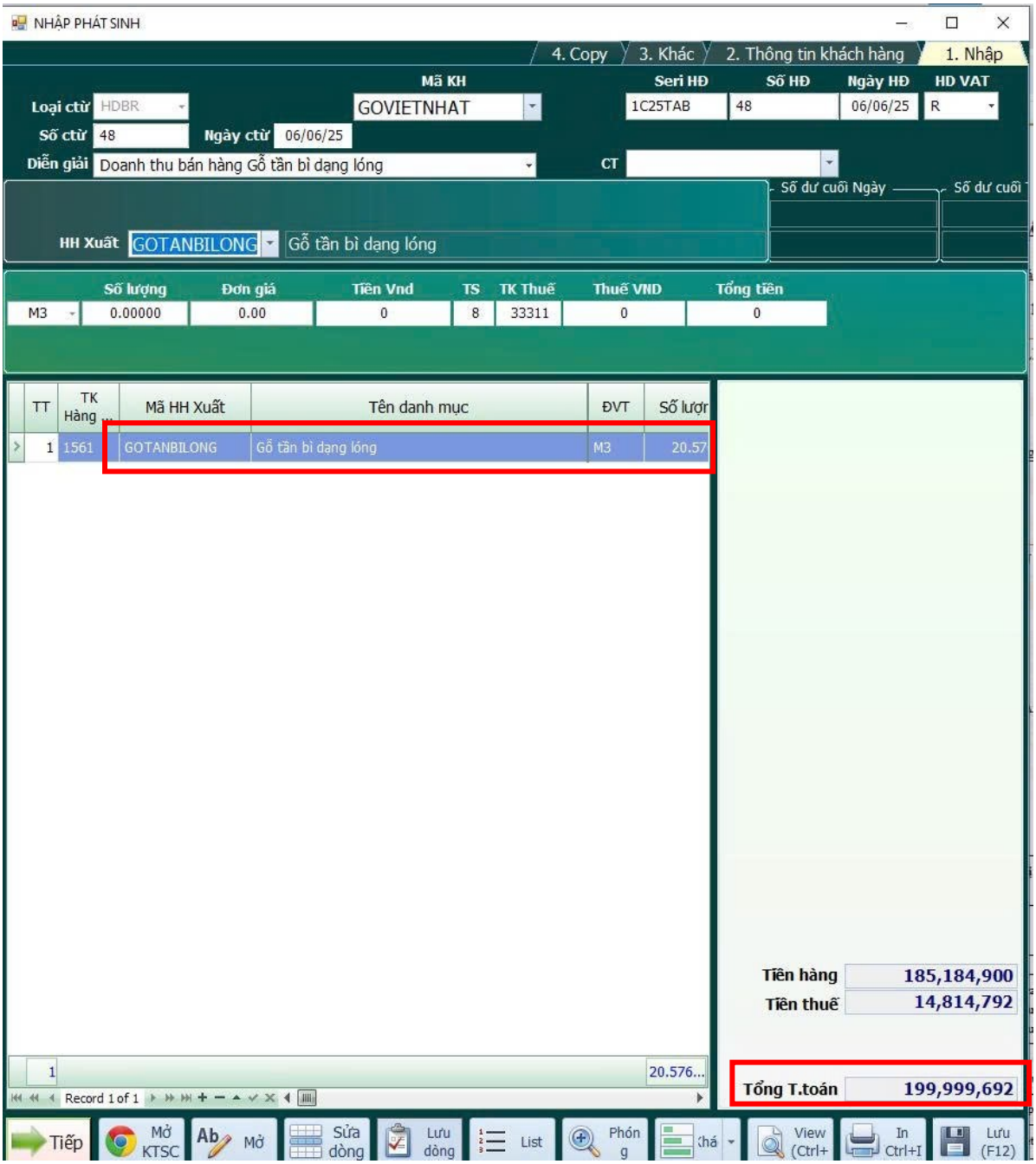

PHỤ LỤC 10: Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)
(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)
[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)
[02] Lần đầu: [X] **[03]** Bổ sung lần thứ: [ ]

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G46 - Bán buôn
[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %
[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
[07] Mã số thuế: 0401925595

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):
[09] Mã số thuế:
[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
A	**Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính**	**A**	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	17.793.131
B	**Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp**	**B**	
1	**Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)**	**B1**	**794**
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	794
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	**Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)**	**B8**	**0**
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	**Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)**	**B13**	**17.793.925**
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	17.793.925
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	**Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh**		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	17.793.925
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0

	Trong đó:		
3.1	*+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ*	*C3a*	*0*
3.2	*+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD*	*C3b*	*0*
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	17.793.925
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	17.793.925
	Trong đó:		
6.1	*+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 17%*	*C7*	*17.793.925*
6.2	*+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác*	*C8*	*0*
6.3	*+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)*	*C8a*	*0*
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi(C9 =(C7 x 17%) + (C8 x C8a))	C9	3.024.967
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN(C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	*+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi*	*C11*	*0*
8.2	*+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ*	*C12*	*0*
8.3	*+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ*	*C13*	*0*
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh(C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	3.024.967
D	**Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS**	**D**	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	**0**
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	**Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)**	**E**	**3.024.967**
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	3.024.967
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản*	*E3*	*0*
2.2	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ*	*E4*	*0*
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	*Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ*	*E6*	*0*
G	**Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)**	**G**	**0**
1	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh***		***0***
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS***		***0***

2	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS***		***0***
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	**Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp**	**H**	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	3.024.967
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS (H2=E3-G4)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ (H3=E4-G5)	H3	0
I	**Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=I1+I2)**	**I**	**3.024.967**
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	I1=E1+E5-G1-G2	3.024.967
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	I2=E2-G3-G4-G5	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 02 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

NGUYỄN THANH LONG

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tỉnh đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 3.024.967 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản

PHỤ LỤC 11: File excel hóa đơn điện tử từ trang wed hoadondientu.gdt.gov.vn

DANH SÁCH HÓA ĐƠN

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 28/02/2025

STT	Ký hiệu mẫu số	Ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn	Ngày lập	MST người bán/MST người xuất hàng	Tên người bán/Tên người xuất hàng	MST người mua/MST người nhận hàng	Tên người mua/Tên người nhận hàng	Địa chỉ người mua	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền thanh toán	Đơn vị tiền tệ	Tỷ giá	Trạng thái hóa đơn	Kết quả kiểm tra hóa đơn
1	1	C25TAB	1	03/01/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0402238732	CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC VÀ NỘI THẤT SIMIE HOME	Tổ 1, thôn Phò Nam, Xã Hoà Bắc, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	13.888.500,0	1.111.080,0	14.999.580,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
2	1	C25TAB	2	04/01/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401815592	CÔNG TY TNHH MTV SX - TM - DV AN BÌNH	47 Phú Lộc 15, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	-360.000,0	0	-360.000,0	VND	1.0	Hóa đơn điều chỉnh	Đã cấp mã hóa đơn
3	1	C25TAB	3	04/01/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401815592	CÔNG TY TNHH MTV SX - TM - DV AN BÌNH	47 Phú Lộc 15, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	-360.000,0	0	-360.000,0	VND	1.0	Hóa đơn điều chỉnh	Đã cấp mã hóa đơn
4	1	C25TAB	4	04/01/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401815592	CÔNG TY TNHH MTV SX - TM - DV AN BÌNH	47 Phú Lộc 15, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	55.555.556,0	4.444.444,0	60.000.000,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
5	1	C25TAB	5	13/01/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	3301320714	CÔNG TY TNHH SONG HÒA	Kiệt 11, Tổ dân phố Xuân Hòa, Phường Thủy Vân, Quận Thuận Hóa, Thành phố Huế, Việt Nam	17.592.620,0	1.407.410,0	19.000.030,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
6	1	C25TAB	6	13/01/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0400124465	CÔNG TY TNHH NHẬT LINH ĐÀ NẴNG	Số 06 Phước Hòa 2, Phường Hoà Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	10.848.090,0	867.847,0	11.715.937,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
7	1	C25TAB	7	18/01/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401842003	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HD	398/19 Hoàng Văn Thái, Phường Hoà Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	17.850.000,0	1.428.000,0	19.278.000,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
8	1	C25TAB	10	27/02/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG		Người mua không lấy hóa đơn		14.822.719,0	1.482.273,0	16.304.992,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
9	1	C25TAB	11	27/02/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	3301676037	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ TỔ CHỨC SỰ KIỆN HẢI ĐĂNG	20 Lê Quý Đôn, Phường Phú Hội, Quận Thuận Hóa, Thành phố Huế, Việt Nam	45.530.113,0	3.642.409,0	49.172.522,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
10	1	C25TAB	12	28/02/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401973729	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG WE HOME	02 - 04 Hoàng Đình Ái, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	5.000.000,0	400.000,0	5.400.000,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
11	1	C25TAB	8	21/02/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401486676	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGHỆ THUẬT CNC	Lô 167 - 168 Khu TĐC phía Nam Hoàng Văn Thái, Phường Hoà Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	129.629.630,0	10.370.370,0	140.000.000,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
12	1	C25TAB	9	26/02/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401543645	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NỘI THẤT ĐỨC TÚ	515 Âu Cơ, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	37.037.070,0	2.962.966,0	40.000.036,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn

DANH SÁCH HÓA ĐƠN

Từ ngày 01/03/2025 đến ngày 31/03/2025

STT	Ký hiệu mẫu số	Ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn	Ngày lập	MST người bán/MST người xuất hàng	Tên người bán/Tên người xuất hàng	MST người mua/MST người nhận hàng	Tên người mua/Tên người nhận hàng	Địa chỉ người mua	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền chiết khấu thương	Tổng tiền phí	Tổng tiền thanh toán	Đơn vị tiền tệ	Tỷ giá	Trạng thái hóa đơn	Kết quả kiểm tra đơn
1	1	C25TAB	13	04/03/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401772211	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN QUẢN LÝ VÀ DỊCH VỤ CMS	K85/1A Phó Đức Chính, Phường Mân Thái, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	7.407.450,0	592.596,0			8.000.046,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
2	1	C25TAB	14	05/03/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401945552	CÔNG TY CỔ PHẦN C SPACE	75 Hoàng Thế Thiện, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	10.300.000,0	824.000,0			11.124.000,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
3	1	C25TAB	15	10/03/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	4001257492	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGUYỄN QUANG MINH	135 Nguyễn Duy Hiệu, Phường Cẩm Châu, Thị xã Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	17.592.620,0	1.407.410,0			19.000.030,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
4	1	C25TAB	16	10/03/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401543645	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NỘI THẤT ĐỨC TÚ	515 Âu Cơ, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	80.111.140,0	6.408.891,0			86.520.031,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
5	1	C25TAB	17	15/03/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401963537	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SAVEHOUSE	101 Nguyễn Chí Thanh, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	17.000.000,0	1.360.000,0			18.360.000,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
6	1	C25TAB	18	17/03/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0400589291	CÔNG TY TNHH KẾT NỐI NHÂN ÁI	35a Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	17.000.000,0	1.360.000,0			18.360.000,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
7	1	C25TAB	19	19/03/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0400589291	CÔNG TY TNHH KẾT NỐI NHÂN ÁI	35a Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	17.000.000,0	1.360.000,0			18.360.000,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
8	1	C25TAB	20	20/03/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0402188753	CÔNG TY TNHH KHUNG VÀ TRANH PQ	24 Bàu Hạc 3, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	6.944.700,0	555.576,0			7.500.276,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
9	1	C25TAB	21	20/03/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0400589291	CÔNG TY TNHH KẾT NỐI NHÂN ÁI	35a Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	17.850.000,0	1.428.000,0			19.278.000,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
10	1	C25TAB	22	25/03/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0402237337	CÔNG TY CỔ PHẦN TM & DV DU LỊCH HOA HÒA BẮC	Thửa đất số 116, Tờ bản đồ số 50, Thôn Nam Mỹ, Xã Hoà Bắc, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	14.357.500,0	1.148.600,0			15.506.100,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
11	1	C25TAB	23	28/03/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401815592	CÔNG TY TNHH MTV SX - TM - DV AN BÌNH	47 Phú Lộc 15, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	92.592.625,0	7.407.410,0			100.000.035,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
12	1	C25TAB	24	29/03/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401543645	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NỘI THẤT ĐỨC TÚ	515 Âu Cơ, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	20.000.500,0	1.600.040,0			21.600.540,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
13	1	C25TAB	25	29/03/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401605404	CÔNG TY TNHH THC FURNITURE	Thôn Thạch Nham Đông, Xã Hoà Nhơn, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	27.015.995,0	2.161.280,0			29.177.275,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
14	1	C25TAB	26	31/03/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0402183152	CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC & NỘI THẤT ADDECOR	542 Hoàng Văn Thái, Phường Hoà Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	3.689.850,0	295.188,0			3.985.038,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
15	1	C25TAB	27	08/04/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0402262397	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỘI THẤT WOOD & WONDER	70 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	18.000.000,0	1.440.000,0			19.440.000,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
16	1	C25TAB	28	08/04/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401907885	CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT VÀ XÂY DỰNG VN THING	Tầng 2, số 45 đường Trần Ngọc Sương, Phường Hoà Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	1.537.037,0	122.963,0			1.660.000,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
17	1	C25TAB	29	09/04/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0402262397	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỘI THẤT WOOD & WONDER	70 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	18.000.000,0	1.440.000,0			19.440.000,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
18	1	C25TAB	30	10/04/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0402262397	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỘI THẤT WOOD & WONDER	70 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	18.000.000,0	1.440.000,0			19.440.000,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
19	1	C25TAB	31	11/04/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0402237337	CÔNG TY CỔ PHẦN TM & DV DU LỊCH HOA HÒA BẮC	Thửa đất số 116, Tờ bản đồ số 50, Thôn Nam Mỹ, Xã Hoà Bắc, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	16.362.000,0	1.308.960,0			17.670.960,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
20	1	C25TAB	32	14/04/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0402238732	CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC VÀ NỘI THẤT SIMIE HOME	Tổ 1, thôn Phô Nam, Xã Hoà Bắc, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	9.259.220,0	740.738,0			9.999.958,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
21	1	C25TAB	33	16/04/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0402237337	CÔNG TY CỔ PHẦN TM & DV DU LỊCH HOA HÒA BẮC	Thửa đất số 116, Tờ bản đồ số 50, Thôn Nam Mỹ, Xã Hoà Bắc, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	9.312.800,0	745.024,0			10.057.824,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
22	1	C25TAB	34	21/04/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401907885	CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT VÀ XÂY DỰNG VN THING	Tầng 2, số 45 đường Trần Ngọc Sương, Phường Hoà Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	13.500.040,0	1.080.003,0			14.580.043,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
23	1	C25TAB	35	22/04/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401907885	CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT VÀ XÂY DỰNG VN THING	Tầng 2, số 45 đường Trần Ngọc Sương, Phường Hoà Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	13.500.040,0	1.080.003,0			14.580.043,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
24	1	C25TAB	36	23/04/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	4001257492	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGUYỄN QUANG MINH	135 Nguyễn Duy Hiệu, Phường Cẩm Châu, Thị xã Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	17.595.000,0	1.407.600,0			19.002.600,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
									Thôn Thạch Nham Đông, Xã Hoà									

DANH SÁCH HÓA ĐƠN

Từ ngày 01/05/2025 đến ngày 31/05/2025

STT	Ký hiệu mẫu số	Ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn	Ngày lập	MST người bán/MST người xuất hàng	Tên người bán/Tên người xuất hàng	MST người mua/MST người nhận hàng	Tên người mua/Tên người nhận hàng	Địa chỉ người mua	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền chiết khấu	Tổng tiền phí	Tổng tiền thanh toán	Đơn vị tiền tệ	Tỷ giá	Trạng thái hóa đơn	Kết quả kiểm tra hóa đơn
1	1	C25TAB	39	05/05/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0402262397	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỘI THẤT WOOD & WONDER	70 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	18.000.000,0	1.440.000,0			19.440.000,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
2	1	C25TAB	40	06/05/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401543645	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NỘI THẤT ĐỨC TÚ	515 Âu Cơ, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	70.370.370,0	5.629.630,0			76.000.000,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
3	1	C25TAB	41	10/05/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401772211	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN QUẢN LÝ VÀ DỊCH VỤ CMS	K85/1A Phó Đức Chính, Phường Mân Thái, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	18.000.000,0	1.440.000,0			19.440.000,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
4	1	C25TAB	42	13/05/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401899514	CÔNG TY TNHH MTV NGÔ PHƯƠNG LINH	447/15 Núi Thành, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	1.509.259,0	120.741,0			1.630.000,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
5	1	C25TAB	43	13/05/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	8521871240	HỘ KINH DOANH NGÔ QUỐC VĨNH	Tổ 2, Thôn Nam Yên, Xã Hoà Bắc, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	9.259.200,0	740.736,0			9.999.936,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
6	1	C25TAB	44	16/05/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401605404	CÔNG TY TNHH THC FURNITURE	Thôn Thạch Nham Đông, Xã Hoà Nhơn, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	26.518.500,0	2.121.480,0			28.639.980,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
7	1	C25TAB	45	20/05/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401885487	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GỖ VIỆT NHẬT	183/34A đường Trần Thái Tông, Phường An Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	138.888.000,0	11.111.040,0			149.999.040,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
8	1	C25TAB	46	29/05/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0402262397	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỘI THẤT WOOD & WONDER	70 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	17.592.593,0	1.407.407,0			19.000.000,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
9	1	C25TAB	47	30/05/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401885487	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GỖ VIỆT NHẬT	183/34A đường Trần Thái Tông, Phường An Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	138.897.000,0	11.111.760,0			150.008.760,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
10	1	C25TAB	48	06/06/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401885487	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GỖ VIỆT NHẬT	183/34A đường Trần Thái Tông, Phường An Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	185.184.900,0	14.814.792,0			199.999.692,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
11	1	C25TAB	49	17/06/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401543645	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NỘI THẤT ĐỨC TÚ	515 Âu Cơ, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	100.000.000,0	8.000.000,0			108.000.000,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
12	1	C25TAB	50	24/06/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0402044818	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIÊN AN DECOR	Số 194 - 196 Bùi Tấn Diên, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	18.000.000,0	1.440.000,0			19.440.000,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
13	1	C25TAB	51	24/06/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401907885	CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT VÀ XÂY DỰNG VN THING	Tầng 2, số 45 đường Trần Ngọc Sương, Phường Hoà Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	4.194.455,0	335.556,0			4.530.011,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
14	1	C25TAB	52	26/06/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0402044818	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIÊN AN DECOR	Số 194 - 196 Bùi Tấn Diên, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	18.000.000,0	1.440.000,0			19.440.000,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
15	1	C25TAB	53	28/06/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401885487	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GỖ VIỆT NHẬT	183/34A đường Trần Thái Tông, Phường An Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	185.185.200,0	14.814.816,0			200.000.016,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
16	1	C25TAB	54	30/06/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	4300899064	CÔNG TY TNHH XD VÀ TM KHỞI AN	59 Phạm Ngũ Lão, P.Nghĩa Lộ, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	138.888.400,0	11.111.072,0			149.999.472,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn

DANH SÁCH HÓA ĐƠN

Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 31/07/2025

STT	Ký hiệu mẫu số	Ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn	Ngày lập	MST người bán/MST người xuất hàng	Tên người bán/Tên người xuất hàng	MST người mua/MST người nhận hàng	Tên người mua/Tên người nhận hàng	Địa chỉ người mua	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền chiết khấu	Tổng tiền phí	Tổng tiền thanh toán	Đơn vị tiền tệ	Tỷ giá	Trạng thái hóa đơn	Kết quả kiểm tra hóa đơn
1	1	C25TAB	55	03/07/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0402274804	CÔNG TY TNHH BLACK PEARL WORLD FOODS	75 Hoàng Kế Viêm, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	8.024.074,0	641.926,0			8.666.000,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
2	1	C25TAB	56	07/07/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401907885	CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT VÀ XÂY DỰNG VN THING	Tầng 2, số 45 đường Trần Ngọc Sương, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	3.903.675,0	312.294,0			4.215.969,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
3	1	C25TAB	57	08/07/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0400428216	HỘ KINH DOANH ĐOÀN THỊ YẾN	9 Mạc Đĩnh Chi, Phường Hải Châu, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam	3.333.330,0	266.666,0			3.599.996,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
4	1	C25TAB	58	08/07/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401923848	CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT MỘC HOUSING	12 Sơn Thủy 4, Phường Ngũ Hành Sơn , Thành phố Đà Nẵng	15.135.832,0	1.210.867,0			16.346.699,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
5	1	C25TAB	59	14/07/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0402274804	CÔNG TY TNHH BLACK PEARL WORLD FOODS	75 Hoàng Kế Viêm, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	9.290.700,0	743.256,0			10.033.956,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
6	1	C25TAB	60	14/07/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0402135448	CÔNG TY TNHH SMS FURNITURE	251/10 Thái Thị Bôi, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	31.274.674,0	2.501.974,0			33.776.648,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
7	1	C25TAB	61	16/07/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0402189877	CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC VÀ NỘI THẤT DUY NHẤT	584/30 Tôn Đản, Phường An Khê , Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	11.111.200,0	888.896,0			12.000.096,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
8	1	C25TAB	62	18/07/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0402262397	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỘI THẤT WOOD & WONDER	70 Phạm Hữu Kính, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	24.537.037,0	1.962.963,0			26.500.000,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
9	1	C25TAB	63	18/07/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0402274804	CÔNG TY TNHH BLACK PEARL WORLD FOODS	75 Hoàng Kế Viêm, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	3.881.700,0	310.536,0			4.192.236,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
10	1	C25TAB	64	18/07/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0402281696	CÔNG TY TNHH KEN GIFT	Số 171/1 Trần Thái Tông, Phường An Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	17.666.700,0	1.413.336,0			19.080.036,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
11	1	C25TAB	65	19/07/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0402274804	CÔNG TY TNHH BLACK PEARL WORLD FOODS	75 Hoàng Kế Viêm, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	5.017.590,0	401.407,0			5.418.997,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
12	1	C25TAB	66	22/07/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0402274804	CÔNG TY TNHH BLACK PEARL WORLD FOODS	75 Hoàng Kế Viêm, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	2.745.360,0	219.629,0			2.964.989,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
13	1	C25TAB	67	23/07/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401923848	CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT MỘC HOUSING	12 Sơn Thủy 4, Phường Ngũ Hành Sơn , Thành phố Đà Nẵng	17.359.259,0	1.388.741,0			18.748.000,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
14	1	C25TAB	68	25/07/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0402135448	CÔNG TY TNHH SMS FURNITURE	251/10 Thái Thị Bôi, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	47.993.674,0	3.839.494,0			51.833.168,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
15	1	C25TAB	69	25/07/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401630425	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XD&TM XUÂN THIÊN BẢO	K137-H02/24 Lê Văn Hiến, Phường Ngũ Hành Sơn , Thành phố Đà Nẵng	64.814.815,0	5.185.185,0			70.000.000,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn
16	1	C25TAB	70	28/07/2025	0401925595	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG	0401441259	CÔNG TY TNHH TRANG PHƯƠNG LINH	61 Lê Đình Thám, Phường Hòa Cường, TP Đà Nẵng, Việt Nam	4.189.500,0	335.160,0			4.524.660,0	VND	1.0	Hóa đơn mới	Đã cấp mã hóa đơn

PHỤ LỤC 12. Bảng kê chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra từ phần mềm kế toán

BẢNG KÊ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ BÁN RA

Kèm theo tờ khai thuế GTGT

(Dùng cho cơ sở kê khai khấu trừ thuế hàng Quý,Tháng)

Kỳ q1 năm 2025

Tên cơ sở kinh doanh : CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG **Mã số thuế : 0401925595**

Địa chỉ : Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng

STT	Hóa đơn chứng từ bán			Tên người mua	Mã số thuế	Mặt hàng	Doanh số bán chưa thuế	Thuế suất	Thuế GTGT
	Seri HĐ	Số HĐ	Ngày HĐ						
1	1C25TAB	1	03/01/25	CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC VÀ NỘI THẤT SIMIE HOME	0402238732	Gỗ sồi đỏ xẻ	13.888.500	8	1.111.080
2	1C25TAB	4	04/01/25	CÔNG TY TNHH MTV SX - TM - DV AN BÌNH	0401815592	Gỗ Tần bì ABC 40/50+	55.555.556	8	4.444.444
3	1C25TAB	5	13/01/25	CÔNG TY TNHH SONG HÒA	3301320714	Gỗ thông xẻ sấy	17.592.620	8	1.407.410
4	1C25TAB	6	13/01/25	CÔNG TY TNHH NHẬT LINH ĐÀ NẴNG	0400124465	Gỗ sồi đỏ xẻ	10.848.090	8	867.847
5	1C25TAB	7	18/01/25	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HD	0401842003	Gỗ Sồi đỏ xẻ	17.850.000	8	1.428.000
6	1C25TAB	8	21/02/25	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGHỆ THUẬT CNC	0401486676	Gỗ Sồi đỏ xẻ	129.629.630	8	10.370.370
7	1C25TAB	9	26/02/25	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NỘI THẤT ĐỨC TÚ	0401543645	Gỗ tần bì AB 40+	37.037.070	8	2.962.966
8	1C25TAB	10	27/02/25	Người mua không lấy hóa đơn		BỘ SẢN PHẨM RƯỢU CHIVAS REGAL AGED 12 YEARS BSW 12X70CL	14.822.719	10	1.482.273
9	1C25TAB	11	27/02/25	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ TỔ CHỨC SỰ KIỆN HẢI ĐĂNG	3301676037	Gỗ Tần bì ABC 40/50+	45.530.113	8	3.642.409
10	1C25TAB	12	28/02/25	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG WE HOME	0401973729	Gỗ thông xẻ sấy	5.000.000	8	400.000
11	1C25TAB	13	04/03/25	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN QUẢN LÝ VÀ DỊCH VỤ CMS	0401772211	Gỗ tần bì dạng lóng	7.407.450	8	592.596
12	1C25TAB	14	05/03/25	CÔNG TY CỔ PHẦN C SPACE	0401945552	Gỗ thông xẻ sấy	10.300.000	8	824.000
13	1C25TAB	15	10/03/25	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGUYÊN QUANG MINH	4001257492	Gỗ Tần bì ABC 40/50+	17.592.620	8	1.407.410
14	1C25TAB	16	10/03/25	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NỘI THẤT ĐỨC TÚ	0401543645	Gỗ Tần bì ABC 40/50+	80.111.140	8	6.408.891
15	1C25TAB	17	15/03/25	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SAVEHOUSE	0401963537	Gỗ Tần bì ABC 40/50+	17.000.000	8	1.360.000
16	1C25TAB	18	17/03/25	CÔNG TY TNHH KẾT NỐI NHÂN ÁI	0400589291	Gỗ Tần bì ABC 40/50+	17.000.000	8	1.360.000
17	1C25TAB	19	19/03/25	CÔNG TY TNHH KẾT NỐI NHÂN ÁI	0400589291	Gỗ Tần bì ABC 40/50+	17.000.000	8	1.360.000
18	1C25TAB	20	20/03/25	CÔNG TY TNHH KHUNG VÀ TRANH PQ	0402188753	Gỗ thông xẻ sấy	6.944.700	8	555.576
19	1C25TAB	21	20/03/25	CÔNG TY TNHH KẾT NỐI NHÂN ÁI	0400589291	Gỗ Tần bì ABC 40/50+	17.850.000	8	1.428.000
20	1C25TAB	22	25/03/25	CÔNG TY CỔ PHẦN TM & DV DU LỊCH HOA HÒA BẮC	0402237337	Gỗ thông xẻ sấy	14.357.500	8	1.148.600
21	1C25TAB	23	28/03/25	CÔNG TY TNHH MTV SX - TM - DV AN BÌNH	0401815592	Gỗ Tần bì ABC 40/50+	92.592.625	8	7.407.410
22	1C25TAB	24	29/03/25	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NỘI THẤT ĐỨC TÚ	0401543645	Gỗ Tần bì ABC 40/50+	20.000.500	8	1.600.040
23	1C25TAB	25	29/03/25	CÔNG TY TNHH THC FURNITURE	0401605404	Gỗ sồi đỏ xẻ	27.015.995	8	2.161.280
24	1C25TAB	26	31/03/25	CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC & NỘI THẤT ADDECOR	0402183152	Gỗ sồi đỏ xẻ	3.689.850	8	295.188
	Tổng cộng						**696.616.678**		**56.025.790**

Tổng doanh thu hàng hóa dịch vụ bán ra :	**696.616.678**
Tổng thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ bán ra :	**56.025.790**

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Nguyễn Thanh Long

PHỤ LỤC 13. Giao diện phần mềm kết chuyển số dư tài khoản - tự độn

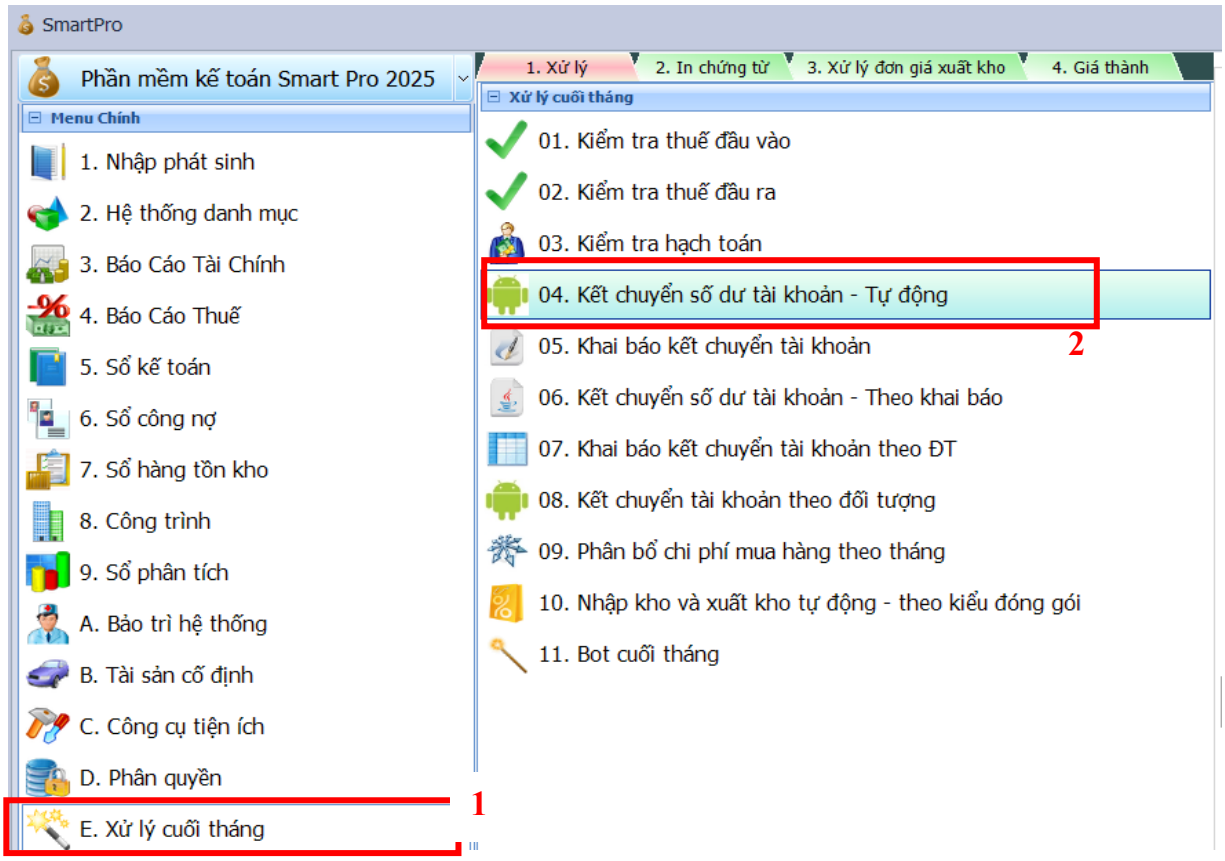

PHỤ LỤC 14. Giao diện kết chuyển số dư các tài khoản

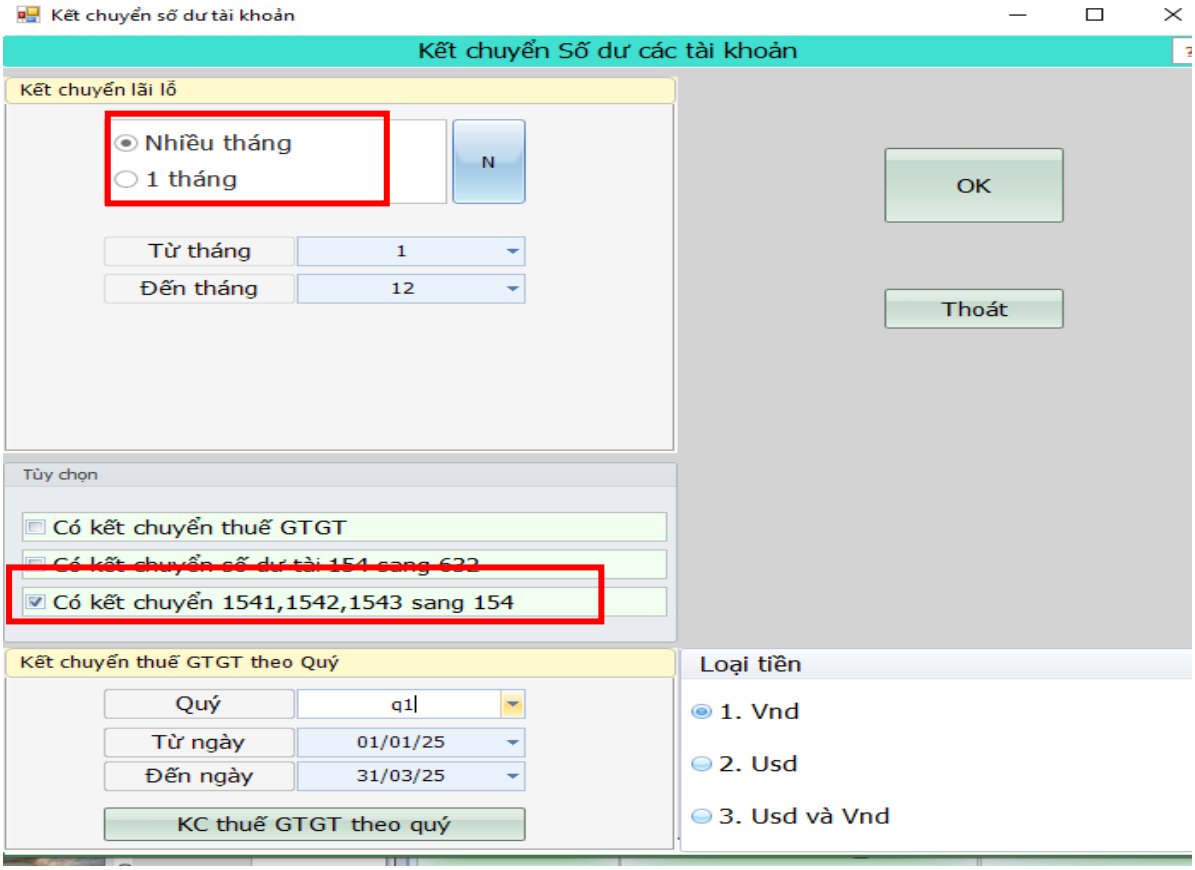

PHỤ LỤC 15: Sổ cái 642 sau khi hạch toán bảng lương đề xuất

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng
Mã số thuế : 0401925595

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
...	...	...	...	...	...	...
31/01/25	CPCPB.001/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Chuột máy tính RAPOO M219 Silent Black 12396 Tháng 1	242	12,121	
...	...	...	...	...	...	...
31/03/25	PKT.006	31/03/25	Lương BPBH tháng 3	334	17,504,000	
31/03/25		31/03/25	BHXH BPBH T3	3383	1,750,000	
31/03/25		31/03/25	BHYT BPBH T3	3384	300,000	
31/03/25		31/03/25	BHTN BPBH T3	3386	100,000	
31/03/25	PKT.006	31/03/25	Lương CP QLDN tháng 3	334	38,399,000	
31/03/25		31/03/25	BHXH BP QLDN T3	3383	4,025,000	
31/03/25		31/03/25	BHYT BP QLDN T3	3384	690,000	
31/03/25		31/03/25	BHTN BP QLDN T3	3386	230,000	
31/03/25	KC.04	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911		19,654,000
31/03/25	KC.05	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		44,233,536
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911		19,654,000
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		44,589,877
			CỘNG PHÁT SINH		**803,792,268**	**803,792,268**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		**803,792,268**	**803,792,268**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đoàn Quang Hiếu		**Nguyễn Thanh Long**

PHỤ LỤC 16: Sổ chi tiết 6421 sau khi hạch toán bảng lương đề xuất

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng
Mã số thuế : 0401925595

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 6421-Chi phí bán hàng

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
…	…	…	….	…	…	…
31/03/25	PKT.006	31/03/25	Lương BPBH T3	334	17,504,000	
31/03/25		31/03/25	BHXH BPBH T3	3383	1,750,000	
31/03/25		31/03/25	BHYT BPBH T3	3384	300,000	
31/03/25		31/03/25	BHTN BPBH T3	3386	100,000	
31/03/25	KC.04	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911		19,654,000
…	…	…	….	…	…	…
31/12/25	PKT.015	31/12/25	Lương BPBH T12	334	17,504,000	
31/12/25		31/12/25	BHXH BPBH T12	3383	1,750,000	
31/12/25		31/12/25	BHYT BPBH T12	3384	300,000	
31/12/25		31/12/25	BHTN BPBH T12	3386	100,000	
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911		19,654,000
			Cộng phát sinh		**248,152,000**	**248,152,000**
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đoàn Quang Hiếu		Nguyễn Thanh Long

PHỤ LỤC 17: Sổ chi tiết 6422 sau khi hạch toán bảng lương đề xuất

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU GỖ MIỀN TRUNG
Lô 29 Khu B2-37, KĐT Phước Lý, Phường Hòa Khánh, TP.Đà nẵng
Mã số thuế : 0401925595

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 6422-Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
01/01/25	PKT.002	01/01/25	Lệ phí môn bài năm 2025 phải nộp	3339	2,000,000	
02/01/25	CTNH.001	02/01/25	Phí ngân hàng	11211	14,300	
…	…	…	…	…	…	…
31/03/25	PKT.003	31/03/25	Lương BPBH tháng 3	334	38,399,000	
31/03/25		31/03/25	BHXH BPBH T3	3383	4,025,000	
31/03/25		31/03/25	BHYT BPBH T3	3384	690,000	
31/03/25		31/03/25	BHTN BPBH T3	3386	230,000	
31/03/25	KC.05	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		44,233,536
…	…	…	…	…	…	…
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		44,589,877
			Cộng phát sinh		**555,640,268**	**555,640,268**
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đoàn Quang Hiếu		Nguyễn Thanh Long

PHỤ LỤC 18: Trích Tờ khai thuế TNDN sau khi chỉnh đầy đủ

G	**Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)**	**G**	**0**
1	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh***		***0***
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS***		***0***
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	**Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp**	**H**	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS (H2=E3-G4)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ (H3=E4-G5)	H3	0
I	**Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=I1+I2)**	**I**	**0**
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	I1=E1+E5-G1-G2	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	I2=E2-G3-G4-G5	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	794
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	**Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)**	**B8**	**0**
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	**Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)**	**B13**	**(469.247.075)**
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	(469.247.075)
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	**Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh**		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	(469.247.075)

2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	*+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ*	*C3a*	*0*
3.2	*+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD*	*C3b*	*0*
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4 -C5=C7+C8)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	*+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%*	*C7*	*0*
6.2	*+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác*	*C8*	*0*
6.3	*+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)*	*C8a*	*0*
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi(C9 =(C7 x 20%) + (C8 x C8a))	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN(C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	*+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi*	*C11*	*0*
8.2	*+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ*	*C12*	*0*
8.3	*+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ*	*C13*	*0*
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	0
D	**Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS**	**D**	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	**0**
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0

8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	**Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)**	**E**	**0**
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản*	*E3*	*0*
2.2	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ*	*E4*	*0*
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	*Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ*	*E6*	*0*
G	**Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)**	**G**	**0**
1	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh***		***0***
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS***		***0***
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	**Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp**	**H**	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS (H2=E3-G4)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ (H3=E4-G5)	H3	0
I	**Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=I1+I2)**	**I**	**0**
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	I1=E1+E5-G1-G2	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	I2=E2-G3-G4-G5	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...